

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2026 (vật tư chuyên khoa Tim mạch)

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9... giờ, ngày 09/02/2026

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028 3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;

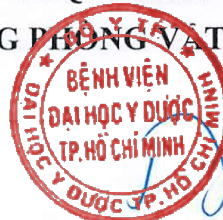
- Giám đốc (để báo cáo);

- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);

- Lưu: VT, VTTB (J22-282-ttbtran).

TUQ. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



PHỤ LỤC. DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bình chứa dịch gắn với máy bơm hút huyết khối, thể tích 1000ml	Bình chứa dịch gắn với máy bơm hút huyết khối - Chất liệu bình chứa bằng nhựa cứng - Thể tích 1000ml - Có bộ phận lọc bụi bẩn trước khi gắn vào bơm hút chân không Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100
2	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van Y, cầm máu dạng kết hợp vận và bấm	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực tối đa 30atm - Thể tích 20ml - 25ml 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp vận và bấm - Đường kính trong: khoảng 9Fr - 10Fr 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Khoá ba ngã Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	500
3	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van Y, kèm dây nối dài 20cm → 25cm	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực $\geq 30\text{atm}$ - Thể tích $\geq 20\text{ml}$ 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp vận và bấm - Đường kính trong: khoảng 7Fr - 9Fr 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Khoá ba ngã 6. Dây nối dài khoảng 20cm - 25cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	800
4	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van Y, kèm đồng hồ áp lực huỳnh quang	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van, kèm đồng hồ áp lực huỳnh quang 1. Bơm áp lực - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực tối đa 30atm - Thể tích $\geq 25\text{ml}$ 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp vận và bấm - Đường kính trong $\geq 10\text{Fr}$ 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay 5. Khoá ba ngã 6. Dây nối dài khoảng 10cm - 30cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1300
5	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van Y	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch có van 1. Bơm áp lực - Chất liệu thân và khoá nối bằng PC, không chứa DEHP, Latex - Áp lực $\leq 30\text{atm}$ - Thể tích khoảng 20ml - 25ml 2. Van Y cầm máu dạng kết hợp bấm và vận - Đường kính trong $\geq 10\text{Fr}$ 3. Dụng cụ đưa dây dẫn 4. Đầu gắn dây dẫn để xoay Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	800

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, áp lực 40atm	Bộ bơm áp lực trong can thiệp mạch, áp lực 40atm - Thẻ tích bơm tiêm 30ml - Bơm bóng với cả áp suất thấp lẫn áp suất cao - Dung tích ống lớn cho phép nhanh chóng dễ dàng giảm áp. Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	100
7	Bộ can thiệp tĩnh mạch cửa dùng cho các chẩn đoán và can thiệp gan	Bộ can thiệp tĩnh mạch cửa dùng cho các chẩn đoán và can thiệp gan - Kim chọc 17G, chiều dài ≥ 70cm Bao gồm: - Ống thông cứng có dải cản quang - Ống luồn mở đường - Ống thông mang kim chọc có vị trí đánh dấu - Ống thông chụp mạch máu đa năng Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	20
8	Bộ điện cực dán dùng trong lập bản đồ điện tim 3D	Bộ điện cực dán dùng trong lập bản đồ điện tim 3D - Tạo ra lên đến 16 bề mặt tim khác nhau trong một mô hình duy nhất - Định vị điện cực 102 lần mỗi giây, hiển thị lên đến 128 điện cực	Gói	40
9	Bộ điện cực dán dùng trong lập bản đồ điện tim 3D, hỗ trợ tính năng từ trường	Bộ điện cực dán dùng trong lập bản đồ điện tim 3D, hỗ trợ tính năng từ trường Bao gồm: - 01 Điện cực tham chiếu hệ thống, - 01 Điện cực RL ECG - 06 Điện cực bề mặt - 04 Miếng dán cảm biến tham chiếu bệnh nhân	Gói	40
10	Bộ dụng cụ bít ống động mạch bằng coil	Bộ dụng cụ bít ống động mạch bằng coil 1. Coil - Chất liệu bằng Nitinol - Đường kính đầu gần: có tối thiểu các cỡ 4mm, 6mm - Đường kính đầu xa: có tối thiểu các cỡ 4mm, 9mm, 11mm - Chiều dài ≥ 3.5mm 2. Catheter - Chiều dài ≥ 85cm - Tương thích với bộ dụng cụ mở đường 4Fr hoặc 5Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8
11	Bộ dụng cụ cắt đốt lạnh điện sinh lý tim điều trị rung nhĩ	Bộ dụng cụ cắt đốt lạnh điện sinh lý tim điều trị rung nhĩ, lái chuyển hướng 2 chiều 45° 1. Catheter đốt lạnh với bóng bằng Polyurethane - Kích thước 10.5 Fr, dài ≥ 140 cm - Đường kính khi phồng 23cm hoặc 28cm 2. Catheter định vị dạng vòng 15cm hoặc 20cm, có 8 điện cực, kích thước thân khoảng 3.0Fr - 3.5Fr Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	6
12	Bộ dụng cụ sửa van hai lá qua đường ống thông dạng kẹp mép van	Bộ dụng cụ sửa van hai lá qua đường ống thông dạng kẹp mép van 1. Dụng cụ kẹp: - Chất liệu bằng Cobalt Chromium, được phủ bằng sợi Polyester - Chiều dài cánh kẹp từ 9mm đến 12mm - Chiều rộng cánh kẹp khi cố định từ 4mm đến 6mm - Chiều rộng cánh kẹp khi mở góc tối đa từ 20mm đến 25mm 2. Dụng cụ hỗ trợ: - Ống thông dẫn đường - Dụng cụ nong mạch máu - Miếng đệm Silicone Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	6

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, bằng Polyamide và Polyethylene, phủ Hydrophilic, dài ≥ 140cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Catheter - Chất liệu bằng Polyamide và Polyethylene, phủ Hydrophilic - Cỡ 6Fr, dài ≥ 140cm, tương thích dây dẫn 0.014" 2. Dây dẫn trong lòng Catheter (Stylet) 3. Bơm tiêm có chế độ khóa áp lực âm 4. Dây nối có khóa 5. Lọc huyết khối Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
14	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, gồm 3 lớp, dài ≥ 135cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Catheter - Chất liệu gồm 3 lớp: lớp ngoài hỗn hợp Nylon và Pebax, lớp giữa sợi kim loại, lớp trong PTFE - Cỡ 6Fr, dài ≥ 135cm, tương thích dây dẫn 0.014" 2. Dây dẫn trong lòng Catheter (Stylet) 3. Bơm tiêm có chế độ khóa áp lực âm 4. Dây nối có khóa 5. Lọc huyết khối Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
15	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, phủ Hydrophilic, lớp bên trong bằng PTFE, dài ≥ 140cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Catheter - Chất liệu phủ Hydrophilic, lớp bên trong bằng PTFE - Cỡ 6Fr, dài ≥ 140cm, tương thích dây dẫn 0.014" 2. Dây dẫn trong lòng Catheter (Stylet) 3. Bơm tiêm có chế độ khóa áp lực âm 4. Dây nối có khóa 5. Lọc huyết khối Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8
16	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành, phủ Nylon và Pebax, dài ≥ 140cm	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch vành 1. Catheter - Chất liệu phủ Nylon và Pebax, bên trong có đường viên bên thép không gỉ - Cỡ 4Fr, dài ≥ 140cm, tương thích dây dẫn 0.014" 2. Dây dẫn trong lòng Catheter (Stylet) 3. Bơm tiêm có chế độ khóa áp lực âm 4. Dây nối có khóa 5. Khay chứa lọc máu 6. Lọc huyết khối Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8
17	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu (quay và đui), cỡ 5Fr → 9Fr, dài 11cm → 70cm	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu (quay và đui) 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng nhựa mềm - Đường kính khoảng 5Fr - 9Fr, có tối thiểu các cỡ 5Fr; 6Fr; 7Fr; 8Fr; 9Fr - Dài khoảng 11cm - 70cm 2. Kim chọc cỡ 18G hoặc 20G 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.021" hoặc 0.035", dài ≥ 45cm 4. Ống nối lòng mạch máu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi, cỡ 4Fr → 8Fr, dài ≥ 11cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi có van ngăn chặn máu rò rỉ - Dụng cụ mở đường - Chất liệu Polyethylene và Polypropylene - Đường kính khoảng 4Fr - 8Fr, có tối thiểu các cỡ 4Fr, 6Fr, 8Fr - Chiều dài ≥ 11cm - Kim chọc mạch 18G, dài ≥ 7cm - Dây dẫn nhỏ làm bằng thép không gỉ cỡ 0.038", dài khoảng 45cm - 50cm, đầu cong hình J - Khóa 3 ngã - Khay cố định Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1000
19	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi, cỡ 4Fr → 8Fr, dài 7cm → 10cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi - Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng ETFE - Đường kính khoảng 4Fr - 8Fr, có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài khoảng 7cm - 10cm, có tối thiểu các cỡ 7cm, 10cm - Kim chọc cỡ 18G, 20G, dài ≥ 3cm - Dây dẫn nhỏ cỡ 0.025", 0.035", dài ≥ 45cm - Bơm tiêm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2320
20	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, cỡ 5Fr → 7Fr, dài ≥ 25cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch - Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng ETFE - Đường kính khoảng 5Fr - 7Fr, có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr - Chiều dài ≥ 25cm - Dây dẫn nhỏ, đầu cong cỡ 0.035", 0.038", dài ≥ 80cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100
21	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 4Fr → 6Fr, dài 7cm → 23cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay - Dụng cụ mở đường - Chất liệu polyethylene và Polypropylene - Có ngăn chặn máu rò rỉ - Đường kính khoảng 4Fr - 6Fr, có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr - Chiều dài khoảng 7cm - 23cm, có tối thiểu các cỡ 7cm, 11cm, 23cm - Kim chọc cỡ 21G, dài ≥ 4cm - Dây dẫn bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài ≥ 40cm - Khóa 3 ngã Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	800
22	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 6Fr, dài 10cm → 16cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay - Dụng cụ mở đường - Chất liệu phủ lớp ái nước - Đường kính 6Fr - Chiều dài khoảng 10cm - 16cm, có tối thiểu cỡ 10cm, 16cm - Kim chọc cỡ 20G, dài ≥ 3cm - Dây dẫn nhỏ plastic cỡ 0.025", dài có tối thiểu các cỡ 45cm, 80cm - Bơm tiêm 2.5ml hoặc 3ml - Que nong chất liệu Polypropylene Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
23	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 6Fr → 7Fr, dài ≥ 10cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay - Dụng cụ mở đường - Chất liệu bằng ETFE, phủ lớp hydrophilic - Đường kính khoảng 6Fr - 7Fr, đường kính ngoài nhỏ hơn 1Fr so với cùng cỡ (thành mỏng) - Chiều dài ≥ 10cm - Kim chọc cỡ 20G, dài khoảng 50mm - 52mm - Dây dẫn nhỏ cỡ 0.025", dài ≥ 45cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	600
24	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, cỡ 4Fr → 5Fr	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay Gồm: - Dụng cụ mở đường - Đường kính cỡ 4Fr, 5Fr - Chiều dài có tối thiểu cỡ 10cm - Kim chọc cỡ 21G, dài tối thiểu có cỡ 4cm, 7cm - Dây dẫn nhỏ cỡ 0.018", dài ≥ 40cm - Que nong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	100
25	Bộ dụng cụ thay van động mạch phổi qua đường ống thông	Bộ dụng cụ thay van động mạch phổi qua đường ống thông - Van động mạch phổi - Chất liệu khung van bằng Nitinol - Chất liệu lá van bằng màng ngoài tim của heo - Đường kính ngoài của van có tối thiểu các cỡ 18mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm - Đường kính độ hở của van có tối thiểu các cỡ 22mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 36mm - Catheter thả van - Có tối thiểu cỡ 18Fr, 20Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15
26	Bộ dụng cụ thông liên thất dạng coil	Bộ dụng cụ thông liên thất dạng coil - Chất liệu Nitinol, coil có sợi Polyester - Coil được gắn sẵn với delivery catheter 6Fr, 7Fr - Kích cỡ coil có tối thiểu các cỡ 8x6mm, 10x6mm, 12x6mm, 12x8mm, 14x8mm, 16x8mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
27	Bộ dụng cụ vít nội mạch dùng hỗ trợ đặt stent graft	Bộ dụng cụ vít cố định dùng trong can thiệp động mạch chủ cho những tổn thương có giải phẫu phức tạp, hỗ trợ cố định stent graft sau đặt hoặc trường hợp rò nội mạc tuỷ I. - Chất liệu: hợp kim Niken-Coban - Kích thước: đường kính 3mm, chiều dài 4.5mm (± 0.5%) Các bộ phận đi kèm: - Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ ngực: - Ống thông điều chỉnh hướng: dài ≥ 90cm, đường kính ngoài 18Fr. - Điều khiển cầm tay: dài ≥ 110cm, đường kính ngoài 12Fr. - Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ bụng: - Ống thông điều chỉnh hướng dài ≥ 60cm, đường kính ngoài 16Fr - Điều khiển cầm tay dài ≥ 85cm, đường kính ngoài 12Fr. Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp ngoại biên và xuyên gan qua da, kim chọc cỡ 22G	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp ngoại biên và xuyên gan qua da 1. Dụng cụ mở đường - Chất liệu có lớp phủ ái nước hoặc lớp phủ silicone - Đường kính 6Fr 2. Kim chọc cỡ 22G, dài $\geq 20\text{cm}$ 3. Dây dẫn nhỏ cỡ 0.018", dài $\geq 60\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	250
29	Bộ kim chọc sinh thiết trong gan qua đường tĩnh mạch cánh, có tối thiểu cỡ 18G, 19G	Bộ kim chọc sinh thiết trong gan qua đường tĩnh mạch cánh - Cỡ đầu kim có tối thiểu cỡ 18G, 19G - Tương thích sheath: 7Fr, dài $\leq 60\text{cm}$ - Đầu kim trocar kết hợp với rãnh lấy mẫu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	20
30	Bộ phân phối 2, 3 đường, áp lực $\geq 200\text{psi}$	Bộ phân phối 2, 3 đường - Chất liệu Polycarbonate - Đường kính trong $\geq 0.093"$ - Van khóa 2, 3 ngã, chịu áp lực $\geq 200\text{psi}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	700
31	Bộ phân phối 3 đường, áp lực $\geq 250\text{psi}$, dây truyền thuốc cân quang	Bộ phân phối 3 đường 1. Chất liệu Polycarbonate - Van khóa 3 ngã, áp lực $\geq 250\text{psi}$ 2. Dây theo dõi áp lực dài $\geq 150\text{cm}$, áp lực tối đa 1200psi 3. Dây truyền dịch 4. Dây truyền thuốc cân quang Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1700
32	Bộ phân phối 3 đường, áp lực $\geq 600\text{psi}$, có tay cầm	Bộ phân phối 3 đường - Chất liệu Polycarbonate - Đường kính trong $\geq 0.09"$ - Van khóa 3 ngã, chịu áp lực $\geq 600\text{psi}$ - Có tay cầm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	300
33	Bộ thả dù có van cầm máu	Bộ thả dù có van cầm máu - Chất liệu ống thông PTFE, phủ lớp Pebax - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 9Fr, 12Fr - Chiều dài $\geq 80\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
34	Bộ thả dù đóng lỗ tiểu nhĩ, cỡ 12Fr $\rightarrow$ 14Fr	Bộ thả dù đóng lỗ tiểu nhĩ - Chất liệu ống thông bằng Polymer gia cố bằng lớp sợi bện thép không gỉ bên trong - Đầu cong 45° - Đường kính khoảng 12Fr - 14Fr, có tối thiểu các cỡ 12Fr, 14Fr - Chiều dài có tối thiểu cỡ 80cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Bộ thả dù đóng ống động mạch, liên thất, liên nhĩ, có cân quang, cỡ 4Fr → 13Fr	Bộ thả dù đóng ống động mạch, liên thất, liên nhĩ, có cân quang - Chất liệu ống thông bằng Polymer gia cố bằng lớp sợi bên thép không gỉ, lớp lót PTFE bên trong - Có van cầm máu áp suất cao - Độ cong có tối thiểu các cỡ 45°, 180° - Đường kính khoảng 4Fr - 13Fr, có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr - Chiều dài khoảng 60cm - 200cm - Bao gồm: cáp thả dù, cây nong, dụng cụ nạp dù, van cầm máu, kẹp cáp bằng nhựa Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Bộ	210
36	Bộ thả dù đóng thông liên thất, liên nhĩ, có van vận cầm máu áp suất cao	Bộ thả dù đóng thông liên thất, liên nhĩ, có van vận cầm máu áp suất cao 1. Chất liệu: khung bên bằng Tungsten, phủ lớp Nylon, Colorant. Bên trong ống thông phủ lớp PTFE 2. Ống nối chữ Y với van cầm máu - Sheath dài ≥ 80cm - Cong 45° và 180° - Tương thích với dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	105
37	Bộ thả dù đóng thông liên nhĩ	Bộ thả dù đóng thông liên nhĩ - Chất liệu ống thông bằng nhựa với lớp lót PTFE bên trong - Đường kính có tối thiểu các cỡ 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr - Chiều dài ≥ 60cm - Đầu cong 45° Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	35
38	Bộ thả dù đóng thông liên thất, liên nhĩ, PFO	Bộ thả dù đóng liên thất, liên nhĩ, PFO - Chất liệu ống thông bằng Polymer gia cố bằng lớp sợi bên thép không gỉ, lớp lót PTFE bên trong - Kích thước có tối thiểu các cỡ 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr, 10Fr, 12Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 60cm, 80cm - Độ cong có tối thiểu các cỡ 45° - Bao gồm: cáp thả dù, cây nong, dụng cụ nạp dù, van cầm máu, kẹp cáp bằng nhựa Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Bộ	10
39	Bơm hút huyết khối dùng trong chẩn đoán và can thiệp để loại bỏ qua da, xuyên lòng các chất huyết khối, huyết khối tắc mạch và huyết khối xơ vữa từ các tắc nghẽn mới, bán cấp và mạn tính	Bơm hút huyết khối dùng trong chẩn đoán và can thiệp để loại bỏ qua da, xuyên lòng các chất huyết khối, huyết khối tắc mạch và huyết khối xơ vữa từ các tắc nghẽn mới, bán cấp và mạn tính - Bao gồm: 1. Bộ điều khiển: điều chỉnh tốc độ 2. Động cơ: kết nối với bộ điều khiển 3. Công tắc chân: kết nối với bộ điều khiển Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	2
40	Bơm tiêm cân quang 150ml tương thích với máy bơm thuốc cân quang Medrad Mark 7	Bơm tiêm cân quang 150ml - Chất liệu ống tiêm Polycarbonate - Thể tích 150ml - Áp suất ≥ 1200psi - Bao gồm 01 xi lanh và 01 ống nạp nhanh - Tương thích với máy bơm thuốc cân quang Medrad Mark 7 Arterion Injection System tại Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1200
41	Bơm tiêm cân quang 150ml tương thích với máy Optivantage Mallinkrodt	Bơm tiêm cân quang 150ml - Chất liệu Copolyester không latex - Áp suất ≥ 1200psi - Tương thích máy Optivantage Mallinkrodt (Angiomat illumena) của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	900

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Bơm tiêm dùng trong can thiệp mạch máu, có tối thiểu cỡ 1ml, 3ml, 10ml	Bơm tiêm dùng trong can thiệp mạch máu - Chất liệu bằng Polycarbonate - Đầu luer lock - Có tối thiểu cỡ 1ml, 3ml, 10ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2000
43	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, cỡ 7Fr → 9Fr	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ - Chất liệu màng bóng Polyurethane, lớp phủ Hydrophilic - Kích cỡ khoảng 7Fr - 9Fr, có tối thiểu cỡ 7Fr, 8Fr - Thể tích bóng có tối thiểu các cỡ 30cc, 40cc - Đường kính lumen trung tâm 0.027" - Catheter chất liệu bằng Polyurethane - Tương thích dây dẫn 0.025" - Tương thích với máy Autocat (bệnh viện) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	25
44	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ	Bóng bơm ngược dòng động mạch chủ 1. Bóng - Chất liệu: Polyurethane - Chiều dài bóng khoảng 160mm - 260mm - Đường kính trong: 0.027" - Dung tích từ 25ml đến 40ml, tối thiểu 3 cỡ 2. Catheter và dụng cụ đi kèm: không chứa Latex - Tối thiểu có cỡ 7.5Fr - Tương thích máy bơm bóng đối xung động mạch chủ Datascope CS 300 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
45	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não, hỗ trợ thả coils - Chất liệu Pebax, Polyurethane - Đường kính khoảng 3mm - 5mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 10mm, 30mm - Kèm vi dây dẫn 0.010" - Catheter mang bóng: dài khoảng 140cm - 150cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
46	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng, 2 nòng	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng, 2 nòng (lòng bơm bóng và lòng đi dây dẫn riêng nhau) - Chất liệu phủ Hydrophilic tại ngã ba (nòng- bóng - ống thông) - Đường kính có tối thiểu kích cỡ 4mm - Chiều dài có tối thiểu các kích cỡ 10mm, 15mm, 20mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
47	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 18mm → 34mm	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu Nhựa - Đường kính bóng khoảng 18mm - 34mm, có tối thiểu các cỡ 18mm, 24mm, 34mm - Chiều dài khoảng 35mm - 55mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	90

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
48	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 24mm → 34mm	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu Polyamide - Đường kính bóng khoảng 24mm - 34mm, có tối thiểu các cỡ 24mm, 34mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45
49	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ, đường kính bóng 25mm → 35mm	Bóng nong đo lỗ thông liên nhĩ - Chất liệu Urethane - Đường kính bóng khoảng 25mm - 35mm, có tối thiểu các cỡ 25mm, 35mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	61
50	Bóng nong can thiệp động mạch chủ, động mạch phổi, đường mật và ngoại biên, đường kính 12mm → 30mm, dài 20mm → 60mm	Bóng nong can thiệp động mạch chủ, động mạch phổi, đường mật và ngoại biên - Chất liệu PET - Đường kính bóng khoảng 12mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm - Chiều dài bóng khoảng 20mm - 60mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
51	Bóng nong can thiệp động mạch chủ, động mạch phổi, đường mật và ngoại biên, đường kính 12mm → 26mm, dài 20mm → 60mm	Bóng nong can thiệp động mạch chủ, động mạch phổi, đường mật và ngoại biên - Đường kính khoảng 12mm - 26mm, có tối thiểu các cỡ 14mm, 20mm, 26mm - Chiều dài khoảng 20mm - 60mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm - Chiều dài Catheter: 80cm hoặc 120cm - Áp suất tối đa 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	27
52	Bóng nong can thiệp động mạch chủ, động mạch phổi, đường mật và ngoại biên, đường kính bóng 10mm → 32mm, dài 20mm → 60mm	Bóng nong can thiệp động mạch chủ, động mạch phổi, đường mật và ngoại biên, loại bóng trong bóng - Đường kính khoảng 10mm - 32mm - Chiều dài khoảng 20mm - 60mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 80cm, 100cm, 120cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
53	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - hẹp động mạch cánh, đường kính bóng 4.0mm → 7.0mm, dài 15mm → 40mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - hẹp động mạch cánh - Đường kính khoảng 4.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 4mm, 4.5mm, 5mm, 5.5mm, 6mm, 7mm - Chiều dài khoảng 15mm - 40mm, có tối thiểu 15mm, 20mm, 30mm, 40mm - Áp lực gây vỡ bóng ≥ 14atm - Đường kính thân ống thông mang bóng ≤ 3.3Fr - Chiều dài khả dụng của ống thông mang bóng ≥ 142cm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 4Fr - 5Fr Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
54	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm	Bóng nong can thiệp hẹp động mạch não - Chất liệu bóng Pebax, catheter bằng Silicon - Đường kính bóng khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài bóng ≥ 8mm, đường kính lòng bóng khoảng 0.0165" - 0.017" - Chiều dài catheter mang bóng ≥ 150cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5mm → 7.0mm, dài 20mm → 240mm, hệ thống OTW	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax, phủ ái nước bên ngoài và phủ kháng nước bên trong lòng ống - Đường kính bóng 1.5mm - 7.0mm - Chiều dài bóng 20mm - 240mm - Chiều dài ống thông tối đa 200cm - Áp lực vỡ bóng ≥ 16atm - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
56	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5mm → 5.0mm, dài 2cm → 30cm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu phủ lớp ái nước kép - Đường kính khoảng 1.5mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 2cm - 30cm, có tối thiểu các cỡ: 2cm, 8cm, 10cm, 15cm, 22cm, 30cm - Chiều dài ống thông ≥ 150cm - Áp suất tối đa 16atm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 4Fr - 5Fr - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	12
57	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0mm → 9.0mm, dài 2cm → 30cm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu phủ lớp ái nước kép - Đường kính khoảng 2.0mm - 9.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 3.0mm, 5.0mm, 7.0mm, 9.0mm - Chiều dài khoảng 2cm - 30cm, có tối thiểu các cỡ: 2cm, 8cm, 10cm, 15cm, 22cm, 30cm - Chiều dài ống thông khoảng 75cm - 150cm - Áp suất ≤ 16atm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 4Fr - 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.018" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	12
58	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 20mm → 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu bóng Semi Crystalline Polymer, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2mm, 2.5mm, 3mm, 3.5mm, 4mm. - Chiều dài khoảng 20mm - 220mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 70mm, 100mm, 140mm, 180mm, 220mm. - Chiều dài ống thông tối thiểu có các cỡ: 90cm, 120cm, 150cm. - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	95
59	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 40mm → 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Nylon, phủ Hydrophilic và phủ Hydrophobic - Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm - Chiều dài từ 40mm đến 220mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 90cm, 150cm - Áp lực tối đa ≤ 14atm. - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW và Monorail Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
60	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5mm → 6.0mm, dài 15mm → 240mm, hệ thống Monorail	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax, phủ ái nước bên ngoài và phủ kháng nước bên trong lòng ống - Đường kính bóng 1.5mm - 6.0mm - Chiều dài bóng 15mm - 240mm - Chiều dài ống thông tối đa 150cm - Áp lực vỡ bóng khoảng 18atm - 22atm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại Monorail Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
61	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0mm → 10.0mm, dài 10mm → 220mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Pebax trên bóng phủ lớp ái nước Hydrophilic - Đường kính từ 2.0mm đến 10.0mm - Chiều dài từ 10mm đến 220mm - Ống thông dài khoảng 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150cm - Tương thích dây dẫn 0.014" hoặc 0.018" - Áp lực vỡ bóng tối đa 14atm - Hệ thống loại OTW và Monorail Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	160
62	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài ≥ 90mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài ≥ 90mm, có tối thiểu các cỡ 90mm, 120mm, 150mm, 180mm, 210mm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20
63	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0mm → 7.0mm, dài 20mm → 200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu bóng Semi Crystalline Polymer, phủ Hydrophobic - Đường kính khoảng 2.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 200mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 120mm, 150mm, 170mm, 200mm - Chiều dài hệ thống có các cỡ 90cm, 130cm, 150cm - Tương thích dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45
64	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.5mm → 7.0mm, dài 14mm → 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng PEBA, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 1.5mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.50mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 14mm - 120mm, có tối thiểu các cỡ 14mm, 17mm, 20mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 80mm, 120mm - Chiều dài hệ thống 150cm ± 2 cm - Áp lực vỡ bóng: 13atm - 16atm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại Monorail Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
65	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0mm → 10.0mm, dài ≥ 10mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên dùng cho can thiệp đùi, dưới gối - Chất liệu bóng Nylon - Đường kính khoảng 2.0mm - 10.0mm - Chiều dài ≥ 10mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 200mm, 220mm, 280mm - Chiều dài hệ thống khoảng 80cm - 150cm - Áp lực tối đa 18atm - Tương thích dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
66	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 1.25mm → 5.0mm, dài ≥ 10mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên dùng cho can thiệp đùi, dưới gối - Chất liệu bóng Nylon - Đường kính khoảng 1.25mm - 5.0mm - Chiều dài ≥ 10mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 200mm, 220mm, 250mm, 280mm - Chiều dài hệ thống có các cỡ 120cm, 150cm - Áp lực tối đa 18atm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
67	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 2.0mm → 7.0mm, dài 20mm → 180mm, có thể điều chỉnh kích cỡ	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên có thể điều chỉnh kích cỡ - Chất liệu Semi Crystalline Polymer, phủ lớp kỵ nước - Đường kính khoảng 2.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài có thể điều chỉnh được khoảng 20mm - 180mm - Tương thích dây dẫn 0.014" và 0.018" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
68	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 12mm → 14mm, dài 20mm → 60mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng: Co-Extruded, phủ ải nước - Đường kính khoảng 12mm - 14mm, có tối thiểu các cỡ 12mm, 14mm - Chiều dài khoảng 20mm - 60mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm - Chiều dài trục thân có tối thiểu cỡ 75cm, 120cm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Áp suất tối đa ≤ 8atm - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	155
69	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 12.0mm, dài 2cm → 30cm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu phủ lớp ải nước kép - Đường kính khoảng 3.0mm - 12.0mm, có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 5.0mm, 7.0mm, 9.0mm, 12mm - Chiều dài khoảng 2cm - 30cm, có tối thiểu các cỡ: 2cm, 8cm, 10cm, 15cm, 20cm, 30cm - Chiều dài ống thông trong 75cm hoặc 130cm - Áp suất ≤ 21atm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 5Fr - 7Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	12

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
70	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 12.0mm, dài ≥ 20mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Polyamide (PA12 hoặc PA6/12) - Đường kính khoảng 3.0mm - 12.0mm, có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm - Chiều dài ≥ 20mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 200mm, 250mm, 300mm - Chiều dài hệ thống có các cỡ 40cm, 80cm, 135cm - Áp lực vỡ bóng khoảng 12atm - 24atm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	25
71	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 12.0mm, dài 20mm → 250mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên. - Chất liệu Semi Crystalline Polymer, phủ Hydrophobic - Đường kính khoảng 3.0mm - 12.0mm, có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm, 12.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 250mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 170mm, 200mm, 250mm - Áp suất tối đa 21atm - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	99
72	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 4.0mm → 10.0mm, dài 20mm → 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 4.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 120mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	62
73	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 4.0mm → 10.0mm, dài 20mm → 60mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên áp lực cao - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 4.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 60mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 40mm, 60mm - Áp lực tối đa 39atm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
74	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 12.0mm, dài 20mm → 200mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 3.0mm - 12.0mm, có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 7.0mm, 10.0mm, 12.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 200mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 60mm, 100mm, 200mm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	90

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
75	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 14.0mm, dài 20mm → 300mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu bóng PEBA, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 3.0mm - 14.0mm, có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm, 12.0mm, 14.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 300mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 40mm, 50mm, 60mm, 80mm, 120mm, 150mm, 200mm, 250mm, 300mm - Chiều dài hệ thống có tối thiểu 80cm, 135cm - Áp lực vỡ bóng khoảng 11atm - 14atm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	20
76	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 5.0mm → 10.0mm, dài 20mm → 60mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi - Chất liệu bóng Polyamide (PA12) - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 60mm - Chiều dài hệ thống có tối thiểu 80cm, 120cm, 150cm - Áp lực tối đa 18atm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
77	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 10.0mm, dài ≥ 10mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi - Chất liệu bóng Pebax, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 3.0mm - 10.0mm - Chiều dài ≥ 10mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 200mm, 220mm, 280mm - Chiều dài hệ thống có tối thiểu 80cm, 120cm, 150cm - Áp lực tối đa 13atm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
78	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 12.0mm, dài 20mm → 300mm, bằng Polyamide (PA12 hoặc PA6/12)	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Polyamide (PA12 hoặc PA6/12), đầu ống thông có lớp phủ ái nước kép - Đường kính khoảng 3.0mm - 12.0mm, có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm - Chiều dài khoảng 20mm - 300mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 200mm, 250mm, 300mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 40, 80, 135cm - Tương thích với dụng cụ mở đường: 5Fr - 7Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
79	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 3.0mm → 12mm, dài 20mm → 100mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên áp lực cao - Chất liệu bóng: Nylon/Pebax. - Đường kính khoảng 3.0mm - 12mm, có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm - Chiều dài khoảng 20mm - 100mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 40cm, 75cm - Áp suất tối đa: 27atm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	38

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
80	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính bóng 4.0mm → 12mm, dài 2cm → 10cm, loại siêu cứng	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên siêu cứng - Chất liệu composite với thiết kế dạng sợi bền hơn - Đường kính khoảng 4.0mm - 12mm, có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 10mm, 12mm - Chiều dài khoảng 2cm - 10cm, có tối thiểu các cỡ 2cm, 4cm, 6cm, 8cm, 10cm - Chiều dài ống thông 50cm hoặc 75cm. - Tương thích với dụng cụ mở đường 6Fr hoặc 7Fr hoặc 8Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	22
81	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 7.0mm, dài 40mm → 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 3.0mm, 4.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 40mm - 120mm, có tối thiểu các cỡ 40mm, 80mm, 120mm - Áp lực vỡ bóng trong khoảng 12atm - 15atm - Tương thích dây dẫn 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	27
82	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 8.0mm, dài 30mm → 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu bóng Pebax - Đường kính khoảng 2.0mm - 8.0mm, có tối thiểu có cỡ 2.0mm, 2.5mm, 4.0mm, 8.0mm - Chiều dài khoảng 30mm - 150mm, có tối thiểu các cỡ 30mm, 120mm, 150mm - Áp suất tối đa ≤ 14atm - Tương thích dụng cụ mở đường 5Fr, 6Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30
83	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel và Polysorbate hoặc Sorbitol, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 40mm → 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel và Polysorbate/Sorbitol - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 40mm - 150mm, có tối thiểu các cỡ 40mm, 80mm, 120mm, 150mm - Áp suất tối đa 15atm - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	18
84	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel và Polysorbate hoặc Sorbitol, đường kính bóng 4.0mm → 12mm, dài 40mm → 150mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel và Polysorbate/Sorbitol - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 4.0mm - 12mm, có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 10mm, 12mm - Chiều dài khoảng 40mm - 150mm, có tối thiểu các cỡ 40mm, 60mm, 100mm, 150mm - Áp suất tối đa 12atm - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
85	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel trên nền mang thuốc không Polymer, tương thích dây dẫn 0.014"	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel trên nền mang thuốc không Polymer dùng nong động mạch đùi, khoeo và dưới gối - Chất liệu HDPE, Polyamide (PA12 hoặc PA6/12) - Đường kính khoảng 2.0mm - 6.0mm - Chiều dài khoảng 40mm - 120mm - Chiều dài trục thân 75cm, 130cm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
86	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel trên nền mang thuốc không Polymer, tương thích dây dẫn 0.035"	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel trên nền mang thuốc không Polymer dùng nong động mạch đùi, khoeo và dưới gối - Chất liệu HDPE, Polyamide (PA12 hoặc PA6/12) - Đường kính khoảng 2.0mm - 6.0mm - Chiều dài khoảng 40mm - 120mm - Chiều dài trục thân 75cm, 130cm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	10
87	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 3.0mm → 10.0mm, dài 30mm → 120mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu bóng PEBA - Đường kính khoảng 3.0mm - 10.0mm, có ≥ 8 cỡ - Chiều dài khoảng 30mm - 120mm, có ≥ 6 cỡ, có tối thiểu các cỡ 30mm, 80mm, 120mm - Chiều dài trục thân 80cm, 135cm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 5Fr - 8Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
88	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 7.0mm, dài 40mm → 150mm	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel - Đường kính khoảng 2.0mm - 7.0mm, có ≥ 7 cỡ - Chiều dài khoảng 40mm - 150mm, có ≥ 5 cỡ, có tối thiểu các cỡ 40mm, 80mm, 150mm - Tương thích dụng cụ mở đường 5Fr, 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
89	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Sirolimus, đường kính bóng 2.0mm → 7.0mm, dài 40mm → 150mm	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Sirolimus - Đường kính khoảng 2.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 40mm - 150mm, có tối thiểu các cỡ 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm - Tương thích dụng cụ mở đường 5Fr, 6Fr, 7Fr - Tương thích dây dẫn 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
90	Bóng nong can thiệp mạch vành dạng dao cắt	Bóng nong can thiệp mạch vành dạng dao cắt - Chất liệu Nylon hoặc Pebax, phủ lớp ái nước - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 6mm, 10mm, 15mm - Hệ thống mang 3 hoặc 4 lưỡi dao Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	85
91	Bóng nong động mạch vành dùng trong vôi hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent	Bóng nong động mạch vành dạng cắt dùng trong vôi hóa nặng hoặc tái hẹp trong stent - Chất liệu Nylon 12, phủ lớp ái nước - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm - Chiều dài ≥ 13mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 14atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	247
92	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.75mm $\rightarrow$ 4.0mm, dài 10mm $\rightarrow$ 20mm, bằng Nylon, có hệ thống dây dẫn kép	Bóng nong mạch vành áp lực thấp có hệ thống dây dẫn kép - Chất liệu Nylon, dây đính kèm bằng Nitinol, phủ ái nước ở đoạn xa và đầu tip, kháng nước trong lòng ống và bóng - Đường kính khoảng 1.75mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.75mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	355
93	Bóng nong mạch vành phá vôi hóa trong lòng mạch, có gắn hạt bán cầu kim loại	Bóng nong mạch vành phá vôi hóa trong lòng mạch, có gắn hạt bán cầu kim loại - Đường kính khoảng 1.5mm - 3.5mm - Chiều dài > 12mm - Áp suất vỡ bóng ≥ 12atm - Tương thích dây dẫn ≤ 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
94	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm $\rightarrow$ 5.0mm, dài 6mm $\rightarrow$ 30mm, bằng Nylon, trục bằng thép không gỉ	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon, trục bằng thép không gỉ - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu 11 cỡ - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu 10 cỡ - Áp suất vỡ bóng ≥ 22atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	100
95	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5mm $\rightarrow$ 5.0mm, dài 8mm $\rightarrow$ 40mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 1.5mm - 5.0mm, có tối thiểu 15 cỡ - Chiều dài khoảng 8mm - 40mm, có tối thiểu 33 cỡ - Áp suất vỡ bóng ≥ 18atm - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
96	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm $\rightarrow$ 5.0mm, dài 10mm $\rightarrow$ 30mm, bằng Polyamid, phủ ái nước	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polyamid, phủ ái nước - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 30mm - Áp suất tối đa khoảng 18atm - 20atm - Khẩu kính đầu vào cực nhỏ 0.016" - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
97	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5mm → 4.5mm, dài 10mm → 20mm, áp lực ≥ 35atm	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polyamide (PA12 hoặc PA6/12) - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.5mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 10mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm - Áp lực ≥ 35atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
98	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5mm → 4.5mm, dài 8mm → 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.5mm, tối thiểu 13 cỡ, trong đó có cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 8mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 20atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
99	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5mm → 6.0mm, dài 6mm → 25mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Pebax - Đường kính khoảng 1.5mm - 6.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 3.0mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 25mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 15mm, 20mm, 25mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
100	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 1.5mm → 5.0mm, dài 8mm → 26mm, bằng Nylon 12 và Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon 12 và Pebax - Đường kính khoảng 1.5mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 1.75mm, 2.5mm, 2.8mm, 3.0mm, 3.25mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 26mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 12mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm - Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) - Áp lực vỡ bóng ≥ 20atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
101	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 6mm → 27mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 27mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 12mm, 15mm, 21mm, 27mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc FDA Approved - PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	400
102	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 6mm → 27mm, bằng Polyamide 12	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polyamide 12 - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 27mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 15mm, 20mm, 27mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 20atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc FDA Approved - PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
103	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, tối thiểu 9 cỡ, trong đó có cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 8mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
104	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Nylon hoặc Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon hoặc Pebax, 2 lớp phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 20atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
105	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Elastomer và Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Elastomer và Polyamide, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 20atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	320
106	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 8mm → 30mm, bằng Semi Crystalline Polymer	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.25mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 12mm, 15mm, 20mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	600
107	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 6.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao được phủ lớp ái nước - Chất liệu Nylon, bóng 2 lớp chất liệu không giãn nở - Đường kính khoảng 2.0mm - 6.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
108	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.5mm → 5.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Nylon	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon - Đường kính khoảng 2.5mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 8mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 18atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
109	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.5mm → 4.5mm, dài 8mm → 20mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Polyamide, phủ ái nước Polyethylene oxide, Polyvinylpyrrolidone - Đường kính khoảng 2.5mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 8mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, 15mm - Áp lực thường ≥ 12atm, vỡ bóng ≥ 20atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	230

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
110	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Nylon 11	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu Nylon 11 - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6 mm, 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Áp suất tối thiểu 14atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	300
111	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 8mm → 30mm, phủ ái nước	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Chất liệu phủ ái nước - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 11mm, 15mm, 20mm, 30mm - Đầu tip dạng nhỏ, tối thiểu có cỡ 0.67mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
112	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 10mm → 40mm, bằng Nylon 12	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon 12. Bóng có cấu tạo 3 lớp - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 13mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 40mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
113	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 2.0mm → 5.0mm, dài 10mm → 30mm, bằng Polyamid, phủ ái nước	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamid, phủ ái nước - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 30mm - Khẩu kính đầu vào cực nhỏ 0.016" - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
114	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0mm → 4.0mm, dài 5mm → 20mm, bằng Polyether Block Amide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyether Block Amide - Đường kính khoảng 1.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.0mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm - Chiều dài khoảng 5mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 12mm, 15mm, 20mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	75
115	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0mm → 4.0mm, dài 5mm → 30mm, bằng Pebax, 2 lớp phủ Hydrophilic	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax, 2 lớp phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 1.0mm - 4.0mm, tối thiểu 13 cỡ, trong đó có cỡ 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 5mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
116	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0mm → 4.0mm, dài 5mm → 40mm, bằng Elastomer và Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Elastomer và Polyamide, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính khoảng 1.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 5mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 12atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
117	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0mm → 4.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 1.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.0mm, 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
118	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 0.5mm → 3.5mm, dài 4mm → 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.5mm - 3.5mm, có tối thiểu các cỡ 0.75mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm - Chiều dài khoảng 4mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 15mm, 20mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
119	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.2mm → 4.0mm, dài 8mm → 30mm, bằng Nylon hoặc Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực cao được phủ lớp ái nước - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Đường kính khoảng 1.2mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
120	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.2mm → 5.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax - Đường kính khoảng 1.2mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.2mm, 1.5mm, 2.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 15mm, 25mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
121	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25mm → 4.0mm, dài 10mm → 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu: Pebax - Đường kính khoảng 1.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
122	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25mm → 4.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Polyurethane và Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyurethane và Pebax - Đường kính khoảng 1.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 15mm, 25mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
123	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25mm → 4.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Semi Crystalline Co-Polymer	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Semi Crystalline Co-Polymer - Đường kính khoảng 1.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 10mm, 15mm, 25mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	400
124	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25mm → 5.0mm, dài 5mm → 40mm, bằng Nylon hoặc Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Đường kính khoảng 1.25mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 5mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 15mm, 20mm, 40mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
125	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 10mm → 20mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp. - Chất liệu Pebax - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
126	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 10mm → 40mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm, 40mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
127	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 10mm → 50mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 50mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 50mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
128	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 15mm → 30mm, bằng Polyamide	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 15mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 15mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
129	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 6mm → 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có các cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 6mm - 30mm, có các cỡ 6mm, 10mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
130	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 0.5mm → 4.0mm, dài 5mm → 30mm, bằng Pebax	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu đầu tip bằng Pebax, thân ngoài đoạn xa làm Nylon - Đường kính khoảng 0.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 0.85mm, 1.0mm - Chiều dài khoảng 5mm - 30mm - Phủ lớp ái nước đoạn xa - Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
131	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 9mm → 30mm, bằng Nylon 12	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Nylon 12 - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5 mm, 1.75mm, 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm. - Chiều dài khoảng 9mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 11mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	100
132	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.0mm → 4.0mm, dài 5mm → 30mm, bằng Pebax, phủ lớp ưa nước Silicone	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu Pebax, phủ lớp ưa nước Silicone - Đường kính khoảng 1.0mm - 4.0mm, có tối thiểu 13 cỡ - Chiều dài khoảng 5mm - 30mm, có tối thiểu 8 cỡ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	50
133	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, đường kính bóng 1.25mm → 5.0mm, dài 10mm → 40mm, phủ ái nước	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Chất liệu phủ ái nước - Đường kính khoảng 1.25mm - 5.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm - Đầu tip dạng nhỏ, tối thiểu có cỡ 0.67mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
134	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 10 → 30mm, chất liệu Polyamide	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, phủ thuốc trong cánh bóng - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 30mm có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm, 30mm - Nong tối đa được 3 lần phóng thích thuốc - Áp lực vỡ bóng ≥ 16 atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
135	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.5mm → 4.5mm, dài 10mm → 20mm, chất liệu Polyamide	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 2.5mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 10mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm. - Nong tối đa được 3 lần phóng thích thuốc - Áp lực vỡ bóng ≥ 22 atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
136	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 10mm → 40mm	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu mang Polymer sinh học (Dextran hoặc tương đương) - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 13mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 40mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Cái	30
137	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 1.5mm → 4.5mm, dài 10mm → 40mm	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.5mm, tối thiểu 11 cỡ, trong đó có cỡ 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm, 40mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 16atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Cái	18
138	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 10mm → 30mm	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu: Semi Crystalline Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 12atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Cái	58
139	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 10mm → 40mm	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nylon hoặc Pebax - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 25mm, 30mm, 40mm - Áp lực vỡ bóng ≥ 14atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	29
140	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 12mm → 30mm	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu phủ ái nước - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0 mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 12mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 12mm, 15mm, 20mm, 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
141	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 15mm → 30mm	Bóng nang mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Polyamide - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 15mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Áp suất vỡ bóng tối thiểu có 22atm - Tương thích dây dẫn: 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
142	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 15mm → 30mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Pebax - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 15mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Áp suất vỡ bóng $\geq 14\text{atm}$ - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18
143	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính bóng 1.5mm → 5.0mm, dài 10mm → 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu bóng: Nylon 12 - Đường kính khoảng 1.5mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ: 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm - Áp lực vỡ bóng $\geq 12\text{atm}$ - Tương thích dây dẫn: 0.014" - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
144	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính bóng 1.5mm → 4.0mm, dài 10mm → 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu phủ bằng Nano với chất mang thuốc Phospholipid - Đường kính khoảng 1.5mm - 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
145	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Biolimus, đường kính bóng 2.0mm → 4.0mm, dài 10mm → 40mm	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Biolimus - Chất liệu Pebax - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 40mm - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Cái	30
146	Bóng nong phá vách liên nhĩ, đường kính bóng 9.0mm → 14.0mm	Bóng dùng trong thủ thuật phá vách liên nhĩ - Đường kính khoảng 9.0mm - 14.0mm, có tối thiểu các cỡ 9.5mm, 13.5mm - Chiều dài khoảng 9.0mm - 14.0 mm - Có trục 2 lòng: đẩy và kéo - Đầu tip của ống thông cong góc 35 độ Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	20
147	Bóng nong van động mạch phổi có cấu hình nhỏ, thời gian bơm và xả bóng cực kỳ nhanh, đường kính bóng 4.0mm → 30.0mm, dài 20 → 100mm	Bóng nong van động mạch phổi có cấu hình nhỏ, thời gian bơm và xả bóng cực kỳ nhanh - Chất liệu bóng Thermoplastic Elastomer (không chứa DEHP) - Chất liệu thân ống thông: Polymer - Đường kính khoảng 4.0mm - 30.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 100mm - Áp lực gây nở khoảng 1.5atm - 6atm - Kích cỡ dụng cụ mở đường: 4Fr - 10Fr - Tương thích dây dẫn 0.014" hoặc 0.035" - Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	110

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
148	Bóng nong van động mạch phổi, van hai lá, van động mạch chủ có cấu hình nhỏ, thời gian bơm và xả bóng cực kỳ nhanh	Bóng nong van động mạch phổi, van hai lá, van động mạch chủ có cấu hình nhỏ, thời gian bơm và xả bóng cực kỳ nhanh. - Chất liệu bóng Thermoplastic Elastomer (không chứa DEHP) - Chất liệu thân ống thông: Polymer - Đường kính khoảng 4.0mm - 30.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 100mm - Áp lực gây nở khoảng 3atm - 15atm - Kích cỡ dụng cụ mở đường: 5Fr - 16Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	65
149	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim - Chiều dài $\geq 2.5m$ - Tương thích "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, uốn cong khoảng 270°, cỡ 7Fr" tại danh mục mới thầu - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	4
150	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, uốn cong khoảng 270°, cỡ 7Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim - Châu liệu: đầu Platinum / Iridium - Cỡ 7Fr, dài $\geq 110cm$ - Đầu đốt loại 4mm, khoảng cách điện cực là 2 - 5 - 2mm - Kích cỡ nhả khoảng 1.5mm - 2mm - Có thể uốn cong khoảng 270° - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn - Tương thích "Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim" tại danh mục mời thầu Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
151	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện - Tương thích "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện, cỡ 7Fr, đầu điện cực 4mm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
152	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện, cỡ 7Fr, đầu điện cực 4mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện - Điện cực bằng Platinum - Cỡ: 7Fr, dài $\geq 115\text{ cm}$ - Đầu điện cực 4 mm, khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2 mm - Có thể điều khiển được tối thiểu 03 độ cong từ đầu catheter đến thân tối thiểu $\geq 40\text{ cm}$ - Tương thích "Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đầu bện" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8
153	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, dài 150cm → 300cm	Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều tự động khóa - Chiều dài khoảng 150cm - 300cm, có tối thiểu các cỡ 150cm, 300cm - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 4mm, dùng với dịch truyền" hoặc "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, tự động khóa" tại danh mục mời thầu - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	7

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
154	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, tự động khóa	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều tự động khóa - Cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực khoảng 4mm - 8mm, khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2mm, điện cực dây 1mm - Tương thích với "Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, dài 150cm - 300cm" tại danh mục mời thầu - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45
155	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 4mm, dùng với dịch truyền	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều - Cỡ 8Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 4mm, khoảng cách điện cực 1 - 4 - 1mm, tích hợp tưới nước - Độ cong khoảng $180^\circ - 230^\circ$ - Tương thích với "Cáp nối catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, dài 150cm - 300cm", "Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim" tại danh mục mời thầu - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
156	Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim có cảm biến tắc mạch trong đường ống	Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 4mm, dùng với dịch truyền" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
157	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim năng lượng cao, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim năng lượng cao, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm - Tương thích "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim năng lượng cao, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm" tại danh mục mời thầu Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1
158	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim năng lượng cao, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều dùng năng lượng cao, 6 cảm biến nhiệt độ: - Cỡ 8 Fr, dài $\geq 115\text{ cm}$ - Đầu điện cực 3.5 mm, khoảng cách điện cực 1 - 6 - 2 mm - Ống dẫn $\geq 8.5\text{ Fr}$ - 2 độ cong có thể điều khiển (64 - 76 mm)/ (76 - 102 mm) - Tương thích "Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim năng lượng cao, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm" tại danh mục mời thầu Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
159	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 25pin	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3\text{m}$ - Cáp kết nối Catheter 25pin - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 1 chiều, cỡ 7Fr" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
160	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 1 chiều, cỡ 7Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 1 chiều - Cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Đầu điện cực 4 mm, khoảng cách điện cực 1 - 7 - 4mm - Tương thích với "Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 25pin" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
161	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D	Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3m$ - Cáp kết nối Catheter 34pin - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, độ cong 1 chiều, có cảm ứng lực với 56 lỗ làm mát" hoặc "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm", "Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
162	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, độ cong 1 chiều, có cảm ứng lực với 56 lỗ làm mát	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong 01 hướng, có cảm ứng lực với 56 lỗ làm mát - Kích cỡ 8Fr - Ống dẫn $\geq 8.5Fr$, độ cong D hoặc độ cong F - Đầu điện cực 3.5mm, khoảng cách 1 - 6 - 2mm, dài 115cm Phần tay cầm catheter: có 02 đầu kết nối - Một đầu kết nối với cáp nối chuyển đổi 34 pin màu đen sang 34 màu đỏ. - Một đầu kết nối với ống dẫn cho máy tưới rửa của hệ thống cắt đốt Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25
163	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim điều khiển độ cong 2 chiều - Cỡ 8Fr, dài $\geq 115cm$ - Đầu điện cực 3.5mm, khoảng cách điện cực 1 - 6 - 2 mm - Ống dẫn $\geq 8.5Fr$ - 2 độ cong có thể điều khiển (64mm - 76mm)/ (76mm - 102mm) - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, độ cong 1 chiều, có cảm ứng lực với 56 lỗ làm mát" hoặc "Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34pin", "Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
164	Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim	Dây dẫn, dây truyền dịch cho máy tưới rửa, trong điều trị điện sinh lý tim - Tương thích với "Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, độ cong 2 chiều, cỡ 8Fr, đầu điện cực 3.5mm", "Cáp nối catheter cắt đốt rối loạn điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34pin" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
165	Cáp nối catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định	Cáp nối catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định - Dài $\geq 150cm$ - Tương thích với "Catheter chẩn đoán điện sinh lý tim loại 4 điện cực, độ cong cố định, cỡ 4Fr, 5Fr" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	7
166	Catheter chẩn đoán điện sinh lý tim loại 4 điện cực, độ cong cố định, cỡ 4Fr, 5Fr	Catheter chẩn đoán điện sinh lý tim loại 4 điện cực, độ cong cố định - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, dài $\geq 120cm$ - Điện cực dài $\geq 1mm$ - Tương thích với "Cáp nối catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	68

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
167	Cáp nối cho catheter chẩn đoán điện sinh lý 6 - 10 điện cực	Cáp nối dài tương thích các loại catheter chẩn đoán: 6 điện cực, 7 điện cực, 8 điện cực, 10 điện cực - Chiều dài $\geq 200\text{cm}$ - Có 10 pins - Tương thích "Catheter chẩn đoán điện sinh lý loại 8 điện cực, cỡ 2Fr", "Catheter chuẩn đoán điện sinh lý loại 10 điện cực, cỡ 2.67Fr", "Catheter chẩn đoán điện sinh lý loại 10 điện cực, có lòng ống trong, cỡ 6Fr" tại danh mục mời thầu	Cái	4
168	Catheter chẩn đoán điện sinh lý loại 10 điện cực, có lòng ống trong, cỡ 6Fr	Catheter chẩn đoán điện sinh lý loại 10 điện cực, dạng cong cố định, có lòng ống trong - Kích cỡ 6Fr - Chiều dài $\geq 65\text{cm}$ - Điện cực dài: 1.2mm - Khoảng cách điện cực: 5 - 5 - 5mm - Tương thích "Cáp nối cho catheter chẩn đoán điện sinh lý 6 - 10 điện cực" tại danh mục mời thầu	Cái	15
169	Catheter chuẩn đoán điện sinh lý loại 10 điện cực, cỡ 2.67Fr	Catheter chuẩn đoán loại 10 điện cực, dạng cong cố định - Kích cỡ 2.67Fr - Chiều dài $\geq 130\text{cm}$ - Tương thích "Cáp nối cho catheter chẩn đoán điện sinh lý 6 - 10 điện cực" tại danh mục mời thầu	Cái	20
170	Catheter chẩn đoán điện sinh lý loại 8 điện cực, cỡ 2Fr	Catheter chuẩn đoán loại 8 điện cực, dạng cong cố định - Kích cỡ 2Fr - Chiều dài $\geq 130\text{cm}$ - Tương thích "Cáp nối cho catheter chẩn đoán điện sinh lý 6 - 10 điện cực" tại danh mục mời thầu	Cái	20
171	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 12pin	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3\text{m}$ - Cap kết nối catheter 12 pin - Tương thích với "Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 chiều, cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
172	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 chiều, cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 chiều - Cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Catheter thăm dò 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 hướng, độ cong D-F/ độ cong F-J, khoảng cách điện cực 2 - 8 - 2mm - Tương thích với "Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 12pin" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
173	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34pin	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài $\geq 3\text{m}$ - Cap kết nối catheter 34 pin - Tương thích với "Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ " tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
174	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực - Cỡ 7Fr, dài $\geq 115\text{cm}$ - Catheter thăm dò 10 điện cực, độ cong D; F, đầu điện cực dài 2mm, khoảng cách điện cực 2 - 8 - 2mm - Tương thích với "Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, kết nối catheter 34pin" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
175	Cáp nối 12 chân dùng cho ống thông chẩn đoán điện sinh lý tim 3D	Cáp nối 12 chân dùng cho ống thông chẩn đoán điện sinh lý tim 3D - Chiều dài $\geq 1.5\text{m}$ - Tương thích "Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D, 1 chiều, rung nhĩ có vòng lặp cố định lệch hướng 180 độ, lái chuyển hướng một chiều với bộ cảm biến" tại danh mục mời thầu	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
176	Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D, 1 chiều, rung nhĩ có vòng lặp cố định lệch hướng 180 độ, lái chuyển hướng một chiều với bộ cảm biến	Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D, 1 chiều, rung nhĩ có vòng lặp cố định lệch hướng 180 độ, lái chuyển hướng một chiều với bộ cảm biến - Kích cỡ thân 7.5Fr - Chiều dài ≥ 115 cm - Vòng lặp cố định 4Fr có 10 điện cực và 2 điện cực trên thân - Tương thích "Cáp nối 12 chân dùng cho ống thông chẩn đoán điện sinh lý tim 3D" tại danh mục mời thầu	Cái	10
177	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim 22 chân dùng cho ống thông chẩn đoán điện sinh lý tim 3D	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim 22 chân dùng cho ống thông chẩn đoán điện sinh lý tim 3D - Chiều dài ≥ 1.5 m - Tương thích với "Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D, 2 chiều, rung nhĩ nhanh thất có mật độ cao dạng lưới, 16 điện cực trên lưới và 2 điện cực trên thân, lái chuyển hướng hai chiều" tại danh mục mời thầu	Cái	2
178	Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D, 2 chiều, rung nhĩ nhanh thất có mật độ cao dạng lưới, 16 điện cực trên lưới và 2 điện cực trên thân, lái chuyển hướng hai chiều	Catheter thăm dò điện sinh lý tim 3D, 2 chiều, rung nhĩ nhanh thất có mật độ cao dạng lưới, 16 điện cực trên lưới và 2 điện cực trên thân, lái chuyển hướng hai chiều - Kích thước lưới 13 x 13mm ² - Chiều dài ≥ 110 cm - Khoảng cách cực cách đều 3mm - Tương thích với "Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim 22 chân dùng cho ống thông chẩn đoán điện sinh lý tim 3D" tại danh mục mời thầu	Cái	20
179	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim cho ≥ 20 điện cực cho catheter lập bản đồ 3D	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim cho ≥ 20 điện cực cho catheter lập bản đồ 3D - Tương thích với "Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh, cỡ 7Fr, dài ≥ 115 cm" tại danh mục mời thầu Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
180	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D - Dài ≥ 2.7 m - Tương thích với "Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh, cỡ 7Fr, dài ≥ 115 cm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
181	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh, cỡ 7Fr, dài ≥ 115 cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 22 điện cực, 5 nhánh - Cỡ 7Fr, dài ≥ 115 cm - Catheter thăm dò 22 điện cực, 05 nhánh, khoảng cách điện cực 2 - 6 - 2mm - Tương thích với "Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D" hoặc "Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim loại cáp nối cho ≥ 20 điện cực" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
182	Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, 08 nhánh, 48 điện cực	Cáp nối catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, 08 nhánh, 48 điện cực. - Chiều dài ≥ 10 ft - Tương thích "Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 48 điện cực, 8 nhánh, chiều dài nhánh 2cm" hoặc "Catheter thăm dò điện sinh lý tim dạng tấm hoặc cánh với chuỗi điện cực 36 điện cực. Mỗi cánh dài 25mm x 6 cánh x 6 điện cực" tại danh mục mời thầu Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1
183	Catheter thăm dò điện sinh lý tim dạng tấm hoặc cánh với chuỗi điện cực 36 điện cực. Mỗi cánh dài 25mm x 6 cánh x 6 điện cực	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 36 điện cực dạng tấm hoặc cánh, uốn cong 2 chiều - Khoảng cách điện cực 2.4mm x 2.4mm, dài ≥ 113 cm - Catheter thăm dò 36 điện cực, 6 cánh điện cực - Mỗi cánh dài ≥ 25 mm có 6 điện cực - Tương thích "Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, 08 nhánh, 48 điện cực" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
184	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 48 điện cực, 8 nhánh, chiều dài nhánh 2cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 48 điện cực, 8 nhánh - Chiều dài nhánh 2cm, độ cong F - Catheter thăm dò 48 điện cực, 08 nhánh, khoảng cách điện cực 3 - 3 - 3 - 3 - 3mm - Tương thích "Cáp nối Catheter thăm dò điện sinh lý tim với hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D, 08 nhánh, 48 điện cực" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
185	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, đo lực tiếp xúc, điều khiển 2 chiều, cỡ 8Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim đo lực tiếp xúc, điều khiển 2 chiều Ống thông cắt đốt điện sinh lý tim, điều khiển 2 chiều - Kích cỡ 8Fr - Chiều dài 115cm - Điện cực đầu 3.5mm, khoảng cách điện cực 2 - 2 - 2 - Tốc độ lấy mẫu 50Hz, độ nhạy < 1 g, sai số tuyệt đối trung bình ≤ 1.2 g Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
186	Catheter siêu âm trong buồng tim 2D, cỡ 8Fr hoặc 10Fr	Catheter siêu âm trong buồng tim 2D - Kích cỡ: 8Fr hoặc 10Fr - Chiều dài ≥ 90cm Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
187	Catheter siêu âm trong buồng tim 3D, cỡ 8Fr hoặc 10Fr	Catheter siêu âm trong buồng tim 3D - Kích cỡ: 8Fr hoặc 10Fr - Chiều dài ≥ 90cm Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6
188	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực lái chuyển hướng, dài ≥ 115 cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực lái chuyển hướng - Có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, dài ≥ 115cm - Khoảng cách điện cực 2 - 5 - 2mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
189	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong 1 chiều, cỡ 6Fr, dài > 90cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong 1 chiều - Cỡ 6Fr, dài > 90cm - Độ cong D, khoảng cách điện cực 5mm - Cáp nối chuyển đổi 12 pin Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
190	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong cố định, cỡ 5Fr, dài ≥ 110 cm	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 4 điện cực, đầu uốn cong cố định - Cỡ 5Fr, dài ≥ 110cm - Có độ cong F, khoảng cách điện cực 5mm - Cáp nối chuyển đổi 12 pin Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
191	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành, tần số 45MHz, chiều dài ≥ 135 cm	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành tần số 45MHz - Chất liệu Polycarbonate, đầu tip bằng Etylen-Vinyl axetat, lõi làm bằng thép không gỉ - Đường kính xuyên qua thân gần và thân xa 3.0F, thân giữa 3.1Fr - Chiều dài ≥ 135cm - Tương thích ống thông tối thiểu 5Fr - Tần số hoạt động 45MHz Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
192	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành, tần số 60MHz, chiều dài ≥ 135cm	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành tần số 60MHz - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Có tối thiểu cỡ 5Fr - Chiều dài ≥ 135cm - Tần số hoạt động 60MHz - Độ phân giải trục là 22μm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	800
193	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành, tần số 60MHz, chiều dài ≥ 135cm, kéo lùi tối đa 150mm	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành tần số 60MHz - Chất liệu phủ lớp ái nước - Chiều dài ≥ 135cm, kéo lùi tối đa 150mm - Đường kính đoạn xa 3.15Fr - Đường kính đoạn gần 3.5Fr - Độ phân giải trục ≤ 40μm - Bán kính siêu âm ≥ 4mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
194	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành, tần số 35MHz - 65MHz, chiều dài ≥ 160cm, có chức năng quang học	Đầu dò (catheter) siêu âm mạch vành tần số 35MHz - 65MHz, có chức năng quang học - Cấu tạo được phủ lớp ái nước Hydrophilic - Kích thước đầu vào 2.4Fr - Đường kính ngoài trục đoạn gần 3.6Fr - Tương thích catheter can thiệp 6Fr - Tương thích với dây dẫn 0.014" - Chiều dài làm việc ≥ 160cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
195	Đầu nối Y có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận, dài tối đa 10cm	Đầu nối Y có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận - Chất liệu nhựa Polycarbonate - Dài tối đa 10cm, lòng trong tối thiểu 9Fr - Có nút thông gió Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	600
196	Đầu nối Y loại ngắn có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận, dài 54mm → 80mm	Đầu nối Y loại ngắn có đồng thời van cầm máu tự động và van khóa vận - Chất liệu nhựa Polycarbonate - Dài khoảng 54mm - 80mm, có tối thiểu các cỡ 54mm, 78mm, 80mm, lòng trong tối thiểu 9Fr - Góc cổng kết nối có loại ≤ 30 độ và ≥ 40 độ - Có ít nhất 2 loại 2 cổng và 3 cổng Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	700
197	Dây bơm cân quang áp lực cao, chịu áp lực ≥ 1200psi, dài ≥ 150cm	Dây bơm cân quang áp lực cao - Chất liệu bằng Polyurethane (PUR) hoặc PVC - Chiều dài ≥ 150cm - Chịu áp lực lên đến 1200psi (84bar) - Có khoá luer-lock male/ female. - Đường kính trong 1.75mm, đường kính ngoài 3.6mm Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
198	Dây bơm cân quang áp lực cao, chịu áp lực $\geq 500\text{psi}$, dài 150cm $\rightarrow$ 190cm	Dây bơm cân quang áp lực cao - Chất liệu PVC hoặc chất liệu PVC, Polyurethane - Chiều dài khoảng 150cm - 190cm - Chịu áp lực khoảng 500psi - 1200psi Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1000
199	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.035" $\rightarrow$ 0.038", dài 75cm $\rightarrow$ 260cm, phủ PTFE	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trục thép không gỉ, lớp phủ PTFE - Đường kính khoảng 0.035" - 0.038", có tối thiểu các cỡ 0.035", 0.038" - Chiều dài khoảng 75cm - 260cm, có tối thiểu các cỡ 75cm, 145cm, 180cm, 260cm. - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong (J) Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	75
200	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước, đường kính 0.035", dài 45cm $\rightarrow$ 180cm	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu Nitinol - Đường kính 0.035" - Chiều dài khoảng 45cm - 180cm, có tối thiểu các cỡ 45cm, 80cm, 110cm, 150cm, 180cm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
201	Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước, đường kính 0.018" $\rightarrow$ 0.038", dài 50cm $\rightarrow$ 220cm	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol, vỏ ngoài Polyurethane - Đường kính khoảng 0.018" - 0.038", có tối thiểu cỡ 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài khoảng 50cm - 220cm, có tối thiểu các cỡ 50cm, 80cm, 120cm, 150cm, 180cm, 220cm - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2000
202	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước, đường kính 0.018" $\rightarrow$ 0.038", dài 80cm $\rightarrow$ 260cm	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol, lớp phủ PU và lớp phủ ái nước - Đường kính khoảng 0.018" - 0.038", có tối thiểu các cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018" - Chiều dài khoảng 80cm - 260cm, có tối thiểu các cỡ 80cm, 150cm, 180cm, 220cm, 260cm - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2600
203	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước, dài $\geq 260\text{cm}$	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol, vỏ ngoài Polyurethane - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài $\geq 260\text{cm}$, có tối thiểu 2 cỡ - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
204	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành, chiều dài $\geq 150\text{cm}$	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành - Chất liệu lõi bằng thép không gỉ, phủ PTFE - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.035" - Chiều dài $\geq 150\text{cm}$, có tối thiểu 2 cỡ - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (J) Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	2160

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
205	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành, có lớp Heparin, dài ≥ 80 cm	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành - Chất liệu lõi bằng thép không gỉ, phủ PTFE, lớp Heparin - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ 0.038", 0.035", 0.025", 0.021", 0.018" - Chiều dài ≥ 80cm, có tối thiểu các cỡ 80cm, 150cm, 180cm và 260cm - Dạng đầu: đầu cong (J) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2400
206	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.009" - Chiều dài ≥ 330cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	87
207	Dây dẫn đo áp lực dòng chảy động mạch vành, dây dẫn ≥ 175 cm	Dây dẫn đo áp lực dòng chảy động mạch vành - Chiều dài dây dẫn ≥ 175cm - Áp lực -30 đến 300mmHg - Độ sai lệch: < 7mmHg/h - Tần số ≤ 25Hz - Phạm vi truyền dẫn ≥ 2m Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	48
208	Dây dẫn đo áp lực trừ lượng mạch vành có lõi nguyên khối, phủ Polymer	Dây dẫn đo áp lực trừ lượng mạch vành có lõi nguyên khối - Chất liệu Nitinol, ngoài cùng phủ lớp Polymer, đầu tít làm bằng thép không gỉ - Đường kính ≥ 0.014" - Chiều dài ≥ 170cm - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (J) Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	41
209	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh, dài ≥ 260 cm	Dây dẫn đường can thiệp tim bẩm sinh - Chất liệu thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.035" - Chiều dài ≥ 260cm, có tối thiểu các cỡ 260cm, 300cm - Dạng đầu: đầu cong (J), có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 6mm, 7.5mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	300
210	Dây dẫn siêu cứng dùng trong can thiệp tim bẩm sinh, dài ≥ 260 cm	Dây dẫn siêu cứng dùng trong can thiệp tim bẩm sinh - Chất liệu thép không gỉ, có phủ PTFE - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.035" - Chiều dài ≥ 260cm - Dạng đầu: Đầu cong (J), 3mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120
211	Dây nối áp lực ≥ 8 bar	Dây nối áp lực - Chất liệu PE hoặc PVC - Đường kính trong: khoảng 1.0mm - 1.5mm, đường kính ngoài: khoảng 2.0mm - 2.7mm - Chiều dài khoảng 125cm - 150cm - Áp lực ≥ 8 bar - Tương thích với đầu nối của các loại catheter Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
212	Dây nối với máy bơm hút huyết khối, dài 200cm → 300cm	Dây nối với máy bơm hút huyết khối - Chất liệu vỏ bằng nhựa mềm - Kích cỡ khoảng 8Fr - 9Fr - Chiều dài khoảng 200cm - 300cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
213	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực, dây điện cực dài ≥ 110cm, bằng Polyurethane	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực - Chất liệu Polyurethane - Dây điện cực dài ≥ 110cm - Chiều rộng điện cực 3mm. Khoảng cách giữa 2 điện cực 10mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	23
214	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực, dây điện cực dài ≥ 110cm, bằng thép không gỉ	Dây tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực loại 5Fr - Chất liệu thép không gỉ - Dây điện cực dài ≥ 110cm - Đầu điện cực 5mm. Khoảng cách giữa 2 điện cực 10mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
215	Dây tạo nhịp bó His hoặc bó trái phủ thuốc Beclomethason tương thích MRI 1.5T và 3T	Dây tạo nhịp bó His hoặc bó trái phủ thuốc Beclomethason tương thích MRI 1.5T và 3T - Chất liệu đầu xoắn: Titanium Nitride phủ Platinum Alloy - Chất liệu cách điện: bên ngoài Polyurethane, bên trong Silicon và ETFE - Đường kính dây ≤ 4.1F - Chiều dài ≥ 69cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
216	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác, cỡ 3mm → 5mm, bằng Nitinol	Dù bảo vệ mạch sử dụng trong can thiệp động mạch vành, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Chất liệu lưới lọc: Nitinol - Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi. - Đường kính lưới lọc (filter) khoảng 3mm - 5mm, có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 5mm, độ dài dây dẫn ≥ 190cm - Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	26
217	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác, cỡ 5mm → 8mm, bằng Nitinol	Dù bảo vệ mạch sử dụng trong can thiệp động mạch vành, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Chất liệu lưới lọc: khung Nitinol. - Đường kính lưới lọc (filter) khoảng 5mm - 8mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 8mm. Vùng thả lưới lọc ngắn ≤ 15.4mm. - Kích thước lỗ trên lưới lọc ≤ 100 micron - Có dây dẫn 0.014" tích hợp khi chọn lọc. độ dài dây dẫn ≥ 180cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
218	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác, cỡ 5mm → 8mm, bằng Nylon	Dù bảo vệ mạch sử dụng trong can thiệp động mạch cảnh, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Chất liệu Nylon - Chiều dài dây dẫn có tối thiểu cỡ 190cm, 315cm - Gờ dây dẫn 0.019" - Kích thước lỗ 120 micromet - Đường kính lưới lọc (filter) khoảng 5mm - 8mm: + Cỡ 5.0mm cho mạch khoảng 2.5mm - 4.8mm + Cỡ 7.2mm cho mạch khoảng 4.0mm - 7.0mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
219	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác, cỡ 3mm → 8mm, bằng Nitinol	Dù bảo vệ mạch sử dụng trong can thiệp động mạch cảnh, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Chất liệu lưới lọc: khung Nitinol, lưới Polyurethane. - Kích thước lỗ trên lưới lọc $\leq 110 \mu m$ - Có dây dẫn 0.014" tích hợp đầu tip dạng lò xo để chọn lọc. độ dài dây dẫn có tối thiểu 190cm và 300cm - Đường kính lưới lọc (filter) khoảng 3mm - 8mm, phù hợp cho mạch máu 3.5mm - 5.5mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
220	Dù đóng đa năng dạng lưới	Dù đóng đa năng dạng lưới - Dù bằng thép Nitinol phủ titanium, có màng PTFE - Hai cánh dù có đường kính có tối thiểu các cỡ 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm - Đường kính đầu có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm - Đường kính đáy có tối thiểu các cỡ 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	54
221	Dù đóng lỗ bầu dục bằng Nitinol phủ Titanium	Dù đóng lỗ bầu dục - Dù bằng Nitinol phủ Titanium - Có tối thiểu các cỡ 18mm, 25mm, 30mm, 35mm - Cáp thả đủ tạo góc nghiêng 50° - Cáp nối tạo góc nghiêng 50° Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12
222	Dụng cụ đóng lỗ bầu dục bằng Nitinol dạng lưới	Dụng cụ đóng lỗ bầu dục - Chất liệu Nitinol hình dạng lưới, đệm sợi vải Polymer - Dạng hai đĩa - Có tối thiểu các cỡ 18/18mm, 25/18mm, 30/25mm, 35/25mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
223	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất	Dù đóng lỗ còn ống động mạch và thông liên thất - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Có 2 dạng: hình nón, dạng hai đĩa + Dạng hình nón: - Chiều dài: 5mm, 7mm, 8mm - Đường kính cánh giữ: 9mm, 10mm, 12mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm - Đường kính dù phía động mạch chủ /đường kính phía động mạch phổi: 5/4mm, 6/4mm, 8/6mm, 10/8mm, 12/10mm, 14/12mm, 16/14mm + Dạng hai đĩa: - Đường kính 2 đĩa bằng nhau, có các kích thước: 9mm, 10mm, 11mm, 12mm - Đường kính vòng eo/chiều dài: 3/4mm, 3/6mm, 4/4mm, 4/6mm, 5/4mm, 5/6mm, 6/4mm, 6/6mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
224	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ loại có khẩu kính nén nhỏ - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới và Polyester - Dạng hai đĩa - Đường kính eo khoảng 4mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 30mm, 32mm - Đường kính đĩa phải khoảng 12mm - 50mm - Đường kính đĩa trái khoảng 16mm - 56mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	130
225	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ, đường kính 13.0mm → 39mm	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ - Dù được phủ Titanium - Đường kính khoảng 13.0mm - 39mm, có tối thiểu các cỡ 13.5mm, 15mm, 16.5mm, 18mm, 21mm, 24mm, 27mm, 33mm, 36mm, 39mm - Cáp thả dù tạo góc nghiêng 50° - Cáp nối tạo góc nghiêng 50° Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	75
226	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ, đường kính 20mm → 30mm	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ - Dù bằng sợi Nitinol phủ Platinum - Đường kính khoảng 20mm - 30mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm - Chiều rộng eo kết nối 3mm, 4mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
227	Dù đóng lỗ thông liên thất, cỡ 4mm → 12mm	Dù đóng lỗ thông liên thất - Dù bằng Nitinol phủ titanium - Cỡ 4mm - 12mm, có tối thiểu các cỡ 4mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8
228	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng, cỡ 4mm → 18mm	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Dạng hai đĩa - Cỡ khoảng 4mm - 18mm, có tối thiểu các cỡ 4mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm - Chiều dài 7mm hoặc 10mm - Đường kính 2 đĩa bằng nhau, có tối thiểu các cỡ: 9mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
229	Dù đóng lỗ thông ống động mạch có đường kính đĩa nhỏ	Dù đóng lỗ thông ống động mạch có đường kính đĩa nhỏ - Dù bằng hợp kim nhớ hình Nitinol dạng lưới - Đường kính 2 đĩa bằng nhau, kích thước có tối thiểu các cỡ: 4.0mm, 5.25mm, 6.5mm - Đường kính vòng eo/ chiều dài: 3/2mm, 3/4mm, 3/6mm, 4/2mm, 4/4mm, 4/6mm, 5/2mm, 5/4mm, 5/6mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	10
230	Dù đóng ống động mạch, đường kính ≥ 4mm	Dù đóng ống động mạch kèm cáp thả dù - Chất liệu bằng Nitinol phủ titanium, có lớp PET đặt bên trong dù - Đường kính ≥ 4mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 6mm, 8mm, 10mm - Chiều dài ≥ 4mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8

Sst	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
231	Dù đóng thông động tĩnh mạch dạng lưới, hình trụ, cỡ 4mm → 8mm	Dù đóng thông động tĩnh mạch dạng lưới, hình trụ - Chất liệu hợp kim Nitinol - Đường kính khoảng 4mm - 8mm, có ≥ 5 cỡ - Chiều dài 10mm - 16mm, có ≥ 5 cỡ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	8
232	Dù đóng thông động tĩnh mạch siêu nhỏ dạng nút, cỡ 5mm → 13mm	Dù đóng thông động tĩnh mạch siêu nhỏ dạng nút - Chất liệu: Nitinol phủ màng PTFE - Đường kính khoảng 5mm - 13mm, có tối thiểu 5.3mm, 6.5mm, 9.2mm, 13mm - Chiều dài khoảng 12mm - 18mm - Dùng cho mạch máu từ 1.5mm - 9mm - Tương thích vi ống thông 0.021", 0.027", 0.041", 0.043" - Có thể thu về sau khi bung Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
233	Dù đóng thông dò động mạch, tĩnh mạch, cỡ 10mm → 22mm	Dù đóng thông dò động mạch, tĩnh mạch - Chất liệu Nitinol - Cỡ khoảng 10mm - 22mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
234	Dụng cụ đóng động mạch quay sau can thiệp, loại bóng nén kép	Dụng cụ đóng động mạch quay sau can thiệp, loại bóng nén kép duy trì lưu lượng động mạch và hồi lưu tĩnh mạch - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 24cm, 29cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
235	Dụng cụ đóng mạch máu cho động mạch đùi và cơ chế cầm máu mỏ neo	Dụng cụ đóng mạch máu cho động mạch đùi và cơ chế cầm máu mỏ neo - Chất liệu Collagen kẹp chặt động mạch - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ 6Fr, 8Fr - Dụng cụ mở đường: + 6Fr tương thích với dụng cụ mở đường 6Fr, 7Fr + 8Fr tương thích với dụng cụ mở đường 8Fr, 9Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Bộ	150
236	Dụng cụ đóng mạch máu với chất liệu nút tắc là sợi Polyglycolic Acid, cỡ 5Fr → 7Fr	Dụng cụ đóng mạch máu - Chất liệu nút tắc là sợi Polyglycolic Acid, dây chỉ báo Nitinol - Kích cỡ khoảng 5Fr - 7Fr, có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr - Bao gồm: nút bấm triển khai, công quan sát, hệ thống chỉ báo máu chảy ngược Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Bộ	50
237	Dụng cụ đóng mạch máu với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép, bằng Collagen bên ngoài	Dụng cụ đóng mạch máu với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép - Chất liệu Collagen bên ngoài, chỉ tự tiêu, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ 6Fr, 8Fr - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 que nong - 01 dụng cụ mở đường Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Bộ	1300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
238	Dụng cụ đóng tiểu nhĩ	Dụng cụ đóng tiểu nhĩ - Chất liệu Nitinol - Đường kính thùy khoảng 16mm - 34mm, có ≥ 8 cỡ - Đường kính đĩa khoảng 22mm - 41mm, có ≥ 8 cỡ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	13
239	Dụng cụ lấy dị vật có 1 vòng	Dụng cụ lấy dị vật có 1 vòng - Chất liệu Nitinol và Platinum - Kích cỡ có tối thiểu các cỡ: 2mm, 4mm, 5mm, 7mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm - Chiều dài khoảng 65cm - 200cm, có tối thiểu ≥ 2 cỡ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp - Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque	Cái	20
240	Dụng cụ lấy dị vật có 3 vòng	Dụng cụ lấy dị vật có 3 vòng - Chất liệu Nitinol, Platinum - Kích cỡ: 6mm - 10mm, 9mm - 15mm, 12mm - 20mm, 18mm - 30mm, 27mm - 45mm - Chiều dài catheter ≥ 100 cm - Chiều dài của dụng cụ bắt dị vật ≥ 120 cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
241	Dụng cụ lấy dị vật có vòng đôi	Dụng cụ lấy dị vật có vòng đôi - Chất liệu Platinum - Đường kính có tối thiểu các cỡ 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm - Chiều dài ≥ 125 cm - Kích cỡ dụng cụ mở đường khoảng 4Fr - 6Fr - Vòng thông lộn xoay 360° Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
242	Bộ lấy lưới lọc dùng từ đường tĩnh mạch cánh, loại thẳng, cong hoặc 2 trong 1	Dụng cụ thu hồi lưới lọc tĩnh mạch chủ qua tĩnh mạch cánh - Đường kính trong 9Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 570mm, 610mm - Có các loại: thẳng, cong hoặc 2 trong 1 - Kim dùng chộp lấy đỉnh của lưới lọc Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	5
243	Dụng cụ thu hồi lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới qua da, loại 3 vòng	Dụng cụ thu hồi lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới qua da, loại 3 vòng - Chất liệu: Ống bao ngoài được gia cố bằng sợi dây thép không gỉ. Dây bên trong bằng Nitinol. Lưới bẫy 3 vòng chất liệu Platinum - Kích thước + Ống bao ngoài 11Fr x 60cm + Ống bao trong 9Fr x 64cm + Ống nong 8Fr x 75cm + Ống thu lưới 7Fr x 76cm + Lưới bẫy 3 vòng 30mm x 93cm - Bao gồm: bộ chuyển đổi cổng chữ Y, tay cầm mô-men xoắn, van cầm máu có cổng bên phụ, Van khoá áp suất cao Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
244	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bảo màng xơ vữa	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bảo màng xơ vữa - Thành phần: dầu ô liu, Phospholipids, lòng đỏ trứng, Sodium Deoxycholate, L-histidine, Disodium EDTA, Sodium Hydroxide, nước - Thể tích ≥ 20 ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	100
245	Hệ thống nối đưa dây dẫn bảo màng xơ vữa và có đầu khoan, đường kính 1.25mm $\rightarrow$ 2.0mm	Hệ thống nối đưa dây dẫn bảo màng xơ vữa có đầu khoan - Đường kính khoảng 1.25mm - 2.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm - Chiều dài ≥ 135 cm - Có mũi khoan bằng kim cương Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	90
246	Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối, dài 120cm $\rightarrow$ 135cm	Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối các loại - các cỡ - Đường kính đầu tip: 2.1mm/ 3.0mm và 2.4mm/ 3.4mm - Chiều dài ống thông khoảng 120cm - 135cm, có tối thiểu các cỡ 120cm, 135cm - Tương thích dụng cụ mở đường 7Fr - Tương thích dây dẫn: 0.014" Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	6
247	Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối, dài ≥ 145 cm	Hệ thống ống thông hút màng xơ vữa và huyết khối các loại - các cỡ - Đường kính đầu tip: 1.6mm, 1.85mm - Chiều dài ống thông ≥ 145 cm - Tương thích dụng cụ mở đường 7Fr - Tương thích dây dẫn: 0.014" Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	18
248	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên có thể điều chỉnh kích cỡ, đường kính bóng 2.0mm $\rightarrow$ 7.0mm, dài 20mm $\rightarrow$ 180mm	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên có thể điều chỉnh kích cỡ - Chất liệu Semi Crystalline Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài có thể điều chỉnh được khoảng 20mm - 180mm - Tương thích dây dẫn 0.014" và 0.018" - Bao gồm: ống thông, dụng cụ nong bằng thép không gỉ và bóng nong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	33
249	Chất tắc mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng có pha bột kim loại	Chất tắc mạch dùng cho mạch máu não tuỷ dạng lỏng - Chất liệu Ethylene-Vinyl Alcohol Copolymer, Dimethyl Sulfoxide (DMSO), bột Tantalum - Thể tích khoảng 1.5ml DMSO và 1.5ml chất gây tắc - Nồng độ có tối thiểu loại 18% Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	40

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
250	Keo nút mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng	Keo nút mạch dị dạng mạch máu não tuỷ dạng lỏng - Thành Phần: Co - Polymer và Iodine, cân quang, không bị phân hủy trong Dymethyl Sulfoxide (DMSO) - Thể tích 1ml, kèm theo ống 1ml DMSO riêng biệt Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	220
251	Kim chọc vách liên nhĩ, tương thích nồng kim dẫn đường 8Fr → 8.5Fr	Kim chọc vách liên nhĩ - Chất liệu thép không gỉ - Góc vát đầu kim khoảng 30° - 50° - Chiều dài khoảng 70cm - 100cm - Tương thích với nồng kim dẫn đường khoảng 8Fr - 8.5Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
252	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn, bằng Nitinol	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn ngăn ngừa thuyên tắc phổi tái phát - Chất liệu Nitinol - Đường kính ≥ 32mm - Cỡ sheath 5Fr, độ dài sheath trong khoảng 70 - 100cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
253	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn, bằng thép không gỉ	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời và vĩnh viễn - Chất liệu thép không gỉ và tương thích với môi trường MRI - Đường kính ≥ 32mm - Chiều dài khoảng 50mm - 60mm - Dạng hình nón - Tương thích với sheath 7Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
254	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới - Chất liệu hợp kim Cobalt Chrome - Đường kính ≥ 40mm - Chiều dài khoảng 50mm - 55mm - Dây dẫn đường chữ J, đường kính tối thiểu 0.035" - Chiều dài dây dẫn ≥ 150cm - Tương thích với sheath 7Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
255	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, trọng lượng 20g → 21g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động và sinh lý CLS, cho phép chụp MRI toàn thân 3 Tesla - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 24/7 với chương trình MRI Guard 24/7 - Có thể ghi lại 17 cơn điện tim IEGM tối thiểu 16s mỗi cơn - Trọng lượng 20 - 21g, dây khoảng 6 - 7mm - Thời gian hoạt động > 15 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Bộ	5
256	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, trọng lượng 22g → 23g, kèm dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái không lõi kích thước ≤ 4.1F	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Trọng lượng khoảng 22g - 23g - Có dây điện cực HIS/ bó trái đường kính dây nhỏ ≤ 4.1F - Bao gồm: máy, dây his - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
257	Máy tạo nhịp 1 buồng, trọng lượng 22g → 23g, theo dõi dịch trong phổi	Máy tạo nhịp tim 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Trọng lượng khoảng 22g - 23g Chức năng: - Theo dõi dịch trong phổi - Điều hòa nhịp thất trong rung nhĩ dẫn truyền - Ổn định tần số thất sau ngoại tâm thu hoặc khoảng nghỉ dài, hạn chế dao động nhịp bất thường Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
258	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, trọng lượng 21g → 22g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích máy khoảng 9.5cm³ - 10cm³, trọng lượng khoảng 21g - 22g - Giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Biểu đồ điện trở của dây dẫn. - Quản lý tạo nhịp thất - Tuổi thọ pin trung bình ≥ 10 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
259	Máy tạo nhịp 1 buồng, trọng lượng ≤ 1.75g, thể tích ≤ 0.8cm³	Máy tạo nhịp 1 buồng không dây, tương thích MRI 3T toàn thân - Thể tích máy ≤ 0.8cm³, trọng lượng ≤ 1.75g - Tự động theo dõi và điều chỉnh ngưỡng nhận cảm. - Có tính năng quản lý tạo nhịp thất - Tuổi thọ pin ≥ 10 năm. Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
260	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 66g → 68g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T - Chất liệu: Titanium, Epoxy, Silicone - Tương thích dây điện cực sốc chuẩn DF4 - Năng lượng phát sốc $\geq 36J$ - Chức năng giúp giảm sốc nhầm - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Trọng lượng khoảng 66g - 68g - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	7
261	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 74g → 75g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Năng lượng sốc 40J - Thời gian hoạt động > 15 năm - Trọng lượng khoảng 74g - 75g, dây 10mm, hình dạng cong sinh lý - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	11
262	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 78g → 79g, có Bluetooth, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T, có Bluetooth - Trọng lượng khoảng 78g - 79g - Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến $\geq 8V$ - Tính năng ổn định nhịp thất khi cuồng nhĩ/rung nhĩ - Năng lượng sốc tối đa $\geq 40J$ - Tuổi thọ máy ≥ 13.6 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8
263	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, trọng lượng 76g → 77g, có Bluetooth, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T, có Bluetooth - Trọng lượng khoảng 76g - 77g - Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến $\geq 8V$ - Tính năng ổn định nhịp thất khi cuồng nhĩ/rung nhĩ - Năng lượng sốc tối đa $\geq 40J$ - Tuổi thọ máy ≥ 13.6 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	5
264	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 31g → 32g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng nhịp, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Thể tích máy < 14 ml, trọng lượng khoảng 31g - 32g - Có tính năng giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	7

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
265	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 22g → 23g, kèm dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái không lõi kích thước ≤ 4.1F	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Trọng lượng khoảng 22g - 23g - Có chế độ chuyển đổi AAIR- DDDR / AAI - DDD - Tính năng phòng ngừa ngắt do tụt nhịp. - Có chức năng gọi ý các thông số giúp lập trình máy - Có dây điện cực HIS/ bó trái đường kính dây nhỏ ≤ 4.1F - Bao gồm: máy, dây his - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	45
266	Máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 22g → 24g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động và sinh lý CLS, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Có kết nối Bluetooth, tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 24/7 với chương trình MRI Guard 24/7 - Có thể ghi lại 25 cơn điện tim IEGM tối thiểu 16s mỗi cơn - Tính năng tự động tạo nhịp với tần số cao sau loạn nhịp nhĩ giúp giảm tải phát nhanh/ rung nhĩ với aATP - Trọng lượng khoảng 22 - 24g, dây 6.5mm - Thời gian hoạt động > 14 năm - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
267	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 18g → 20g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng khoảng 18g - 20g - Bao gồm: máy, dây dẫn - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
268	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 19g → 20g, kèm điện cực và phụ kiện chuẩn	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI 3T - Chất liệu: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Bao gồm máy, điện cực và phụ kiện chuẩn - Trọng lượng khoảng 19g - 20g - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15
269	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 22g → 24g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động và sinh lý CLS, cho phép chụp MRI toàn thân 3T, tạo nhịp hệ thống dẫn truyền bó nhánh trái - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 24/7 với chương trình MRI Guard 24/7 - Có thể ghi lại 17 cơn điện tim IEGM tối thiểu 16s mỗi cơn - Trọng lượng khoảng 22g - 24g, dây 6.5mm - Thời gian hoạt động > 14 năm - Bao gồm: máy, dây dẫn - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	35

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
270	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 23g → 24g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 Tesla - Có thể ghi lại 4 con điện tim ECG tối đa 10s mỗi con, và 75% tiền sử con ở cả 2 kênh - Có chương trình giảm tạo nhịp thất IRS+, giảm suy tim, nhịp cơ bản lên đến 200bpm - Trọng lượng khoảng 23g - 24g, dây khoảng 6mm - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	40
271	Máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 22g → 23g	Máy tạo nhịp tim 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Trọng lượng khoảng 22g - 23g - Có chế độ chuyển đổi AAIR- DDDR / AAI - DDD - Tính năng phòng ngừa ngắt do tụt nhịp. - Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
272	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 27g → 28g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích máy khoảng 12.0cm³ - 12.5cm³, trọng lượng khoảng 27g - 28g - Có tính năng giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF - Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây - Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	7
273	Máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng ≤ 1.75g, thể tích ≤ 0.8cm³	Máy tạo nhịp 2 buồng không dây, cho phép duy trì đồng bộ nhĩ thất, tương thích MRI 3T toàn thân. - Thể tích máy ≤ 0.8cm³, trọng lượng ≤ 1.75g - Cho phép duy trì đồng bộ nhĩ thất. - Tự động theo dõi và điều chỉnh ngưỡng nhận cảm. - Quản lý tạo nhịp thất. - Tuổi thọ pin trung bình khoảng 8 - 13 năm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
274	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 22g → 23g, có Bluetooth, kèm 2 dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái không lồi kích thước ≤ 4.1Fr	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích khoảng 12cm³ - 14cm³, trọng lượng khoảng 22g - 23g - Theo dõi dịch trong phổi - Có dây điện cực HIS/ bó trái đường kính dây nhỏ ≤ 4.1Fr - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth với điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. - Bao gồm: máy, 2 dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
275	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, trọng lượng 22g → 23g, có Bluetooth	Máy tạo nhịp tim 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Thể tích khoảng 12cm³ - 14cm³, trọng lượng khoảng 22g - 23g - Theo dõi dịch trong phổi - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth với điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng - Tuổi thọ pin ≥ 15.8 năm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
276	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 67g → 68g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép Chụp MRI toàn thân 1.5 Tesla - Chất liệu: Titanium, Epoxy, Silicone - Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh - Năng lượng phát sốc ≥ 36J - Trọng lượng khoảng 67g - 68g - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
277	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 76g → 77g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Năng lượng sốc 40J - Có chương trình tránh shock lầm - Thời gian hoạt động > 12 năm - Trọng lượng trong khoảng 76 g - 77g, dây 10mm - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
278	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 77g → 78g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Chất liệu: Titanium, Polyurethane, Silicone - Tính năng giảm tối đa áp lực lên ngực người bệnh - Cung cấp dữ liệu về hoạt động của tim lên đến 14 tháng - Thể tích 34cm³, trọng lượng khoảng 77g - 78g - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
279	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 79g → 80g, có Bluetooth, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T, có Bluetooth - Trọng lượng khoảng 79g - 80g - Sốc thông minh kết hợp nhiều tính năng phát hiện VT/VF và liệu pháp điều trị để giảm sốc nhầm - Phân tích tần số và mẫu để phân biệt giữa SVT với VT - Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến ≥ 8V - Ổn định nhịp thất khi cường độ nhĩ/rung nhĩ - Năng lượng sốc tối đa ≥ 40J - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
280	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 25g → 27g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, thất trái 4 cực, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 T - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Có chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Tính năng tạo nhịp kiểm chế rung nhĩ - Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút - Trọng lượng khoảng 25g - 27g - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
281	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 26g → 27g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, dây điện cực thất trái 4 cực, tạo nhịp đa điểm, cho phép chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla - Vỏ máy: Titanium, Epoxy, Polysulfone - Tạo nhịp đa điểm phát đa xung trên thất trái mỗi chu kỳ tim - Có chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Tính năng tạo nhịp kiểm chế rung nhĩ - Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút - Trọng lượng khoảng 26g - 27g - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
282	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 29g → 31g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điện cực thất trái 2 cực/ 4 cực chuẩn IS-1/ IS-4 - Cho phép truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth - Có tính năng theo dõi dịch trong phổi - Tự động đảm bảo phương pháp tái đồng bộ tim - Trọng lượng khoảng 29g - 31g - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
283	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 31g → 32g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T, điều chỉnh không dây - Trọng lượng khoảng 31g - 32g - Điện cực thất trái 4 cực chuẩn IS-4 - Chương trình tạo nhịp bó nhánh trái LBB(A) pacing - Tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 24/7 với chương trình MRI Guard 24/7 - Tự động đảm bảo phương pháp tái đồng bộ tim, với 20 vector tạo nhịp thất trái, chương trình CRT AutoAdapt - Tự động tạo nhịp với tần số cao sau loạn nhịp nhĩ giảm tái phát nhanh/ rung nhĩ. với aATP - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
284	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 82g → 83g, có Bluetooth	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T, có Bluetooth - Trọng lượng khoảng 82g - 83g - Tuổi thọ máy trung bình ≥ 9.5 năm - Năng lượng sốc tối đa ≥ 40J - Theo dõi nguy cơ tăng dịch trong lồng ngực tránh đến tình trạng tắc nghẽn phổi - Sốc thông minh kết hợp nhiều tính năng phát hiện VT/VF - Sốc đồng bộ buồng nhĩ khi ATP không hiệu quả - Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến ≥ 8V - Điện cực thất trái 2 cực, chuẩn IS-1 hoặc 4 cực, chuẩn IS-4 Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
285	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 82g → 83g, có Bluetooth, kèm dây điện cực tạo nhịp bó His hoặc bó trái không lõi kích thước ≤ 4.1F	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T, có Bluetooth - Trọng lượng khoảng 82g - 83g - Tuổi thọ máy trung bình ≥ 9.5 năm - Năng lượng sốc tối đa ≥ 40J - Tạo nhịp, tái đồng bộ 3 buồng tim và khử rung tim, điện cực phá rung - Theo dõi nguy cơ tăng dịch trong lồng ngực liên quan đến tình trạng tắc nghẽn phổi - Sốc thông minh kết hợp nhiều tính năng phát hiện VT/VF - Sốc đồng bộ buồng nhĩ khi ATP không hiệu quả - Phân tích tần số và mẫu để phân biệt giữa SVT với VT - Tự động tạo nhịp sau cơn sốc VT/VF lên đến ≥ 8V - Điện cực thất trái 2 cực, chuẩn IS-1 - Dây điện cực His/ bó trái với thiết kế dây không lõi, thân dây có đường kính đồng nhất, đường kính dây ≤ 4.1F - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
286	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 80g → 81g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng dây điện cực thất 4 cực, tạo nhịp đa điểm, cho phép chụp MRI 1.5 Tesla - Chất Liệu: Titanium, Epoxy, Silicone - Có chức năng giảm sốc nhầm, giảm nhận cảm nhầm sóng T - Có chức năng theo dõi điện trở lồng ngực - Báo động người bệnh bằng rung - Năng lượng phát sốc 40J - Trọng lượng khoảng 80g - 81g - Bao gồm máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3
287	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 82g → 83g, kèm dây dẫn	Bộ máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối wireless - Năng lượng phát sốc 40J - Trọng lượng khoảng 82g - 83g, dây 10mm, hình dạng cong - Bao gồm: máy, dây dẫn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
288	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, trọng lượng 82g → 83g	Máy tạo nhịp, phá rung 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T, điều chỉnh không dây - Trọng lượng khoảng 82g - 83g - Dây khoảng 10mm, hình dạng cong - Năng lượng phát sốc 40J - Tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động trong vòng 14 ngày Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1
289	Miếng dán điện cực cho lập bản đồ 3D	Miếng dán điện cực cho lập bản đồ 3D - Chất liệu Polyethylene - Bộ 06 miếng Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15
290	Ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong 0.042" → 0.043", dài 105cm → 130cm	Ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu nhựa mềm có phủ ái nước - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.2Fr - Đường kính trong: khoảng 0.042" - 0.043" - Chiều dài khoảng 105cm - 130cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
291	Ống thông can thiệp mạch máu não dạng sheath, đường kính trong ≥ 0.088", dài 80cm → 100cm	Ống thông can thiệp mạch máu não dạng sheath - Chất liệu Polymer - Đoạn đầu tip có phủ ái nước có chiều dài ≥ 14cm - Đường kính trong ≥ 0.088" - Chiều dài khoảng 80cm - 100cm, có tối thiểu các cỡ 80cm, 90cm, 100cm. - Có kèm lõi nong bên trong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
292	Ống thông can thiệp mạch máu não dạng sheath, đường kính trong 0.087" → 0.088", dài ≥ 80cm	Ống thông can thiệp mạch máu não dạng sheath - Chất liệu Polymer, thành có bện thép đa lớp - Đoạn đầu tip phủ ái nước - Đường kính khoảng 0.087" - 0.088" - Chiều dài ≥ 80cm, có tối thiểu các cỡ 80cm, 90cm - Có kèm lõi nong bên trong để làm sheath Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	210

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
293	Ống thông can thiệp mạch máu não dạng sheath, đường kính trong 0.071" → 0.090", dài 80cm → 110cm	Ống thông can thiệp mạch máu não dạng sheath - Chất liệu Polymer - Đoạn phủ Hydrophilic dài khoảng 5cm - 15cm ở đầu - Đường kính khoảng 0.071" - 0.090", có tối thiểu các cỡ 0.071", 0.081", 0.090" - Chiều dài khoảng 80cm - 110cm, có tối thiểu 80cm, 110cm - Có kèm lõi nong bên trong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
294	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5Fr → 9Fr, dài ≥ 90cm	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu: phủ đầu Nylon, lớp lót trong PTFE - Cỡ khoảng 5Fr - 9Fr, có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr, 9Fr - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ 0.056", 0.070", 0.078", 0.088", 0.098" - Chiều dài ≥ 90cm - Có các dạng: JL, JCL, AL, XB, XBLAD, XBC, JR, JCR, AR, XBR, XBRCA, NR, Hockey Stick, DRC, MPA, MPB, JFL, JFR, RB, RBL, BARBEAU, LCB, RCB Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	100
295	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5Fr → 8Fr, dài ≥ 90 cm	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết bằng Polymer - Tech Nylon - Cỡ khoảng 5Fr - 8Fr, có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Đường kính khoảng 0.071" - 0.081" - Chiều dài ≥ 90cm - Có tối thiểu các dạng cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL, JL, JR, JRC, JLC, SR, RCB, LCB,.... Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1900
296	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 5Fr → 7Fr, dài ≥ 100cm	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu Polytetrafluoroethylene - PTFE bên trong trực, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ - Cỡ khoảng 5Fr - 7Fr - Đường kính trong: khoảng 0.059" - 0.081" - Chiều dài ≥ 100cm, có tối thiểu 2 cỡ - Có tối thiểu các dạng BL, AL, JL, JR,... Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
297	Ống thông can thiệp mạch vành, cỡ 6Fr, 7Fr, dài ≥ 100cm	Ống thông can thiệp mạch vành - Chất liệu mặt ngoài phủ lớp Silicone, phần ống trong được phủ lớp fluoropolymer, đường viền làm bằng thép không gỉ, lòng trong ống rộng, được phủ lớp PTFE - Có tối thiểu các cỡ 6Fr, 7Fr - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ 0.071", 0.081", 0.09" - Chiều dài ≥ 100cm - Có các dạng: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
298	Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp quang học trong lòng mạch	Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp quang học trong lòng mạch - Chất liệu phủ lớp ái nước Hydrophilic - Đường kính ngoài đoạn xa khoảng 2.7 - 2.8F - Chiều dài khoảng 135 - 140cm - Điểm đánh dấu đoạn xa tới tip cách 3mm - Điểm đánh dấu thấu kính tới điểm đánh dấu đoạn xa cách 20mm - Điểm đánh dấu đoạn gần tới điểm đánh dấu thấu kính cách 82mm - Dạng: Rapid Exchange - Tương thích dây dẫn 0.014	Cái	150

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
299	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tạng và ngoại biên, cỡ 4Fr, 5Fr, dài 65cm → 125cm	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tạng và ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Chiều dài khoảng 65cm - 125cm, có tối thiểu các cỡ 65cm, 100cm, 125cm - Dạng đầu có tối thiểu dạng RH, VERT, SIM Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1450
300	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, cỡ 5Fr, dài 100cm, dạng đầu Mani	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não - Chất liệu thép không gỉ, lớp trong Nylon, lớp ngoài Polyurethane, phủ lớp Hydrophilic - Có tối thiểu cỡ 5Fr - Chiều dài có tối thiểu cỡ 100cm - Dạng đầu có tối thiểu dạng Mani Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
301	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, cỡ 5Fr, dài 100cm, dạng đầu Vertebral, Simmons	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não - Cấu tạo: 3 lớp Nylon Elastomer với lưới đan thép không gỉ - Có tối thiểu cỡ 5Fr - Chiều dài có tối thiểu cỡ 100cm - Dạng đầu có tối thiểu dạng Vertebral, Simmons Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
302	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tùy và ngoại biên, cỡ 4Fr, 5Fr, dài 40cm → 125cm	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tùy và ngoại biên - Chất liệu: Nylon, thân cổng bên thép không gỉ, đầu tip có tungsten. - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Chiều dài khoảng 40cm - 125cm, có tối thiểu các cỡ 40cm, 65cm, 80cm, 90cm, 100cm, 110cm, 125cm - Đường kính trong: khoảng 0.042" - 0.048" - Tương thích dây dẫn khoảng 0.035" - 0.038" - Dạng đầu có tối thiểu dạng Straight, VERT, SIDEWINDER, COBRA, SHEPHERD HOOK, NEWTON Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
303	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tùy và ngoại biên, cỡ 4Fr - 5Fr, dài 70cm → 100cm	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu não, tùy và ngoại biên - Chất liệu Polymer - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Chiều dài khoảng 70cm - 100cm - Tương thích dây dẫn khoảng 0.035" - 0.038" - Dạng đầu có tối thiểu dạng RH, VERT, SIM, COBRA, LIVER hoặc tương đương Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1700

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
304	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép, cỡ 4Fr, 5Fr, dạng JR, JL, AL	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép. - Chất liệu 3 lớp: Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan; Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính khoảng 1.00 - 1.20mm - Chiều dài tối thiểu 100cm - Giới hạn áp lực 750psi hoặc 1000psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Dạng JR, JL, AL Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	900
305	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải, cỡ 5Fr	Ống thông chụp mạch vành đường quay đa năng trái và phải - Chất liệu Polyamide - Có tối thiểu cỡ 5Fr - Chiều dài khoảng 100cm - 120cm, có 2 cỡ - Giới hạn áp lực tối đa 1200psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Lưu lượng dòng chảy tối đa khoảng 23 ml/ giây Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1780
306	Ống thông chẩn đoán tim mạch bằng đường quay cỡ 5Fr, 6Fr	Ống thông chẩn đoán tim mạch bằng đường quay - Có tối thiểu các cỡ 5Fr, 6Fr - Chiều dài khoảng 100cm - 110cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Dạng đầu có tối thiểu dạng: TRApease, TRANSformer, TRActive, TRAcker, Ultra Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
307	Ống thông chẩn đoán tim mạch đa năng, cỡ 4Fr, 5Fr, dạng MP	Ống thông chẩn đoán tim mạch đa năng, có cấu trúc lưới kép - Chất liệu 3 lớp: Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan; Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ. - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính khoảng 1.00 - 1.20mm - Giới hạn áp lực 750psi hoặc 1000psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Có tối thiểu dạng MP Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
308	Ống thông chẩn đoán tim mạch, cỡ 4Fr, 5Fr, dạng JL, JR, AL, AR, Pigtail	Ống thông chẩn đoán tim mạch - Chất liệu bằng nylon pebax, đường viền bằng thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính trong có cỡ 0.042"/1.07mm, 0.046"/1.17mm - Chiều dài 100cm hoặc 125cm - Có tối thiểu các dạng JL, JR, AL, AR, Pigtail - Tương thích với dây dẫn 0.035" hoặc 0.038" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
309	Ống thông chẩn đoán tim mạch dạng đuôi heo, cỡ 4Fr, 5Fr	Ống thông chẩn đoán tim mạch - Chất liệu lớp trong/ngoài bằng Nylon-Polyurethan, lớp đan kép bằng thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Đường kính khoảng 1.00 - 1.20mm - Chiều dài có tối thiểu 110cm - Giới hạn áp lực ≥ 750psi - Tương thích dây dẫn 0.038" - Có dạng đuôi heo Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120
310	Ống thông chẩn đoán tim mạch và ngoại biên dạng đuôi heo có điểm đánh dấu cân quang, cỡ 4Fr, 5Fr	Ống thông chẩn đoán tim mạch và ngoại biên dạng đuôi heo có điểm đánh dấu cân quang - Chất liệu Nylon và Pebax - Có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr - Chiều dài khoảng 65cm - 100cm - Chịu áp lực dòng chảy khoảng 1.167psi - 1.196psi - Đường kính vòng đuôi heo ≤ 11mm - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
311	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu tạng qua động mạch quay, cỡ 4Fr, dài 125cm $\rightarrow$ 150cm	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu tạng qua động mạch quay - Chất liệu: Nylon, thép không gỉ, phủ ái nước dầu xa - Có tối thiểu cỡ 4Fr - Chiều dài khoảng 125cm - 150cm, có tối thiểu các cỡ 125cm, 135cm, 150cm - Tương thích dây dẫn 0.038" - Áp lực đạt tối đa 750psi - Dạng đầu có tối thiểu MG1, MG2 hoặc tương đương Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
312	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu tạng, cỡ 5Fr, dài 70cm $\rightarrow$ 100cm	Ống thông chẩn đoán, can thiệp mạch máu tạng - Chất liệu Polymer được phủ lớp ái nước Hydrophilic. Lớp ngoài Polyurethane. Lớp trong Nylon - Có tối thiểu cỡ 5Fr - Chiều dài khoảng 70cm - 100cm, có tối thiểu các cỡ 70cm, 100cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
313	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, bằng thép không gỉ, dài 65cm $\rightarrow$ 150cm	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trục bằng thép không gỉ, phủ ái nước 400mm - Chiều dài khoảng 65cm - 150cm, có tối thiểu các cỡ 65cm, 90cm, 135cm, 150cm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong (30°) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
314	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, bằng HDPE, dài 65cm → 150cm	Ống thông hoặc vi ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu HDPE - Đường kính lòng có tối thiểu cỡ 0.021" - Chiều dài khoảng 65cm - 150cm, có tối thiểu các cỡ 65cm, 90cm, 135cm, 150cm - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
315	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, bằng Nylon, dài 65cm → 150cm	Ống thông hoặc vi ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu Nylon, lớp phủ ái nước - Đường kính tối thiểu có cỡ 2.1Fr, 2.4Fr - Chiều dài khoảng 65cm - 150cm, có tối thiểu các cỡ: 65cm, 90cm, 135cm, 150cm. - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	125
316	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên dạng sheath, bằng PTFE, dài 45cm → 90cm, tương thích dây dẫn 0.038", van có thể tháo rời	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, dạng sheath - Chất liệu: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài Nylon, phủ lớp ái nước Hydrophilic - Đường kính khoảng 5Fr - 8Fr - Chiều dài 45cm - 90cm, có tối thiểu các cỡ 45cm, 65cm, 90cm - Dạng đầu: đầu thẳng - Tương thích dây dẫn 0.038" - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
317	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên dạng sheath, bằng PTFE, dài 45cm → 90cm, tương thích dây dẫn 0.035"	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên, dạng sheath - Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn bằng thép không gỉ, lớp trong PTFE - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài 45cm - 90cm, có tối thiểu các cỡ 45cm, 65cm, 90cm - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
318	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách, dài 70cm → 72cm	Ống thông dẫn đường hỗ trợ xuyên vách điều khiển độ cong 2 chiều - Chiều dài khoảng 70cm - 72cm - Đầu ống dẫn có cán bực xa - Có van cầm máu - Tự động khóa - Thân kim dạng bện Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
319	Ống thông hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ, dài > 60cm	Ống thông hỗ trợ xuyên vách liên nhĩ - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 8.5Fr - Chiều dài > 60cm - Lỗ bên có đường kính < 0.025" - Vô bện - Có van cầm máu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
320	Ống thông đưa dây tạo nhịp vào vị trí bó HIS hoặc bó nhánh trái	Ống thông đưa dây tạo nhịp vào vị trí bó HIS hoặc bó nhánh trái - Chất liệu bên trong ống được phủ Hydrophilic - Chiều dài $\geq 39\text{cm}$ - Gồm phụ kiện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
321	Ống thông hỗ trợ cấy điện cực tạo nhịp hệ thống dẫn truyền 3D	Ống thông hỗ trợ cấy điện cực tạo nhịp hệ thống dẫn truyền 3D tạo điều kiện để đưa dây điện cực tạo nhịp thất phải qua da. - Đường kính trong 7.0Fr - Đường kính ngoài 9.0Fr - Chiều dài $> 40\text{cm}$ - Dụng cụ nong tương thích dây dẫn 0.035" Gồm: + Van cầm máu + Đầu nòng gắn chống bức xạ + Dụng cụ rạch	Cái	20
322	Ống thông làm tiêu huyết khối trong mạch máu ngoại biên, cỡ 4Fr $\rightarrow$ 5Fr	Ống thông làm tiêu huyết khối trong mạch máu ngoại biên - Chất liệu Pebax, Bismuth Subcarbonate - Kích cỡ khoảng 4Fr - 5Fr - Chiều dài khoảng 45cm - 135cm - Tương thích dây dẫn có đường kính 0.035" - Kèm theo dụng cụ bơm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
323	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, tương thích 5Fr $\rightarrow$ 6Fr, chiều dài ống thông $> 140\text{ cm}$	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành - Chất liệu thép - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ 1.33mm, 1.43mm - Chiều dài trục đoạn xa khoảng 24cm - 25cm - Chiều dài ống thông $> 140\text{cm}$ - Tương thích ống thông can thiệp khoảng 5Fr - 6Fr, có tối thiểu 6Fr - Dụng cụ gồm: một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gắn được làm bằng dây thép Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
324	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, tương thích 5Fr $\rightarrow$ 8Fr, chiều dài ống thông 140cm $\rightarrow$ 155cm, dạng dây dẫn kép	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, dạng dây dẫn kép - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ: 0.052"(5.5Fr), 0.057"(6Fr), 0.063"(7Fr), 0.072"(8Fr) - Chiều dài ống thông khoảng 140cm - 155cm - Tương thích ống thông can thiệp khoảng 5Fr - 8Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
325	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, tương thích 6Fr $\rightarrow$ 7Fr, chiều dài ống thông $\geq 125\text{ cm}$	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành - Chất liệu Platinum Iridium - Lõi đan dài kim loại, lớp áo phủ ái nước - Chiều dài đoạn tiếp cận mạch vành khoảng 25cm - 40cm - Chiều dài ống thông $\geq 125\text{cm}$ - Tương thích ống thông can thiệp khoảng 6Fr - 7Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	23

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
326	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành kéo dài, dài ≥ 150 cm	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành kéo dài - Chất liệu hợp kim Nitinol, phủ áo nước đoạn xa - Chiều dài ≥ 150cm, đoạn kéo dài 25cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
327	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, cổ dạng half-pipe, dài ≥ 17 cm	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành, cổ dạng half-pipe - Đường kính có tối thiểu các cỡ: 5Fr, 5.5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài dạng half-pipe dài ≥ 17cm - Chiều dài ≥ 150cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
328	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, bằng Nitinol, dài ≥ 165 cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu Nitinol - Đường kính khoảng 0.013" - 0.015" - Đường kính ngoài ≥ 1.5Fr - Dài ≥ 165cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
329	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, dài 156cm $\rightarrow$ 167cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu mặt ngoài phủ Hydrophilic - Đường kính trong có tối thiểu cỡ 0.013", 0.0165" - Dài khoảng 156cm - 167cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
330	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đầu có thể tự tháo rời, bằng Nitinol, dài ≤ 165 cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đầu có thể tự tháo rời - Chất liệu Nitinol, tương thích với Dymethyl Sulfo-Oxide (DMSO) - Đường kính trong ≤ 0.013" - Dài ≤ 165cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
331	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính lòng 0.017" $\rightarrow$ 0.045", dài 105cm $\rightarrow$ 150cm	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não - Thân gắn được đan bên sợi đôi - Đường kính trong 0.017" - 0.045", có tối thiểu các cỡ 0.027", 0.045" - Chiều dài khoảng 105cm - 150cm, có tối thiểu các cỡ 105cm, 120cm, 150cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
332	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch, cỡ 6Fr, dài ≥ 110cm	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 6Fr - Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 2mm - Chiều dài ≥ 110cm - Số vòng quay: 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 45 ml/phút - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
333	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch, cỡ 6Fr, dài ≥ 135cm	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 6Fr - Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 2mm - Chiều dài ≥ 135cm - Số vòng quay: 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 45 ml/phút - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
334	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch, cỡ 10Fr, dài ≥ 85cm	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 10Fr - Chiều dài ≥ 85cm - Số vòng quay: 40.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 130 ml/phút - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
335	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch, cỡ 8Fr, dài ≥ 110cm	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 8Fr - Chiều dài ≥ 110cm - Số vòng quay: 40.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 75 ml/phút - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
336	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch, cỡ 8Fr, dài ≥ 85cm	Ống thông hút huyết khối và huyết khối xơ vữa cho động mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 8Fr - Chiều dài ≥ 85cm - Số vòng quay: 40.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 75 ml/phút. - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
337	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch cho tĩnh mạch, cỡ 6Fr, dài ≥ 110cm	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 6Fr - Chiều dài ≥ 110cm - Số vòng quay: 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 45 ml/phút. - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
338	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch, cỡ 6Fr, dài ≥ 135cm	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 6Fr - Chiều dài ≥ 135cm - Số vòng quay: 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 45 ml/phút. - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
339	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch, cỡ 10Fr, dài ≥ 110cm	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 10Fr - Chiều dài ≥ 110cm - Số vòng quay: 40.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 130 ml/phút. - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
340	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch, cỡ 8Fr, dài ≥ 110cm	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 8Fr - Chiều dài ≥ 110cm - Số vòng quay: 40.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 75 ml/phút. - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2
341	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch, cỡ 8Fr, dài ≥ 85cm	Ống thông hút huyết khối cho tĩnh mạch - Chất liệu không chứa Latex, Phthalate - Kích cỡ: 8Fr - Chiều dài ≥ 85cm - Số vòng quay: 40.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa 75 ml/phút. - Bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn che vô trùng và túi gom Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
342	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong 0.039" → 0.065", dài ≥ 110cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Polymer, mặt ngoài phủ lớp ái nước, có lớp PTFE bên trong - Đường kính trong: khoảng 0.039" - 0.065", có tối thiểu các cỡ 0.039", 0.052", 0.065" - Chiều dài ≥ 110cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
343	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong 0.068" → 0.071", dài 130cm → 135cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Nitinol, thiết kế dạng coil dẹt, đầu ống vát mềm - Đường kính trong: khoảng 0.068" - 0.071", có tối thiểu các cỡ 0.068" và 0.071" - Chiều dài khoảng 130cm - 135cm Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
344	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong tối thiểu 0.043", dài ≥ 138cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Polymer - Đường kính trong có tối thiểu 0.043" - Chiều dài ≥ 138cm, có tối thiểu 138cm và 160cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
345	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong tối thiểu 0.055", dài ≥ 115cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu nhựa mềm, phủ ái nước và thành gia cố bằng sợi ben và vòng xoắn thép không gỉ - Đường kính trong có tối thiểu cỡ 0.055" - Đường kính ngoài có tối thiểu cỡ 0.068" - Chiều dài ≥ 115cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120
346	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong ≥ 0.055", dài 115cm → 125cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu nhựa mềm, thành gia cố bằng thép không gỉ và Nitinol - Đường kính trong ≥ 0.055" - Đường kính ngoài ≤ 0.068" - Chiều dài khoảng 115cm - 125cm - Chiều dài đầu xa ≥ 10cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
347	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong tối thiểu 0.070", dài 125cm → 131cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Nhựa mềm, phủ ái nước và thành gia cố bằng Nitinol - Đường kính trong ≥ 0.070" - Đường kính ngoài ≤ 0.0825" - Chiều dài khoảng 125cm - 131cm, có tối thiểu các cỡ 125cm, 131cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
348	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong tối thiểu 0.071", dài 115cm → 125cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu nhựa mềm, thành gia cố bằng Nitinol - Đường kính trong $\geq 0.071"$ - Đường kính ngoài $\leq 0.082"$ - Chiều dài khoảng 115cm - 125cm, có tối thiểu các cỡ 115cm, 125cm - Chiều dài đầu xa ≤ 15cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
349	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não, đường kính trong tối thiểu 0.072", dài 132cm → 136cm	Ống thông lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Polymer, thành gia cố thép không gỉ và Nitinol - Đường kính trong có tối thiểu 0.072" - Đường kính ngoài có tối thiểu 6Fr - Chiều dài khoảng 132cm - 136cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
350	Ống thông phá màng vôi hóa nội mạch vành (IVL) bằng sóng xung kích, có mang bóng	Ống thông phá màng vôi hóa nội mạch vành (IVL) bằng sóng xung kích, có mang bóng - Chất liệu lớp phủ ưa nước - Chiều dài hoạt động: 1420 mm - Đường kính bóng khoảng 2.0mm - 4.0mm - Chiều dài bóng khoảng 12mm - 15mm - Áp suất vỡ bóng ≥ 20 atm - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5Fr - Chế độ hoạt động: 1 xung/1 giây, tối đa 10 xung liên tiếp trong một chu kỳ, mỗi ống thông tối đa 8 chu kỳ. Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
351	Stent can thiệp động mạch thận bụng bằng bóng, bằng Cobalt Chromium, đường kính 5.0mm → 7.0mm, dài 12mm → 18mm	Stent can thiệp động mạch thận bụng bằng bóng - Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium L605 - Đường kính khoảng 5.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 12mm - 18mm, có tối thiểu các cỡ 12mm, 15mm, 18mm - Độ dày có tối thiểu cỡ 120μm - Tương thích dụng cụ mở đường 5Fr - Tương thích dây dẫn: 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
352	Stent mạch não dùng cho túi phình cổ rộng, đường kính 2.5mm → 3.5mm, dài 13mm → 35mm	Stent mạch não dùng cho túi phình cổ rộng - Chất liệu 12 sợi Nitinol đan vào nhau - Đường kính khoảng 2.5mm - 3.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.5mm - Kích cỡ mắt lưới ≤ 1.5mm - Chiều dài khoảng 13mm - 35mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
353	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não dạng đan bện, đường kính 2.0mm → 4.0mm	Stent chặn cổ túi phình mạch não cho túi phình cổ rộng dạng đan. - Chất liệu: các sợi do nitinol bao quanh lõi platinum tạo nên, đan vào nhau. - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Che phủ kim loại bề mặt đặt stent có thể đạt được mức 15% - 28% - 2 đầu loe đoạn ngắn 0.5mm - Chiều dài khoảng 12mm - 34mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6
354	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não dạng lưới có thể đóng mở bằng tay cầm bên ngoài	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não dạng lưới có thể đóng mở bằng tay cầm bên ngoài - Chất liệu Nitinol và Tantalum - Đường kính có tối thiểu cỡ 1.5mm, 4.5mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 32mm - Tương thích catheter: 0.017" hoặc 0.021" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	4
355	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não dạng đan bện, đường kính 3.0mm → 5.5mm	Stent chặn cổ túi phình mạch não dùng hỗ trợ chặn coil bít cho túi phình cổ rộng - Chất liệu Nitinol - Đường kính khoảng 3.0mm - 5.5mm, có tối thiểu các cỡ 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.5mm - Kích cỡ mắt lưới khoảng 0.8mm - 1.6mm - Chiều dài khoảng 12mm - 35mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6
356	Stent điều trị hẹp mạch máu nội sọ dạng tự bung	Stent điều trị hẹp mạch máu nội sọ tự bung - Chất liệu Nitinol, phủ lớp Fibrin-Heparin - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Tương thích với ống thông gắn bóng có lòng 0.0165" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
357	Stent hỗ trợ điều trị phình động mạch phân nhánh, thiết kế hình vòng hoa	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não ở chỗ phân nhánh - Chất liệu Nitinol, phủ lớp mô phỏng Glycocalix (HPC) - Thiết kế stent bên ngoài và giá đỡ vòng vương miện trong túi phình - Đường kính có tối thiểu 4mm, đường kính vòng vương miện khoảng 5mm - 15mm - Chiều dài có tối thiểu 15mm - Tương thích vi ống thông có đường kính lòng 0.021" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
358	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não và dùm trong hẹp nội sọ	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não và dùm trong hẹp nội sọ - Chất liệu Nitinol, phủ lớp Fibrin - Heparin - Đường kính khoảng 3.0mm - 8.0mm, có tối thiểu các cỡ 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm - Chiều dài 15mm - 60mm, có tối thiểu các cỡ 15mm, 25mm, 35mm - Tương thích vi ống thông có đường kính lòng khoảng 0.0165" - 0.027" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8
359	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não và xơ vữa nội sọ, có phủ lớp mô phỏng Glycocalyx	Stent hỗ trợ điều trị túi phình mạch não cổ rộng và xơ vữa nội sọ - Chất liệu Nitinol, phủ lớp mô phỏng Glycocalyx (HPC) - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Tương thích vi ống thông có đường kính lòng khoảng 0.0165" - 0.017" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
360	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - mạch chủ, bung bằng bóng có màng bọc, đường kính 12.0mm → 24.0mm, dài 19mm → 59mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - mạch chủ, bung bằng bóng có màng bọc - Chất liệu Cobalt Chromium phủ ePTFE - Đường kính khoảng 12.0mm - 24.0mm, có tối thiểu các cỡ 12.0mm, 14.0mm, 16.0mm, 18.0mm, 20.0mm, 22.0mm, 24.0mm - Chiều dài khoảng 19mm - 59mm, có tối thiểu các cỡ 19mm, 27mm, 29mm, 37mm, 38mm, 39mm, 48mm, 49mm, 58mm, 59mm - Chiều dài ống thông 75cm và 120cm - Tương thích dụng cụ mở đường trong khoảng 9Fr - 14Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25
361	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - mạch chủ, bung bằng bóng, có màng bọc, đường kính 12.0mm → 30.0mm, dài 16mm → 60mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - mạch chủ, bung bằng bóng, có màng bọc dùng cho bệnh lý hẹp động mạch chủ, buồng tổng thất phải - Chất liệu Platinum, Iridium, lớp phủ: ePTFE - Có 2 loại cấu hình: 8 đường zíc zắc và 10 đường zíc zắc - Đường kính khoảng 12.0mm - 30.0mm (mỗi bước tăng 2mm), có tối thiểu 10 cỡ - Chiều dài khoảng 16mm - 60mm, có tối thiểu 9 cỡ - Áp lực vỡ bóng khoảng 2atm - 7atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	4
362	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 8.0mm → 10.0mm, dài 60mm → 100mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên dùng thông tĩnh mạch gan xuống tĩnh mạch cửa - Chất liệu Nitinol, phủ PTFE - Dạng dây bện - Đường kính từ 8.0mm đến 10.0mm - Chiều dài khoảng 60mm - 100mm, có tối thiểu các cỡ 60mm, 80mm, 100mm - Tương thích dụng cụ mở đường 9Fr, dài 75cm ± 10cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	23
363	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - tĩnh mạch, tự bung, đường kính 10mm → 20mm, dài 40mm → 160mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - tĩnh mạch, tự bung dùng điều trị tĩnh mạch chậu, đùi - Đường kính khoảng 10mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 12mm, 16mm, 18mm, 20mm - Chiều dài khoảng 40mm - 160mm, có tối thiểu các cỡ 40mm, 80mm, 100mm, 120mm, 160mm - Chiều dài ống thông tối thiểu cỡ 80cm hoặc 120cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
364	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - tĩnh mạch, tự bung, đường kính 5.0mm → 24.0mm, dài 20 → 145mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên - tĩnh mạch, tự bung - Chất liệu Elgiloy, lõi Platinum - Đường kính khoảng 5.0mm - 24.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 145mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 75cm, 135cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6 - 12F - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	90
365	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng, bằng Cobalt Chromium, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 17mm → 57mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng - Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium L605 - Chất liệu bóng: Polyamide - Semi Complaint - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài khoảng 17mm - 57mm, có tối thiểu các cỡ 17mm, 27mm, 37mm, 47mm, 57mm - Độ dày thành stent: 120µm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr, 7Fr - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
366	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng, bằng Coban - Crom, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 18mm → 58mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng - Chất liệu Coban - Crom - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm, có các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài khoảng 18mm - 58mm, có các cỡ 18mm, 23mm, 27mm, 28mm, 38mm, 57mm, 58mm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
367	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng, bằng Cobalt Chromium, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 18mm → 78mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ Silicone - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm - Chiều dài khoảng 18mm - 78mm, có tối thiểu các cỡ 18mm, 28mm, 38mm, 58mm, 78mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 90cm, 130cm, 170cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
368	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 17mm → 57mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bung bằng bóng - Chất liệu thép không gỉ - Chất liệu ống thông phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm - Chiều dài khoảng 17mm - 57mm, có tối thiểu các cỡ 17mm, 25mm, 27mm, 37mm, 57mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 75cm, 135cm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 6Fr - 7Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Áp suất tối đa: 12atm. Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
369	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng có màng bọc, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 27mm → 58mm, phủ 2 lớp ePTFE	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng có màng bọc - Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium, phủ 2 lớp ePTFE - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm - Chiều dài khoảng 27mm - 58mm - Chiều dài ống thông $\geq 120\text{cm}$ - Tương thích dụng cụ mở đường 7Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
370	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng có màng bọc, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 16mm → 58mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng có màng bọc - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp ePTFE - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 8.0mm, 10.0mm - Chiều dài khoảng 16mm - 58mm, có tối thiểu các cỡ 16mm, 26mm, 37mm, 38mm, 58mm - Chiều dài catheter 80cm hoặc 135cm - Áp suất $\leq 12\text{atm}$ - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 6Fr - 8Fr Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
371	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng có màng bọc, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 18mm → 58mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng có màng bọc dùng cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò động mạch chậu, thận - Chất liệu Coban - Crom, phủ lớp ePTFE - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài khoảng 18mm - 58mm, có tối thiểu các cỡ 18mm, 22mm, 23mm, 27mm, 28mm, 37mm, 38mm, 57mm, 58mm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - 7Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	32
372	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bụng, đường kính 5.0mm → 10.0mm, dài 30mm → 180mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bụng - Chất liệu hợp kim Nitinol - Đường kính khoảng 5.0mm - 10.0mm - Chiều dài khoảng 30mm - 180mm, có tối thiểu các cỡ 30mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 180mm - Độ dày có tối thiểu cỡ 170μm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn: 0.035" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
373	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bụng, đường kính 7.0mm → 10.0mm, dài 30mm → 80mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bụng - Chất liệu: Nitinol, phủ Silicone - Đường kính khoảng 7.0mm - 10.0mm - Chiều dài khoảng 30mm - 80mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu 70cm, 120cm - Tương thích dây dẫn: 0.035" - Hệ thống loại OTW Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
374	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 4.0mm → 7.0mm, dài 20mm → 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol, phủ Silicone - Đường kính khoảng 4.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài 20mm - 200mm, có tối thiểu các cỡ 80mm, 100mm, 120mm, 200mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 90cm, 135cm - Tương thích dây dẫn 0.018" - Hệ thống loại OTW Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	27
375	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 5.0mm → 14.0mm, dài 20mm → 120mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính khoảng 5.0mm - 14.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 8.0mm, 10.0mm, 14.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 120mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	12
376	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 5.0mm → 7.0mm, dài 20mm → 250mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính khoảng 5.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 250mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm - Chiều dài ống thông: 80cm hoặc 135cm - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	12
377	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 5.0mm → 7.0mm, dài 30mm → 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol, phủ Silicone - Đường kính khoảng 5.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 30mm - 200mm, có tối thiểu các cỡ 30mm, 80mm, 120mm, 200mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 90cm, 135cm - Độ dày 140µm - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	35
378	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 5.0mm → 8.0mm, dài 20mm → 200mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu Nitinol - Đường kính khoảng 5.0mm - 8.0mm, có tối thiểu các cỡ 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm - Chiều dài 20mm - 200mm, có tối thiểu các cỡ 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm - Chiều dài ống thông 75cm, 130cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
379	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 7.0mm → 10.0mm, dài 20mm → 100mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu hợp kim Nickel - Titanium - Đường kính khoảng 7.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10mm - Chiều dài khoảng 20mm - 100mm, có tối thiểu các cỡ 20mm, 30mm, 60mm, 80mm, 100mm - Chiều dài ống thông 80cm hoặc 135cm - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
380	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung có màng bọc, đường kính 6.0mm → 9.0mm, dài 40mm → 80mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung có màng bọc - Chất liệu Nitinol, phủ Polytetrafluoroethylen - Chất liệu Catheter phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 6.0mm - 9.0mm, tối thiểu có các cỡ 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm - Chiều dài khoảng 40mm - 80mm, có tối thiểu các cỡ 40mm, 60mm, 80mm - Tương thích dụng cụ mở đường 9Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
381	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung có màng bọc, đường kính 6.0mm → 10mm, dài ≥ 30mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung có màng bọc dùng điều trị trong tổn thương hẹp nội - ngoại vi ở bệnh nhân ghép AV và AV rò rỉ - Chất liệu Nitinol, phủ ePTFE - Đường kính khoảng 6.0mm - 10mm, có tối thiểu các cỡ 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài ≥ 30mm - Chiều dài ống thông 80cm hoặc 120cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6
382	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, đường kính 6.0mm → 8.0mm, dài 20mm → 150mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung - Chất liệu hợp kim Nickel Titanium, phủ Carbon, không phủ Polymer - Đường kính khoảng 6.0mm - 8.0mm, có tối thiểu các cỡ 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 150mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 85cm, 135cm - Độ dày 190μm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	7
383	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung có màng bọc, đường kính 9.0mm → 12mm, dài 20mm → 100mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung có màng bọc dùng trong động mạch chậu - Chất liệu: Hợp kim Nickel Titanium, phủ Bio - Đường kính khoảng 9mm - 12mm - Chiều dài khoảng 20mm - 100mm - Chiều dài thân ống thông 85cm và 135cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	7
384	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel, đường kính 6.0mm → 7.0mm, dài 40mm → 150mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên tự bung, phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Nitinol - Đường kính khoảng 6.0mm - 7.0mm, có thiếu cỡ 6mm, 7mm - Chiều dài khoảng 40mm - 150mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 75cm; 130cm - Tương thích dụng cụ mở đường 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
385	Stent can thiệp mạch vành, có màng bọc, đường kính 2.5mm → 5.0mm, phủ Silicone	Stent can thiệp mạch vành, có màng bọc - Chất liệu Semi - Crystalline Co - Polymer, lớp phủ Silicone - Lớp màng bằng Electrospun Polyurethane - Đường kính khoảng 2.5mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 15mm - 26mm, có tối thiểu 3 cỡ - Áp lực vỡ bóng ≥ 14atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	6

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
386	Stent can thiệp mạch vành, có màng bọc, đường kính 2.5mm → 5.0mm, phủ ePTFE	Stent can thiệp mạch vành, có màng bọc - Stent bằng hợp kim CoCr, phủ một lớp màng bọc ePTFE - Đường kính khoảng 2.5mm - 5.0mm - Dày $89 \pm 25\mu\text{m}$ - Tương thích dụng cụ mở đường 5Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
387	Stent động mạch cảnh 2 lớp, đường kính 6.0mm → 10.0mm, dài 20mm → 60mm	Stent động mạch cảnh 2 lớp - Chất liệu: Nitinol, phủ lớp lưới PET - Đường kính khoảng 6.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm - Chiều dài khoảng 20mm - 60mm, có tối thiểu 4 cỡ - Tương thích sheath 6F và dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
388	Stent động mạch cảnh tự bung, bằng Nitinol, đường kính 6.0mm → 10.0mm, dài ≥ 20mm	Stent động mạch cảnh tự bung điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ - Chất liệu bằng hợp kim - Đường kính khoảng 6.0mm - 10.0mm, có tối thiểu các cỡ 6.0mm, 7.0mm, 9.0mm, 10.0mm - Chiều dài ≥ 20mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
389	Stent động mạch cảnh tự bung, đường kính 5mm → 10mm, dài 20mm → 40mm	Stent động mạch cảnh tự bung - Chất liệu Nitinol - Ống thông gắn stent tương thích với dây dẫn 0.014" - Đường kính khoảng 5mm - 10mm, có tối thiểu cỡ 5mm - Dài khoảng 20mm - 40mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
390	Stent động mạch cảnh tự bung, đường kính 6.0mm → 10.0mm, dài 20mm → 60mm	Stent động mạch cảnh tự bung, mắt lưới - Chất liệu Nitinol - Ống thông gắn stent tương thích với dây dẫn 0.014" - Khung giá đỡ gồm 02 loại: thẳng và hình nón (Tapering) phù hợp với động mạch cảnh - Khung thẳng: đường kính khoảng 6.0mm - 10.0mm, dài khoảng 20mm - 60mm - Khung hình nón có 2 loại: đường kính 2 đầu to nhỏ loại 8mm - 6mm và loại 10mm - 7mm ứng với chiều dài stent là 30mm và 40mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
391	Stent động mạch không có màng bọc, nong bằng bóng, dài 13mm → 57mm	Stent động mạch không có màng bọc, nong bằng bóng dùng cho động mạch chủ, động mạch phổi, mạch máu ngoại biên - Stent bằng hợp kim Cobalt Chrome - Đường kính nong tối đa lên đến 32mm - Chiều dài khoảng 13mm - 57mm, có tối thiểu các cỡ: 13mm, 17mm, 21mm, 26mm, 30mm, 35mm, 39mm, 43mm, 48mm, 57mm - Tương thích dụng cụ mở đường 7Fr, 8Fr, 10Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
392	Stent động mạch thận bung bằng bóng, đường kính 4.5mm → 7.0mm, dài 12mm → 19mm	Stent động mạch thận bung bằng bóng - Chất liệu Cobalt Chromium, phủ Silicone - Đường kính khoảng 4.5mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 4.5mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 12mm - 19mm, có tối thiểu các cỡ 15mm, 19mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 140cm - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
393	Stent động mạch thận bung bằng bóng, đường kính 4.0mm → 7.0mm, dài 14mm → 19mm	Stent động mạch thận bung bằng bóng - Đường kính khoảng 4.0mm - 7.0mm, có tối thiểu các cỡ 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm - Chiều dài khoảng 14mm - 19mm, có tối thiểu các cỡ 14mm, 15mm, 18mm, 19mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu cỡ 90cm, 150cm - Tương thích dụng cụ mở đường khoảng 5Fr - 6Fr - Tương thích dây dẫn 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12
394	Stent động mạch vành phủ thuốc Amphilimus, đường kính 2.5mm → 4.5mm, dài 13mm → 46mm	Stent động mạch vành phủ thuốc Amphilimus - Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium (CoCr), không phủ Polymer - Độ dày khung giá đỡ khoảng 70µm - 80µm - Đường kính khoảng 2.5mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ: 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 13mm - 46mm, có tối thiểu các cỡ: 13mm, 16mm, 20mm, 26mm, 33mm, 40mm, 46mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
395	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 9mm → 36mm, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr) - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 9mm - 36mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 19mm, 24mm, 29mm, 33mm, 36mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
396	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 9mm → 36mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Biolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 9mm - 36mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 19mm, 29mm, 33mm, 36mm - Độ dày khoảng 88 - 90µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
397	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0mm → 4.0mm, dài 8mm → 38mm, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr) - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 15mm, 23mm, 28mm, 38mm - Độ dày khoảng 81µm - 82µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
398	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0mm → 4.5mm, dài 8mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 3.0mm, 3.25mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm, 44mm, 48mm - Độ dày khoảng 60µm - 85µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	cái	60
399	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0mm → 5.0mm, dài 8mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 15mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm, 48mm - Độ dày khoảng 0.081µm - 0.082µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
400	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.25mm → 5.0mm, dài 8mm → 48mm, bằng Platinum Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Platinum Chromium (PtCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 20mm, 28mm, 38mm, 48mm - Độ dày khoảng 74µm - 81µm, có tối thiểu 3 cỡ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	600

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
401	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 3.5mm → 4.5mm, dài 8mm → 32mm, bằng Platinum Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus - Chất liệu Platinum Chromium (PtCr), phủ Polymer tự tiêu - Đường kính khoảng 3.5mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 3.5mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 8mm - 32mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 16mm, 24mm, 32mm - Khung stent có 12 đỉnh Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
402	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus, có khớp mở, đường kính 2.25mm → 3.5mm, dài ≥ 14mm, bằng Cobalt Chromium, phủ 2 lớp Polymer tự tiêu	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ 2 lớp Polymer tự tiêu - Đường kính khoảng 2.25mm - 3.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm - Chiều dài ≥ 14mm, có tối thiểu 6 cỡ - Thời gian khớp nối tự mở ≥ 6 tháng Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
403	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus, đường kính 2.25mm → 3.5mm, dài 14mm → 38mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Novolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 3.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm - Chiều dài khoảng 14mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 14mm, 28mm, 23mm, 32mm, 38mm - Độ dày khoảng 81µm - 82µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
404	Stent động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 8mm → 44mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Carbosil, PBMA - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 44mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 20mm, 24mm, 33mm, 38mm, 44mm - Độ dày khoảng 40µm - 90µm - Dạng chữ Z, chữ W Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
405	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0mm → 4.0mm, dài 8mm → 40mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer phân hủy sinh học Polyactide (PLA). - Với khoảng một triệu lỗ nhỏ li ti trên mỗi cm² diện tích - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 16mm, 18mm, 21mm, 24mm, 32mm, 40mm - Độ dày 68µm hoặc 79µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
406	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0mm → 4.0mm, dài 9mm → 38mm, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr) - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 9mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 16mm, 19mm, 24mm, 28mm, 32mm, 38mm - Độ dày có tối thiểu các cỡ 55µm, 65µm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
407	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0mm → 4.5mm, dài 8mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer 3 thành phần	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer 3 thành phần - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48 mm - Độ dày ≤ 60µm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
408	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0mm → 4.5mm, dài 9mm → 49mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 9mm - 49mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 14mm, 19mm, 24mm, 29mm, 34mm, 39mm, 49mm - Độ dày khoảng 75µm - 85µm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
409	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 13mm → 58mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 13mm - 58mm, có tối thiểu các cỡ 13mm, 16mm, 19mm, 23mm, 29mm, 33mm, 38mm, 48mm, 58mm - Độ dày khoảng 75µm - 80µm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
410	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 8mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm, 48mm - Độ dày khoảng 65µm - 107µm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
411	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 9mm → 38mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 9mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 15mm, 18mm, 21mm, 24mm, 28mm, 33mm, 38mm - Độ dày có tối thiểu 80µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
412	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.0mm → 4.5mm, dài 9mm → 50mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 9mm - 50mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 24mm, 28mm, 33mm, 38mm, 44mm, 50mm - Stent đường kính khoảng 3.5mm - 4.5mm với thiết kế 2 link liên kết 10 đỉnh, nở vượt định mức lên đến 6.25mm - Độ dày khoảng 80µm - 85µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
413	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 4.0mm, dài 9mm → 40mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Silicone và Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt chromium, phủ lớp Silicone và Polymer tự tiêu khoảng 1 - 2 năm - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 9mm - 40mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm, 35mm, 40mm - Độ dày 60µm, 80µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	900
414	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 4.5mm, dài 9mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr) - Đường kính khoảng 2.25mm - 4.5mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm - Chiều dài khoảng 9mm - 48mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm, 48mm - Áp suất ≥ 6atm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
415	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 5.0mm, dài 8mm → 52mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Abluminal	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus kết hợp bóng phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu khung Cobalt Chromium L605, phủ Abluminal - Đường kính khoảng 2.25mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm, 4.50mm, 5.00mm - Chiều dài khoảng 8mm - 52mm, có tối thiểu các cỡ: 8mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm, 48mm, 52mm - Độ dày khoảng 71µm - 75µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
416	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, tự tiêu, đường kính 2.5mm → 4.0mm, dài 13mm → 30mm, bằng hợp kim Magnesium, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, tự tiêu - Chất liệu hợp kim Magnesium, phủ Polymer tự tiêu - Đường kính khoảng 2.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 13mm - 30mm, có tối thiểu 5 cỡ - Độ dày khoảng 99µm - 147µm, có tối thiểu 3 cỡ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	180
417	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus, đường kính 2.0mm → 5.0mm, dài 8mm → 38mm, bằng hợp kim Cobalt	Stent động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus - Chất liệu hợp kim Cobalt - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 5.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm, 34mm, 38mm - Độ dày khoảng 80µm - 91µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	550
418	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus tự tiêu, đường kính 2.5mm → 4.0mm, dài 9mm → 38mm, bằng thép không gỉ, phủ Polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc điều trị kép Sirolimus & Anti CD34 - Chất liệu thép không gỉ, phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.5mm - 4.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm - Chiều dài khoảng 9mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 18mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm - Độ dày khoảng 90µm - 100µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
419	Stent động mạch vành phủ thuốc Everolimus, đường kính 2.0mm → 4.5mm, dài 8mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính khoảng 2.0mm - 4.5mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48mm, có tối thiểu 8mm, 13mm, 16mm, 19mm, 24mm, 29mm, 32mm, 37mm, 40mm, 44mm, 48mm - Độ dày ≤ 50µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
420	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 3.5mm, dài 30mm → 60mm, bằng Cobalt Chromium	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính khoảng 2.25mm - 3.5mm - Chiều dài khoảng 30mm - 60mm, có tối thiểu 30mm, 40mm, 50mm, 60mm - Độ dày khoảng 64µm - 66µm - Dạng thuôn, đầu lớn - đầu nhỏ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
421	Stent nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, đường kính 2.25mm → 5.0mm, dài 8mm → 48mm, bằng Cobalt Chromium, phủ Polymer	Stent nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Chất liệu Cobalt Chromium (CoCr), phủ Polymer - Đường kính khoảng 2.25mm - 5.0mm - Chiều dài khoảng 8mm - 48mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 13mm, 18mm, 23mm, 28mm, 33mm, 38mm, 43mm, 48mm - Độ dày khoảng 79µm - 82µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
422	Stent động mạch vành sinh học, phủ Titanox, đường kính 2.0mm → 5.0mm, dài 7mm → 38mm	Stent động mạch vành sinh học, có hình xoắn ốc (Helicoidal), mắt cáo mở, bề mặt trơn - Chất liệu Cobalt-Chromium, phủ lớp Titanox - Đường kính khoảng 2.0mm - 5.0mm - Chiều dài khoảng 7mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 7mm, 10mm, 13mm, 16mm, 19mm, 22mm, 25mm, 28mm, 32mm, 38mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
423	Stent graft động mạch chủ ngực - bụng, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách bóp - thả	Stent graft động mạch chủ ngực - bụng, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách bóp - thả - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 33mm, 38mm - Chiều dài khoảng 200mm - 230mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	13
424	Stent graft động mạch chủ bụng, kèm theo miếng ghép phụ 3 dạng	Stent graft động mạch chủ bụng 1. Stent graft chính: - Đường kính đầu gần khoảng 20mm - 36mm - Đường kính đầu xa có tối thiểu các cỡ 12mm, 14mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 110mm - Tương thích dụng cụ mở đường: 16Fr, 18Fr, 20Fr 2. Miếng phụ có 3 dạng: dạng không graft loại thuận dài, dạng có graft loại đầu to - đầu nhỏ, và dạng có graft loại hai đầu bằng nhau - Đường kính đầu gần khoảng 16mm - 36mm - Đường kính đầu xa khoảng 10mm - 36mm - Chiều dài khoảng 45mm - 155mm Hệ thống bung stent: "Xoay Tròn" hoặc "Xoay tròn - Kéo - Xoay tròn" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
425	Stent graft động mạch chủ - chậu	Stent graft động mạch chủ - chậu - Đường kính đầu gần khoảng 10mm - 24mm - Đường kính đầu xa có tối thiểu các cỡ 10mm, 13mm, 20mm, 24mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 80mm - Tương thích dụng cụ mở đường: 14Fr, 16Fr, 18Fr Hệ thống bung stent: "Xoay Tròn" hoặc "Xoay tròn - Kéo - Xoay tròn" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
426	Stent graft động mạch chủ - chậu, có nhánh bảo tồn động mạch chậu trong	Stent graft động mạch chủ - chậu chung có nhánh bảo tồn động mạch chậu trong - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính đầu gần $\geq 14\text{mm}$, dài khoảng 50mm - 65mm - Đường kính đầu xa có tối thiểu các cỡ 10mm, 12mm, 14mm, dài khoảng 40mm - 60mm - Tương thích dụng cụ mở đường 18Fr - Tương thích dây dẫn 0.035" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
427	Stent graft động mạch chủ bụng	Stent graft động mạch chủ bụng - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng Polyester - Stent graft chính: đường kính có tối thiểu các cỡ 23mm, 26mm, 29mm, 32mm, 36mm - Stent graft nhánh: đường kính có tối thiểu các cỡ 13mm, 16mm, 19mm - Chiều dài stent graft có tối thiểu các cỡ 100mm, 135mm, 155mm, 160mm - Đường kính dụng cụ khoảng 18Fr - 20Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	32
428	Stent graft động mạch chủ bụng và 1 bên động mạch chậu, bằng hợp kim Nitinol, đường kính 23mm $\rightarrow$ 36mm, dài $\geq 100\text{mm}$	Stent graft động mạch chủ bụng và 1 bên động mạch chậu - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính khoảng 23mm - 36mm, có tối thiểu các cỡ 23mm, 28mm, 32mm, 36mm. Chiều dài $\geq 100\text{mm}$ - Stent graft nhánh: Đường kính khoảng 10mm - 36mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm. Chiều dài $\geq 45\text{mm}$ - Đường kính dụng cụ $\leq 20\text{Fr}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	14
429	Stent graft động mạch chủ bụng, bằng hợp kim Nitinol, phủ Polyester, đường kính 23mm $\rightarrow$ 36mm, dài $\geq 100\text{mm}$	Stent graft động mạch chủ bụng dạng chữ Y - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Stent graft chính: Đường kính khoảng 23mm - 36mm, có tối thiểu các cỡ 23mm, 25mm, 28mm, 32mm, 36mm, chiều dài $\geq 100\text{mm}$ - Stent graft nhánh: Đường kính khoảng 10mm - 28mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm. Chiều dài $\geq 80\text{mm}$ - Đường kính dụng cụ $\leq 20\text{Fr}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	36
430	Stent graft động mạch chủ bụng, kèm theo tối đa 2 miếng ghép phụ	Stent graft động mạch chủ bụng - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Stent graft chính: Đường kính có tối thiểu các cỡ 20mm, 26mm, 28mm, 30mm, 33mm, 36mm, chiều dài có tối thiểu các cỡ 80mm, 100mm, 120mm - Stent graft nhánh: Đường kính có tối thiểu các cỡ 9mm, 15mm, 17mm, 20mm, 24mm, chiều dài có tối thiểu các cỡ 80mm, 100mm, 120mm, 140mm, 160mm - Đường kính dụng cụ $\leq 19\text{Fr}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
431	Stent graft động mạch chủ bụng, loại bỏ sung, đường kính 10mm → 28mm	Stent graft động mạch chủ bụng loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính khoảng 10mm - 28mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm - Chiều dài > 80mm - Đường kính dụng cụ ≤ 20Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	18
432	Stent graft động mạch chủ bụng, loại bỏ sung, đường kính 10mm → 38mm	Stent graft động mạch chủ bụng loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính đầu gần 13mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 13mm, 19mm, 22mm, 27mm, đầu xa 10mm - 38mm, có tối thiểu các cỡ 10mm, 13mm, 19mm, 22mm - Hệ thống đưa stent: kích thước ≥ 16F Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	16
433	Stent graft động mạch chủ bụng, loại bỏ sung, đường kính 9mm → 24mm	Stent graft động mạch chủ bụng loại bỏ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Stent graft nhánh: Đường kính khoảng 9mm - 24mm, có tối thiểu các cỡ 9mm, 15mm, 17mm, 20mm, 24mm, chiều dài có tối thiểu các cỡ 80mm, 100mm, 120mm, 140mm, 160mm - Stent graft nối dài dự phòng endoleak type I: Đường kính có tối thiểu các cỡ 20mm, 26mm, 28mm, 30mm, 33mm, 36mm, chiều dài có tối thiểu các cỡ 40mm, 55mm, 70mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8
434	Stent graft động mạch chủ ngực bằng hợp kim Nitinol	Stent graft động mạch chủ ngực - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 24.0mm, 26.0mm, 28.0mm, 30.0mm, 36.0mm, 40.0mm, 44.0mm, 46.0mm - Chiều dài khoảng 100mm - 250mm - Tương thích dụng cụ mở đường 19Fr - 22Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
435	Stent graft động mạch chủ ngực, bằng hợp kim nitinol, đường kính 22.0mm → 46.0mm, dài 105mm → 210mm	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng Mono-filament Polyester - Đường kính khoảng 22.0mm - 46.0mm, có tối thiểu các cỡ 26.0mm, 28.0mm, 30.0mm, 32.0mm, 34.0mm, 36.0mm, 40.0mm, 44.0mm, 46.0mm - Chiều dài khoảng 105mm - 210mm - Đường kính dụng cụ khoảng: 20Fr - 25Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
436	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế Bóp- rời- Thả	Stent graft động mạch chủ ngực, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách Bóp-rời-Thả - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 26.0mm, 28.0mm, 30.0mm, 33.0mm, 36.0mm, 40.0mm, 44.0mm - Chiều dài khoảng 80mm - 230mm - Đường kính dụng cụ khoảng 20Fr - 24Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45
437	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung, bằng hợp kim Nitinol	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 36mm, 40mm, 44mm, 46mm - Chiều dài khoảng: 100mm - 250mm - Tương thích dụng cụ mở đường 22Fr - 26Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	19
438	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung, bung stent xoay tròn, bằng hợp kim Nitinol, đường kính 26mm → 46mm, dài 150mm → 200mm	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol. - Màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm, 40mm, 44mm, 46mm - Chiều dài khoảng 150mm - 200mm - Đường kính dụng cụ khoảng 20Fr - 25Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	42
439	Stent graft động mạch chủ ngực, loại bổ sung, cơ chế Bóp- rời- Thả	Stent graft cho động mạch chủ ngực, loại bổ sung, cơ chế bung stent điều khiển bằng cách Bóp-rời-Thả - Khung (stent) bằng hợp kim Nitinol - Màng (graft) bằng polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 33mm, 36mm, 40mm, 44mm - Chiều dài khoảng 80mm - 230mm - Đường kính dụng cụ khoảng 20Fr - 24Fr Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
440	Stent lấy huyết khối mạch máu não có cấu trúc Hybrid Cell xoắn ốc	Stent lấy huyết khối mạch máu não có cấu trúc Hybrid cCell xoắn ốc - Chất liệu Nitinol - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.0mm và 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 25mm, 30mm - Tương thích ống thông lòng 0.021" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
441	Stent lấy huyết khối mạch máu não, đường kính 3.0mm → 6.0mm, dài 20mm → 40mm	Stent lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Nitinol - Đường kính stent có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 6.0mm, chiều dài tối thiểu có các cỡ 20mm, 40mm - Tương thích vi ống thông lòng 0.021" - 0.027" - Kết cấu dạng tấm lưới cuộn tròn có hờ đầu, có marker cân quang trên thành stent nhìn rõ các đoạn stent Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
442	Stent lấy huyết khối mạch máu não có thể điều chỉnh độ bung bằng tay cầm bên ngoài	Stent lấy huyết khối mạch máu não có thể điều chỉnh độ bung bằng tay cầm bên ngoài - Chất liệu Nitinol và Tantalum - Đường kính có tối thiểu các cỡ 1.5mm, 3.0mm, 4.0mm, 6.0mm - Chiều dài ≥ 32mm - Tương thích catheter: 0.021" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
443	Stent lấy huyết khối mạch máu não dạng chuỗi lồng, đường kính 3mm → 6mm, dài 15mm → 44mm	Stent lấy huyết khối mạch máu não dạng chuỗi khung lồng - Chất liệu: Nitinol - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 15mm, 44mm - Tương thích với vi ống thông lòng 0.017" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
444	Stent lấy huyết khối mạch máu não, đường kính 3.0mm → 6.0mm, dài 30mm → 64mm	Stent lấy huyết khối mạch máu não - Chất liệu Nitinol và Platinum - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 30mm, 48mm, 64mm - Tương thích ống thông 0.021", 0.0165" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
445	Stent lấy huyết khối mạch máu não, tự bung	Stent lấy huyết khối mạch máu não tự bung, có đánh dấu ở đoạn đầu - Chất liệu Nitinol - Đường kính có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.5mm, 4.5mm, 6.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 16mm, 28mm, 50mm - Tương thích ống thông 0.0165"; 0.021" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
446	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy cho túi phình mạch máu não có phủ lớp mô phỏng Glycocalix	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy điều trị phình động mạch não - Chất liệu Nitinol và Platinum (Platinum bọc Nitinol), phủ lớp HPC mô phỏng Glycocalix của tế bào nội mô. - Đường kính có tối thiểu 4 cỡ, trong đó có cỡ 2.0mm, 5.0mm - Chiều dài có tối thiểu 4 cỡ, trong đó có cỡ 9mm, 30mm - Tương thích vi ống thông 0.021" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
447	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy, đường kính 2.5mm → 6.0mm, dài 10mm → 50mm	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy điều trị túi phình động mạch não - Chất liệu: Cobalt - Chromium, Platinum - Đường kính khoảng 2.5mm - 6.0mm, có tối thiểu 4 cỡ, trong đó có cỡ 2.5mm, 6.0mm - Chiều dài khoảng 10mm - 50mm, có tối thiểu 4 cỡ, trong đó có cỡ 10mm, 50mm - Cấu tạo: đan 48 - 64 sợi Cobalt-Chromium và Platinum, 1 lớp, có phủ lớp chống huyết khối Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
448	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy, đường kính 2.5mm → 5.5mm, dài 13mm → 62mm	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy điều trị túi phình động mạch não 2 lớp - Chất liệu các sợi Nitinol, gồm 16 dây đan ngoài, 48 dây đan trong. Có phủ bề mặt poly (2-methoxyethylacrylate) (PMEA) - Đường kính khoảng 2.5mm - 5.5mm, có tối thiểu cỡ 2.5mm, 5.5mm - Chiều dài khoảng 13mm - 62mm, có tối thiểu cỡ 13mm, 62mm - Tương thích vi ống thông 0.021" và 0.027" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
449	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy có phủ lớp Fibrin-Heparin, đường kính 2.5mm → 8.0mm	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy điều trị phình động mạch não có phủ lớp Fibrin-heparin - Chất liệu tổng hợp Nitinol với lõi Platinum - Đường kính khoảng 2.5mm - 8.0mm, có tối thiểu các cỡ 2.5mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 6.0mm, 8.0mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 25mm, 30mm, 40mm, 50mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
450	Thanh trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch	Thanh trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch - Chất liệu nhựa Plastic - Chiều dài ≥ 100mm - Tương thích với đầu dò siêu âm mạch vành 5Fr, 6Fr có tần số 40MHz/ 60MHz Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	30
451	Túi bọc kháng khuẩn cho dụng cụ kéo đầu dò dùng cho máy siêu âm lòng mạch	Túi bọc kháng khuẩn cho dụng cụ kéo đầu dò dùng cho máy siêu âm lòng mạch Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
452	Túi bọc kháng khuẩn dùng cho các thiết bị điện tử cấy ghép tim mạch	Túi bọc kháng khuẩn dùng cho các thiết bị điện tử cấy ghép tim mạch - Làm từ lưới dệt kim đa sợi bao gồm Glycolide, Caprolactone và Triethylene Cacbonat. - Chứa các kháng sinh Rifampicin và Minocycline Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
453	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bằng màng tim heo	Bộ van tim động mạch chủ thay qua da, khung van loại tự bung - Chất liệu khung van bằng Nitinol, lá van làm bằng màng tim heo - Kích cỡ van có tối thiểu các cỡ 23mm, 26mm, 29mm, 34mm - Chiều cao van từ 45mm đến 55mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ nạp van - Catheter chuyển van khoảng 14Fr - 18Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	35
454	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, lá van làm bằng màng tim heo, khung van Nitinol, chiều cao 45mm → 50mm	Bộ van tim động mạch chủ thay qua da, khung van loại tự bung - Chất liệu khung van bằng Nitinol, lá van làm bằng màng tim heo - Kích cỡ van có tối thiểu các cỡ 23mm, 26mm, 29mm, 32mm - Chiều cao van từ 45mm đến 50mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ nạp van - Catheter chuyển van khoảng 18Fr - 20Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	6
455	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò, khung van Cobalt Chromium, chiều cao 15.5mm → 22.5mm	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: Cobalt-Chromium, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò và lớp áo bên ngoài chất liệu Polyethylene Terephthalate (PET) - Đường kính có tối thiểu các cỡ 20mm, 23mm, 26mm, 29mm - Chiều cao van có tối thiểu các cỡ 15.5mm, 18mm, 20mm, 22.5mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ chuyển van - Dụng cụ nạp van - Dụng cụ mở đường vào động mạch - Bóng nong: Thể tích có tối thiểu cỡ 11ml, 17ml, 23ml, 33ml - Dụng cụ bơm bóng Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	40
456	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, lá van làm bằng màng ngoài tim bò, khung van Nitinol, chiều cao 45mm → 50mm	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: Nitinol, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 23mm, 25mm, 27mm, 29mm - Chiều cao khung khoảng 45mm - 50mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ chuyển van - Dụng cụ nạp van Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	11
457	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò, khung van: Nitinol, chiều cao 35mm → 45mm	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: Nitinol, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò - Đường kính có tối thiểu các cỡ 23mm, 27mm, 31mm - Chiều cao khung khoảng 35mm - 45mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ chuyển van - Dụng cụ nạp van Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	11

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
458	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, lá van làm bằng mô của màng ngoài tim bò, khung van: Nitinol, chiều cao 50mm → 55 mm	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da - Khung van: Nitinol, lá van làm bằng màng ngoài tim bò. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 22mm, 26mm, 30mm - Chiều cao khung khoảng 50mm - 55mm Dụng cụ đi kèm gồm: - Dụng cụ chuyển van - Dụng cụ nạp van Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	11
459	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học thay qua da bằng màng tim bò	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học thay qua da - Chất liệu khung van bằng hợp kim Cobalt, lá van làm bằng màng tim bò. lớp áo bên ngoài chất liệu Polyethylene terephthalate (PET) - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 20mm, 23mm, 26mm, 29mm, 32mm - Thể tích bóng nong từ 12ml đến 40ml, tương ứng với kích cỡ van - Chiều cao khung van khoảng 15mm - 25mm - Đường kính dụng cụ 14Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
460	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, có khả năng tải các loại thuốc điều trị ung thư, 70µm → 1000µm, 3ml	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, có khả năng tải các loại thuốc điều trị ung thư - Chất liệu Hydrogel được tạo từ Vinyl Alcohol và Polymer Sodium Acrylate - Khả năng tải thuốc điều trị ung thư: Doxorubicin, Irinotecan, Epirubicin, Pirarubicin, Daunorubicin; Cisplatin,... - Kích cỡ khoảng 70µm - 1000µm, có tối thiểu các cỡ: 70-100µm, 75-125µm, 200-300µm, 350-450µm, 480-580µm, 650-750µm và 800-1000µm - Thời gian tải thuốc nhanh khoảng 5 - 15 phút - Đóng gói 3ml hạt bảo quản trong 6ml nước muối sinh lý Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	10
461	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, có khả năng tải các loại thuốc điều trị ung thư, 70µm → 1200µm, 3ml	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, có khả năng tải các loại thuốc điều trị ung thư - Chất liệu Polyvinyl Alcohol - Khả năng tải thuốc điều trị ung thư : Doxorubicin, Irinotecan - Kích cỡ khoảng 70µm - 1200µm, có tối thiểu các cỡ: 70 - 150µm, 100 - 300µm, 300 - 500µm, 500 - 700µm, 700 - 900µm, 900 - 1.200µm - Đóng gói 3ml hạt bảo quản trong 6ml nước muối sinh lý Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	10
462	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, có khả năng tải các loại thuốc điều trị ung thư, kích cỡ 70µm → 1200µm, 2ml	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, có khả năng tải các loại thuốc điều trị ung thư - Chất liệu Polyvinyl Alcohol - Khả năng tải thuốc điều trị ung thư : Doxorubicin, Irinotecan - Kích cỡ khoảng 70µm - 1200µm, có tối thiểu các cỡ: 70 - 150µm, 100 - 300µm, 300 - 500µm, 500 - 700µm, 700 - 900µm, 900 - 1200µm - Đóng gói 2ml hạt bảo quản trong 7ml nước muối sinh lý Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
463	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc, kích cỡ 20µm → 200µm	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc - Chất liệu Polymer - Kích cỡ khoảng 20µm - 200µm - Thời gian hấp thụ thuốc Doxorubicin và Irinotecan nhanh, gia tăng kích thước gấp 4 lần ban đầu sau khi ngâm thuốc Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	250
464	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc, kích cỡ 30µm → 125µm	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc - Chất liệu Hydrogel, phủ polymer Polyzene-F - Kích cỡ khoảng 30µm - 125µm - Khả năng ngâm thuốc Doxorubicin-HCl và Irinotecan-HCl lên đến 50mg/ml hạt - Thời gian hấp thụ: thuốc Doxorubicin khoảng 55 - 60phút; thuốc Irinotecan khoảng 25 - 30phút - Đóng gói: dạng lỏng Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	330
465	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc, kích cỡ 70µm → 500µm	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc - Chất liệu Hydrogel - Kích cỡ khoảng 70µm - 500µm, có tối thiểu các cỡ: 70 - 150µm, 100 - 300µm, 300 - 500µm - Khả năng ngâm thuốc doxorubicin lên đến 37.5mg/ml hạt Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	750
466	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc, kích thước hạt 75µm → 450µm, 2ml	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan loại tái thuốc - Chất liệu Polyethylene Glycol, ái nước, độ nén và đàn hồi cao - Kích cỡ khoảng 75µm - 450µm, có tối thiểu các cỡ: 100 ± 25µm, 200 ± 50µm, 400 ± 50µm - Khả năng tải các loại thuốc: Doxorubicin, Idarubicin, Epirubicin, Irinotecan - Đóng gói 2ml hạt bảo quản trong 4ml nước muối sinh lý - Mỗi 1ml hạt có thể ngâm 37.5mg Doxorubicin - Tương thích ống thông đường kính 0.019" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	400
467	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan, u xơ cổ tử cung, phì đại tuyến tiền liệt và vỡ động mạch, kích cỡ 100µm → 900µm	Vật liệu nút mạch dùng trong điều trị ung thư gan, u xơ cổ tử cung, phì đại tuyến tiền liệt và vỡ động mạch - Chất liệu Gelatin - Kích thước hạt vi cầu khoảng 100µm - 900µm - Đóng gói chứa khoảng 250mg - 300mg hạt vi cầu dạng nén Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	200
468	Vật liệu nút mạch dùng trong nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu, 150µm → 3500µm	Vật liệu nút mạch dùng trong nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu - Chất liệu Gelatin - Kích cỡ khoảng 150µm - 3500µm - Đóng gói: 150mg Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
469	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, dạng không tải thuốc, 70µm → 1000µm	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, dạng không tải thuốc - Chất liệu các hạt vi cầu Hydrogel không màu được tạo từ Vinyl Alcohol và Polymer Sodium Acrylate - Kích cỡ khoảng 70µm - 1000µm, có tối thiểu các cỡ: 70-100µm, 75-125µm, 200-300µm, 350-450µm, 480-580µm, 650-750µm và 800-1000µm - Thể tích 1ml, 2ml, đóng gói khoảng 6ml - 7ml dung dịch đệm nước muối sinh lý đựng trong lọ 10ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	10
470	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, bằng Gelatin cá, 50µm → 2000µm	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch - Chất liệu Gelatin cá - Kích cỡ từ 50µm - 2000µm - Thể tích: 100mg Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	10
471	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch, dạng hạt khô, 45µm → 1200µm	Vật liệu nút mạch dùng trong thuyên tắc mạch - Chất liệu Polyvinyl Alcohol - Kích cỡ khoảng 45µm - 1200µm, có tối thiểu cỡ 300µm - 500µm - Dạng hạt khô không chứa trong dịch hoặc nước Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	70
472	Vật liệu nút mạch hình cầu, 40µm → 1200µm	Vật liệu nút mạch hình cầu sử dụng tắc dị dạng động tĩnh mạch, mạch khối u, và triệu chứng u xơ tử cung - Chất liệu Acrylic kết hợp với Gelatin - Kích cỡ khoảng 40µm - 1200µm - Thể tích ≥ 2ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	55
473	Vật liệu nút mạch hình cầu, không tải thuốc, 40µm → 1300µm	Vật liệu nút mạch hình cầu không tải thuốc dùng trong tắc dị dạng động mạch - Chất liệu Hydrogel, phủ Polymer - Kích cỡ khoảng 40µm - 1300µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	60
474	Vật liệu nút mạch tạm thời, bằng Gelatin, kích cỡ 50µm → 4000µm	Vật liệu nút mạch tạm thời - Chất liệu Gelatin - Kích cỡ khoảng 50µm - 4000µm - Thể tích ≥ 20ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	2065

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
475	Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não	Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não - Chất liệu bên bằng các sợi Nitinol - Đường kính từ 3mm đến 11mm - Chiều dài từ 2mm đến 9.6mm - Tương thích với "Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại điện dùng cho dụng cụ chuyển dòng túi phình mạch máu não dạng cầu", "Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong 0.021" - 0.033", dài 133cm - 154cm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
476	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại điện dùng cho dụng cụ chuyển dòng túi phình mạch máu não dạng cầu	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại dùng cho dụng cụ chuyển dòng túi phình mạch máu não dạng cầu - Chất liệu nhựa - Dạng tay cầm được tích hợp điện sẵn - Tương thích với "Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não", Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong 0.021" - 0.033", dài 133cm - 154cm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
477	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não, đường kính trong 0.021" - 0.033", dài 133cm → 154cm	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu PTFE - Đường kính trong: khoảng 0.021" - 0.033", có tối thiểu các cỡ 0.021", 0.027", 0.033" - Chiều dài trong khoảng 133cm - 154cm - Tương thích với "Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não", "Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại điện dùng cho dụng cụ chuyển dòng túi phình mạch máu não dạng cầu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
478	Vật liệu nút mạch tạm thời, bằng Gelatin, kích cỡ 100µm → 4000µm	Vật liệu nút mạch tạm thời - Chất liệu Gelatin - Kích cỡ khoảng 100µm - 4000µm, có tối thiểu các cỡ 100µm - 300µm, 300µm - 500µm, 2000µm - 4000µm - Thể tích ≥ 20ml - Có khả năng hấp thu nhanh với tỉ lệ 98% sau 2 giờ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Lọ	30
479	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu não, đường kính đầu tip thuôn lại ≤ 0.008"	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Đường kính trục dây ≤ 0.010" - Đường kính đầu tip thuôn lại ≤ 0.008" - Chiều dài ≥ 200cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Cái	300

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
480	Dây dẫn can thiệp mạch máu não, đường kính 0.012" - 0.014"	Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu: phối hợp thép không gỉ và Nitinol, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.012" - 0.014" - Dài ≥ 200cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp và ISO 13485:2016	Cái	100
481	Dây dẫn can thiệp mạch máu não, đường kính tối thiểu 0.014", dài ≥ 205 cm	Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu thép không gỉ phủ lớp ái nước, Platinum đầu xa - Đường kính tối thiểu 0.014" - Dài khoảng 205cm - 300cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	50
482	Dây dẫn hoặc vi dây dẫn can thiệp mạch máu não, đường kính 0.010", 0.014", 0.018"	Dây dẫn hoặc vi dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp ái nước ở đầu - Đường kính có tối thiểu các cỡ 0.010", 0.014", 0.018" - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 200cm, 300cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
483	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014" $\rightarrow$ 0.018", dài ≥ 180 cm, phủ Hydrophilic	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trục: Scitanium, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.014" - 0.018", có tối thiểu cỡ 0.014", 0.018" - Chiều dài ≥ 180cm - Dạng đầu: đầu thẳng hoặc đầu cong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	55
484	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014" $\rightarrow$ 0.018", dài 180cm $\rightarrow$ 300cm, phủ Hydrophilic	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu thép không gỉ, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.014" - 0.018", có tối thiểu cỡ 0.014", 0.018" - Chiều dài khoảng 180cm - 300cm, có tối thiểu các cỡ 180cm, 190cm, 200cm, 235cm, 300cm - Đầu tip có các cỡ nặng khoảng 1.0gf - 40gf - Dạng đầu: nhọn hoặc tù Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	400
485	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng, đường kính 0.012" $\rightarrow$ 0.016", dài 180cm $\rightarrow$ 200cm, phủ Hydrophilic	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng - Chất liệu lõi Nitinol, lớp ngoài Polyurethane, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.012" - 0.016", có tối thiểu các cỡ 0.012"; 0.014"; 0.016" - Chiều dài khoảng 180cm - 200cm, có tối thiểu các cỡ 180cm; 200cm - Dạng đầu: đầu cong (45°, 90°), đầu Double Angled (90°+150°) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
486	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng, đường kính 0.014" → 0.016", dài ≥ 135cm, phủ Hydrophilic	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng - Chất liệu thép không gỉ, phủ Hydrophilic - Đường kính khoảng 0.014" - 0.016", có tối thiểu các cỡ 0.014", 0.016" - Chiều dài ≥ 135cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	500
487	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng, đường kính 0.016", dài 165cm → 180cm, phủ Hydrophilic	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng - Lõi bằng chất liệu Platinum, lớp phủ PU và lớp phủ Hydrophilic - Đường kính 0.016" - Chiều dài khoảng 165cm - 180cm, có tối thiểu các cỡ 165cm, 180cm - Đi kèm bộ dụng cụ: Torque, dụng cụ chèn, que định hình Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
488	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng, đường kính 0.014" → 0.035", dài 180cm → 300cm, phủ PTFE	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - tạng - Chất liệu + Đoạn gần: lõi Nitinol, lớp phủ PTFE + Đoạn giữa: kết hợp Platinum + Đoạn xa: lõi Nitinol, vỏ ngoài Polyurethane, phủ ái nước - Đường kính khoảng 0.014" - 0.035", có tối thiểu các cỡ 0.014"; 0.018"; 0.035" - Chiều dài khoảng 180cm - 300cm, có tối thiểu các cỡ 180cm, 260cm, 300cm - Dạng đầu: đầu thẳng hoặc đầu cong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
489	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành, đường kính 0.014", dài ≥ 190cm	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành - Chất liệu lõi đầu xa bằng Nitinol, lõi đầu gần bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước - Đường kính 0.014" - Chiều dài ≥ 190cm, có tối thiểu các cỡ 190cm, 300cm - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (J) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
490	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành, đường kính 0.014", dài ≥ 180cm	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành - Chất liệu phần lõi đầu xa làm bằng hợp kim Titanium, phủ lớp ái nước Hydrophylic, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, thép không gỉ ở đoạn gần - Đường kính 0.014" - Chiều dài ≥ 180cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2000
491	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành, đường kính 0.014", dài ≥ 150cm	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành mềm - Chất liệu lõi Platinum và thép không gỉ, phủ lớp Silicone hoặc hydrophilic - Đường kính 0.014" - Chiều dài ≥ 150cm, có tối thiểu các cỡ 150cm, 190cm, 300cm - Đầu tip có các cỡ nặng ≤ 0.7 gf - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (J) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
492	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành CTO, đường kính 0.014", dài ≥ 180cm	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành CTO - Chất liệu lõi Platinum và thép không gỉ, phủ lớp silicon, phủ áo nước - Đường kính 0.014" - Đầu tip có tối thiểu các cỡ nặng: 1.0 gf, 2.0 gf, 4.0 gf, 6.0 gf, 12 gf - Chiều dài ≥ 180cm, có tối thiểu các cỡ 180cm, 235cm, 300cm, 330cm - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (J) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	400
493	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành, dạng hỗ trợ bằng thép không gỉ, đường kính ≥ 0.014", dài ≥ 190cm	Vi dây dẫn hoặc dây dẫn can thiệp mạch vành, dạng hỗ trợ - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp Hydrophilic Polymer - Đường kính ≥ 0.014" - Chiều dài ≥ 190cm, có tối thiểu các cỡ 190cm, 300cm - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (J) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
494	Vi ống thông can thiệp mạch máu có gắn bóng	Vi ống thông can thiệp mạch máu có gắn bóng - Chất liệu bóng Silicone - Chất liệu ống thông phủ Hydrophilic - Chiều dài bóng từ 7mm - 15mm - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 110cm; 130cm; 150cm - Tương thích dây dẫn 0.014"; 0.016"; 0.018", ống thông chẩn đoán 5Fr và tất cả các kích cỡ hạt vi cầu ≤ 700µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
495	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 3 lớp, bọc tungsten, phủ lớp hydrophilic, dài 110cm → 130cm, cỡ 2.4Fr → 2.7Fr	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu bằng 3 lớp, bọc tungsten, phủ lớp hydrophilic - Đường kính ngoài khoảng 2.4Fr - 2.7Fr - Đường kính trong có tối thiểu cỡ 0.025" - Chiều dài khoảng 110cm - 130cm - Kèm theo 1 dây dẫn nhỏ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	350
496	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 3 lớp, phủ PTFE, Tungsten, phủ lớp hydrophilic, dài 110cm → 130cm, cỡ 2.0Fr → 2.4Fr	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 3 lớp - Chất liệu lớp trong phủ PTFE, lớp giữa Tungsten, lớp ngoài phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài khoảng 2.0Fr - 2.4Fr - Đường kính trong có tối thiểu cỡ 0.022" - Chiều dài khoảng 110cm - 130cm - Kèm theo 1 dây dẫn nhỏ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	270

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
497	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, đầu tip cong cổ thiên nga, các cỡ	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu đan từ sợi Nylon phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần khoảng 2.8Fr - 2.9Fr - Đường kính ngoài đầu xa khoảng 2.1Fr - 2.9Fr - Chiều dài khoảng 110cm - 150cm - Dạng đầu: đầu thẳng/ đầu cong (45°)/ đầu cong (cổ thiên nga) Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
498	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, phủ lớp Hydrophilic, kèm dây dẫn	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bền kim loại, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 3.0Fr - Đường kính ngoài đầu xa có tối thiểu cỡ 2.4Fr - Kèm dây dẫn Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	405
499	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bền Tungsten phủ Hydrophilic	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bền Tungsten, phủ Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 2.8Fr - Đường kính ngoài đầu xa có tối thiểu cỡ 2.6Fr - Đầu tip Angled hoặc Multi Curve Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	650
500	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, sợi bền Tungsten phủ Hydrophilic, đầu tip ≥ 1.9Fr	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu sợi bền Tungsten, phủ Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần tối thiểu có cỡ 2.8Fr - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu có cỡ 1.98Fr, 2.6Fr - Chiều dài khoảng 105cm - 150cm - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong khoảng 45° - 80° Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	600
501	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên và tạng, dài 70cm → 150cm, kèm vi dây dẫn	Vi ống thông dùng cho mạch máu siêu chọn lọc - Chất liệu PTFE, đầu tip Platinum, phủ Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần khoảng 2.7Fr - 2.9Fr - Đường kính ngoài đầu xa khoảng 1.7Fr - 2.7Fr - Chiều dài khoảng 70cm - 150cm - Chịu được áp lực lên đến 1.000psi - Kèm vi dây dẫn 0.016" - Dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong (45°), đầu Cobra, đầu cong (W) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
502	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, phủ lớp ái nước	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu lớp trong PTFE, phủ Hydrophilic, không phủ trên 60cm đoạn gần - Đường kính ngoài khoảng: 1.7Fr - 2.8Fr - Đường kính trong: khoảng 0.017" - 0.024" - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.016" - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 110cm, 130cm, 150cm, 165cm - Tương thích với coils 0.018" (1.9Fr) - Dạng đầu: Angle, Triple Angle, Straight Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
503	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên kèm bóng thuyền tắc nút mạch, dài ≥ 110cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên kèm bóng thuyền tắc nút mạch 1. Vi ống thông: - Chất liệu phủ ái nước - Đầu vào có tối thiểu 1.9Fr - Chiều dài ≥ 110cm, có tối thiểu các cỡ 110cm, 130cm, 150cm - Tương thích với dây dẫn 0.014" 2. Bóng thuyền tắc nút mạch - Chất liệu bóng Polyurethane - Chiều dài bóng ≥ 10mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
504	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên hỗ trợ thả coil, dài ≥ 110cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên hỗ trợ thả coil - Chất liệu lớp bọc Tungsten, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính trong ≥ 0.021" - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 2.8Fr - Đường kính ngoài đầu xa khoảng 1.6Fr - 1.9Fr - Chiều dài ≥ 110cm - Tương thích dây dẫn khoảng 0.014" - 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120
505	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, dài ≥ 110cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Bọc Tungsten chống vận xoắn; chất liệu PTFE, phủ lớp Hydrophilic - Đường kính ngoài đầu gần khoảng 2.7Fr - 2.9Fr - Đường kính ngoài đầu xa khoảng 1.7Fr - 2.7Fr - Chiều dài ≥ 110cm - Tương thích vi dây dẫn khoảng 0.016" - 0.025" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
506	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, 1.9Fr → 2.0Fr, dài 105cm → 175cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu Polymer - Chất liệu dây dẫn Platinum, phủ ái nước - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 2.8Fr - Đường kính ngoài đầu xa có tối thiểu khoảng 1.9Fr - 2.0Fr - Chiều dài khoảng 105cm - 175cm, có tối thiểu ≥ 3 cỡ - Tương thích dây dẫn khoảng 0.014" - 0.018" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	150
507	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, dài 105cm → 150cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu phủ ái nước - Đường kính đầu xa tối thiểu có cỡ 1.7Fr - Chiều dài ống thông có tối thiểu các cỡ 105cm, 125cm, 150cm - Tương thích dây dẫn 0.016" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
508	Vi ống thông can thiệp mạch vành, 2 nòng, dài ≥ 145cm, ống hình bầu dục	Vi ống thông can thiệp mạch vành 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX), ống hình bầu dục - Chất liệu lõi thép không gỉ chống xoắn, phủ lớp hydrophilic - Đường kính ngoài đầu tip ≥ 1.5Fr - Đường kính ngoài đoạn xa khoảng 2.5Fr - 3.3Fr - Chiều dài ≥ 145cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
509	Vi ống thông can thiệp mạch vành, 2 nòng, dài ≥ 140cm	Vi ống thông can thiệp mạch vành 2 nòng - Chất liệu Polyamide resin và Polyimide - Đường kính khoảng 2.8Fr - 2.9Fr, dài ≥ 140cm - Khẩu kính đầu xa ≥ 0.42mm - Tương thích dây dẫn 0.014" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
510	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành CTO, lòng trong phủ Fluoro-Resin	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành CTO - Chất liệu: Nylon 12 và Polytetrafluoroethylene, phủ ngoài Hydrophilic, lòng trong phủ Fluoro-Resin - Đường kính khoảng 1.4Fr - 1.5Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 135cm, 150cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
511	Vi ống thông can thiệp mạch vành CTO, đầu tip thuôn $\geq 1.4\text{Fr}$	Vi ống thông can thiệp mạch vành CTO - Chất liệu mặt ngoài làm bằng nhựa polyamide elastomer phủ lớp Polymer. Mặt trong ống được viền bởi Fluoropolymer. Đầu tip bằng Polyurethane - Đầu tip thuôn $\geq 1.4\text{Fr}$ - Đường kính khoảng $0.016'' - 0.022''$ - Đường kính ngoài $\geq 1.9\text{Fr}$ - Chiều dài khoảng $135\text{cm} - 150\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	126
512	Vi ống thông đi qua tổn thương CTO, lõi bên từ 10 $\rightarrow$ 14 dây dẫn, đầu tip thuôn 1.3Fr	Vi ống thông đi qua tổn thương CTO, lõi bên khoảng 10 - 14 dây dẫn - Chất liệu thép không gỉ - Đầu tip thuôn có tối thiểu cỡ 1.3Fr - Chiều dài tối thiểu có cỡ $135\text{cm}, 150\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	44
513	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não qua đường động mạch quay	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não qua đường quay - Chất liệu Polymer, thành gia cố thép không gỉ và Nitinol, phủ PTFE - Đoạn đầu phủ Hydrophilic - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ $0.071'', 0.079''$ - Chiều dài có tối thiểu các cỡ $95\text{cm}, 100\text{cm}, 105\text{cm}$ - Kèm lõi nong bên trong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
514	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não và ngoại biên dạng sheath, dài $45\text{cm} \rightarrow 100\text{cm}$	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não và ngoại vi dạng sheath - Chất liệu Polymer, gia cố thành dạng lò xo và đan bên. - Đoạn đầu tip có phủ ái nước có chiều dài $\geq 25\text{cm}$ - Kích thước tối thiểu có 6Fr và 7Fr - Chiều dài khoảng $45\text{cm} - 100\text{cm}$, có tối thiểu các cỡ $45\text{cm}, 55\text{cm}, 65\text{cm}, 80\text{cm}, 90\text{cm}$ - Có kèm lõi nong bên trong và chữ Y Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
515	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não và ngoại vi, đường kính trong $0.025''$	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não và ngoại vi - Chất liệu Nitinol - Đường kính trong $0.025''$ - Đường kính ngoài $2.6\text{Fr} - 2.95\text{Fr}$ - Dài có tối thiểu 150cm và 160cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25
516	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não, bằng Polymer, đường kính $0.0165'' - 0.039''$, dài $125\text{cm} \rightarrow 167\text{cm}$	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu: mặt trong phủ PTFE, phủ Hydrophilic, thành gia cố bên xoắn - Đường kính khoảng $0.0165'' - 0.039''$, có tối thiểu các cỡ $0.0165'', 0.021'', 0.027'', 0.039''$ - Chiều dài khoảng $125\text{cm} - 167\text{cm}$, có tối thiểu $125\text{cm}, 145\text{cm}, 155\text{cm}, 160\text{cm}, 167\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	120

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
517	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não, dài 150cm → 160cm	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não dùng trong can thiệp lấy huyết khối nội sọ - Chất liệu nhựa lót PTFE trong lòng, phủ ái nước, gia cố thành bằng lớp bên Nitinol đôi - Đường kính trong có tối thiểu 0.017" và 0.021" - Chiều dài khoảng 150cm - 160cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
518	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não, lớp trong phủ PTFE, lớp ngoài phủ Hydrophilic, dài ≥ 150cm	Vi ống thông hoặc ống thông can thiệp mạch máu não - Chất liệu: mặt trong phủ PTFE, phủ Hydrophilic - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ 0.017", 0.021", 0.027" - Chiều dài ≥ 150cm - Tương thích DMSO Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	250
519	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, cắt bằng bẻ tay	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não, cắt bằng bẻ tay - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil có tối thiểu các cỡ 0.010", 0.011", 0.0125" - Cấu trúc khớp cắt coils có thể tách bằng bẻ tay phần đuôi dây đẩy coils, không cần dụng cụ cắt chuyên dụng. - Đường kính khoảng 1mm - 25mm, có tối thiểu các cỡ 1mm, 1.5mm, 12mm, 15mm, 25mm - Chiều dài khoảng 4cm - 60cm, có tối thiểu các cỡ 4cm, 6cm, 40cm, 50cm, 60cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	300
520	Vòng xoắn kim loại có phủ lông tạo huyết khối, dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên, đường kính 3mm → 20mm	Vòng xoắn kim loại có phủ lông tạo huyết khối, dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên - Chất liệu Platinum và Nitinol - Đường kính sợi coil có tối thiểu các cỡ 0.018", 0.035" - Đường kính coil có tối thiểu các cỡ 3mm, 4mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 15mm, 18mm, 20mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 4cm, 6cm, 8cm, 10cm, 15cm, 20cm, 30cm, 50cm, 60cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	1250
521	Vòng xoắn kim loại tắc mạch ngoại vi có gắn lông tạo huyết khối	Vòng xoắn kim loại (coils) nút mạch ngoại vi có gắn vi sợi siêu nhỏ, cắt bằng cơ học - Chất liệu Platinum - Có gắn vi sợi PGLA hoặc Nylon dọc chiều dài sợi coils, tăng tạo huyết khối. - Đường kính sợi coils có tối thiểu các cỡ 0.0115" - 0.0145" - Kích thước vòng xoắn từ 2mm - 20mm - Chiều dài từ 2cm - 50cm - Tương thích ống thông đường kính 0.0165" - 0.021" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
522	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg: 1. Bơm ly tâm: - Chất liệu: Polycarbonate (PC) - Thể tích mỗi: ≤ 32ml - Tốc độ bơm lên tới 5000 vòng/phút 2. Bộ dây dẫn tuần hoàn: - Chất liệu: Polyvinyl Chloride (PVC) có phủ chất chống đông máu - Bao gồm đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài dây chính: 1/4 x 1/16 x 400 - 500cm - Số lượng và chiều dài các dây phụ: + 03 dây 1/4 x 1/16 x 110 - 130cm + 01 dây 1/4 x 1/16 x 250 - 350cm + 01 dây 1/4 x 1/16 x 10 - 15cm - Dây dẫn khí có lọc khí dài khoảng 250cm - 350cm - Tương thích máy ECMO rotaflow của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	6
523	Bộ nong dưới da dùng khi đặt cannula ECMO, phủ chất chống đông	Bộ nong dưới da dùng khi đặt cannula ECMO theo phương pháp Seldinger 1. Ống nong: - Chất liệu: Polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO₄ - Thân nong có tối thiểu các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr 2. Dây dẫn đường: thép không gỉ - Đường kính 0.038", đầu J - Có tối thiểu các chiều dài 100cm, 150cm 3. Dao mổ rạch da bằng thép không gỉ 4. Bơm tiêm khoảng 10ml - 20ml 5. Kim tiêm: thép không gỉ, kích thước phù hợp dây dẫn 0.038" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	80
524	Bộ thay máu hoàn hồi dùng cho máy XTRA Cellsaver	Bộ thay máu hoàn hồi bằng việc thu nhận và lọc rửa máu liên tục dựa trên kỹ thuật quay ly tâm sau đó truyền lại cho người bệnh. 1. Bình chứa máu: - Phủ lớp Polyurethane - Thể tích khoảng 3000ml - 4000ml - Cổng kết nối: 1/4" x 3 cổng, 3/8" x 1 cổng - Bình chứa máu có khả năng xoay 360° quanh giá đỡ 2. Bơm ly tâm: thể tích cỡ 125ml, 175ml 3. Túi chứa dịch thải khoảng 8 lít - 10 lít - Tương thích với máy tách tế bào và truyền máu tự động XTRA Cell Saver của Bệnh viện Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	200
525	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, diện tích màng trao đổi 2.5m ² → 2.7m ² , lưu lượng máu trao đổi 1 → 7 lít/ phút	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể 1. Bình chứa máu: phủ lớp ưa nước bên trong. Có ít nhất 6 màng lọc - Thể tích khoảng 4500ml - 5000ml 2. Bộ phận trao đổi khí: sợi rỗng Polypropylene, có van điều tiết áp lực và vạch cảnh báo thể tích - Tích hợp bộ lọc động mạch - Lưu lượng trao đổi khoảng 1 - 7 lít/ phút - Thể tích mỗi: ≤ 260ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí khoảng 2.5m² - 2.7m² - Áp lực trao đổi nước: ≤ 30psi 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: cổng ra động mạch 3/8", cổng vào tĩnh mạch 3/8" - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	50

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
526	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm bộ lọc động mạch cho người lớn	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm bộ lọc động mạch cho người lớn 1. Bình chứa máu: bên trong phủ Phosphorylcholine - Thể tích khoảng 4000ml - 5000ml 2. Bộ phận trao đổi khí: màng lọc chất liệu Polypropylene - Tích hợp bộ lọc động mạch - Lưu lượng trao đổi tối đa khoảng 6.5 - 7.5 lít/phút - Thể tích mỗi: $\leq 225\text{ml}$ - Diện tích bề mặt trao đổi khí khoảng 1.6m^2 - 1.7m^2 3. Bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ, có diện tích bộ trao đổi nhiệt 0.07m^2 - 0.09m^2 - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	50
527	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân $\geq 50\text{kg}$	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm lọc động mạch dành cho người bệnh $\geq 50\text{kg}$ 1. Bình chứa máu: bên trong phủ Phosphorylcholine - Thể tích khoảng 4000ml - 4500ml 2. Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu polyester, diện tích màng lọc xấp xỉ 1.75m^2, lưu lượng máu trong khoảng 7 - 8 lít/phút, phin lọc động mạch $\geq 38\mu\text{m}$ 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: chất liệu Polyurethane, diện tích bề mặt khoảng 0.3m^2 - 0.5m^2 - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	50
528	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể cho người bệnh hạng cân trong khoảng 12kg - 25kg	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể cho người bệnh hạng cân khoảng 12kg - 25kg 1. Bình chứa máu: bên trong phủ sinh học Phosphorylcholine, thể tích khoảng 2400ml - 2600ml 2. Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu Polypropylene, diện tích màng lọc xấp xỉ 0.84m^2. Thể tích mỗi $< 100\text{ml}$. Lưu lượng máu 0.5 - 3.0 lít/phút 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: diện tích bề mặt khoảng 0.03m^2 - 0.05m^2 - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	40
529	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân 20kg $\rightarrow$ 50kg	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể kèm lọc động mạch cho người bệnh hạng cân trong khoảng 20kg - 50kg 1. Bình chứa máu: bên trong phủ sinh học Phosphorylcholine, thể tích khoảng 4000ml - 4500ml 2. Bộ phận trao đổi khí: có màng lọc chất liệu polyester, diện tích màng lọc xấp xỉ 1.4m^2, lưu lượng máu khoảng 6 - 6.5 L/phút, phin lọc động mạch khoảng $35\mu\text{m}$ - $38\mu\text{m}$ 3. Bộ phận trao đổi nhiệt: chất liệu Polyurethane, diện tích bề mặt khoảng 0.4m^2 - 0.42m^2 - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	30
530	Bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, diện tích màng trao đổi 0.5m^2 , 1.5m^2 và 2.5m^2	Bộ tim phổi nhân tạo trong tuần hoàn ngoài cơ thể 1. Bình chứa máu: - Vỏ bằng Polycarbonate - Phin lọc tĩnh mạch: Polyester, kiểu lưới - Chất khử bọt polyurethane - Thể tích bình chứa khoảng 1000ml - 4000ml 2. Phổi tích hợp lọc động mạch: - Màng lọc: polyester, lỗ màng lọc $\leq 32\mu\text{m}$ - Sợi lọc bằng Microporous Polypropylene - Thể tích mỗi khoảng 40ml - 300ml - Diện tích màng trao đổi oxy: 0.5m^2, 1.5m^2, 2.5m^2 - Thể tích hoạt động khoảng 15ml - 200ml 3. Bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ, có diện tích bộ trao đổi nhiệt 0.035m^2 - 0.2m^2 - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	870

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
531	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh dưới 20kg	Phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh $\leq 20\text{kg}$ - Chất liệu: Thân phổi: Polycarbonate (PC), sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP), sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane - Bề mặt trao đổi khí $\geq 0.8\text{m}^2$ - Bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0.15\text{m}^2$ - Lưu lượng máu trong khoảng $0.2 - 2.8$ lít/phút - Thể tích mỗi: ≤ 90 ml - Thời gian sử dụng liên tục khoảng 14 - 21 ngày - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO/Rotaflo của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	6
532	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu kèm dây dẫn cho người bệnh trên 20kg	Bộ tim phổi nhân tạo (ECMO) trong hồi sức cấp cứu cho người bệnh trên 20kg 1. Phổi: - Chất liệu: Thân phổi: Polycarbonate (PC), sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP), sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane - Bề mặt trao đổi khí $\geq 1.8\text{m}^2$ - Bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0.4\text{m}^2$ - Thể tích mỗi toàn bộ tim phổi: ≤ 585 ml - Thời gian sử dụng liên tục trong khoảng 14 ngày 2. Bơm ly tâm: - Chất liệu: Polycarbonate (PC) - Lưu lượng máu khoảng $0.5 - 7$ lít/phút 3. Dây dẫn tuần hoàn: - Chất liệu: chất liệu polyvinyl chloride (PVC) có phủ chất chống đông máu, đường kính 3/8" - Tương thích với máy tim phổi nhân tạo ECMO/Rotaflo của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	50
533	Cannula động mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể, cỡ 15Fr → 23Fr	Cannula động mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể - Chất liệu: Polyurethane, thân cannula có vòng xoắn bằng thép không gỉ chống gập, có phủ chất chống đông máu - Cỡ khoảng 15Fr - 23Fr, có tối thiểu các cỡ 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, 23Fr, chiều dài khoảng 15cm - 25cm - Cổng kết nối 3/8" - Thời gian sử dụng lên tới 30 ngày Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	63
534	Cannula tĩnh mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể, cỡ 19Fr → 29Fr	Cannula tĩnh mạch ECMO dùng trong oxy hóa máu qua màng ngoài cơ thể - Chất liệu: Polyurethane, thân cannula có vòng xoắn bằng thép không gỉ chống gập, có phủ chất chống đông máu - Cỡ khoảng 19Fr - 29Fr, có tối thiểu các cỡ 19Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr, 29Fr, chiều dài khoảng 35cm - 60cm - Cổng kết nối 3/8" - Thời gian sử dụng lên tới 30 ngày Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	60
535	Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu: Polycarbonate - Kết nối với dây có kích thước 1/2", 3/8", 1/4" - Tương thích máy B-Care5/ máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	1100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
536	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể dành cho người bệnh dưới 10kg đến trên 50kg	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể dành cho người bệnh dưới 10kg đến trên 50kg. - Chất liệu: nhựa PVC và Silicone Bao gồm: 1. Bộ dây dẫn đặt tại phẫu trường (Table pack) - Hạng cân dưới 10 kg, 20kg - 50kg: 03 đoạn dây - Hạng cân 10-20kg: 05 đoạn dây. - Hạng cân trên 50 kg: 06 đoạn dây và 01 co nối thẳng. 2. Dây dẫn gắn với máy tim phổi nhân tạo (Pump pack) - Hạng cân dưới 10kg, 20kg - 50kg: 10 đoạn dây, gồm đường áp lực có khoang cách ly, bộ lọc khí, ≥ 03 co nối khóa 4 chiều, túi mỗi, túi lọc động mạch và ≥ 06 co nối - Hạng cân 10kg - 20 kg: 10 đoạn dây, gồm đường áp lực có khoang cách ly, bộ lọc khí, ≥ 02 co nối khóa 4 chiều, túi mỗi và ≥ 06 co nối. - Hạng cân trên 50kg: 06 đoạn dây, gồm bộ lọc khí, van một chiều, đường áp lực có khoang cách ly, 02 co nối khóa 4 chiều, 02 co nối thẳng và 01 co nối chữ Y. - Đóng gói riêng cho từng bộ dây và bọc chung lại thành một bộ thống nhất Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	600
537	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể cho hạng cân 20kg → 40kg và trên 40kg	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể dành cho người bệnh trong khoảng 20kg - 40kg và trên 40kg - Chất liệu: Silicone, nhựa PVC, Polycarbonate - Gồm: bộ dây phẫu thuật và bộ dây chạy máy + Bộ dây phẫu thuật: chất liệu PVC, 4 đoạn bao gồm 3 đoạn kích thước 1/4"x1/4"x1/16" dài 80" - 160" và 1 đoạn 1/2"x3/8"x3/32 hoặc 3/8"x3/8"x3/32 dài ≥ 120" + Bộ dây chạy máy gồm: ít nhất 5 đoạn PVC (trong đó có 1 đoạn dây có chứa đoạn nối chất liệu Silicon) kích thước 1/2"x3/8"x3/32" hoặc 3/8"x3/8"x3/32" dài ≥ 24"; ít nhất 2 khóa 4 chiều; khoang cách ly - Bản vẽ thiết kế theo yêu cầu của người sử dụng chuyên môn, có thể tùy chỉnh theo nhu cầu thực tế Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	350
538	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hạng cân < 20kg	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hạng cân < 20kg - Chất liệu: Silicone, nhựa PVC - Bao gồm: Table pack và Pump pack, tối thiểu có cỡ 6kg - 10kg và 10kg - 20kg - Bản vẽ thiết kế theo yêu cầu của người sử dụng chuyên môn, có thể tinh chỉnh theo nhu cầu sử dụng thực tế Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	150
539	Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc và có tác dụng liệt tim	Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc và có tác dụng liệt tim - Thành phần trong 1.000 ml dung dịch chứa: $\leq 28.0g$ Histidine, $\geq 0.4g$ Tryptophane, $\geq 0.17g$ Potassium Hydrogen 2-Ketoglutarate - Độ thẩm thấu ≤ 300 mosmol/kg - Liệt tim trong phẫu thuật tim ≥ 180 phút - Thể tích tối thiểu 1000ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Túi	2000
540	Miếng dán kiểm soát mức dịch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hình chữ nhật	Miếng dán kiểm soát mức dịch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, hình chữ nhật - Miếng dán mức dịch được gắn vào bình chứa máu (Reservoir) hoặc Phổi nhân tạo (Oxygenator) - Cảm biến dựa trên tác động của mức chất lỏng lên sóng điện từ tần số cao trong mạch dao động điện - Tương thích máy tim phổi nhân tạo Sorin S5 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Miếng	1100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
541	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 1mm → 24mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não. - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil có tối thiểu các cỡ 0.010", 0.012", 0.014" - Đường kính khoảng 1mm - 24mm, có tối thiểu các cỡ 1mm, 1.5mm, 2mm, 4mm, 6mm, 8mm, 10mm, 14mm, 22mm, 24mm. - Chiều dài khoảng 6cm - 70cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	400
542	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại tích điện sẵn, có cơ chế nhận biết thời điểm sẵn sàng cắt coils	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại tích điện sẵn. - Chất liệu: nhựa, có tích điện sẵn, dạng tay cầm. - Nhận biết thời điểm sẵn sàng cắt coils và thời điểm cắt coils thành công. - Hệ thống 3 đèn LED cho các thời điểm khác nhau - Tương thích "Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, dài đến 70cm" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
543	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 2mm → 20mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil có tối thiểu các cỡ 0.010", 0.0145" - Đường kính khoảng 2mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 2mm, 2.5mm, 3mm, 3.5mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 12mm, 14mm, 18mm, 20mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 2cm, 3cm, 4cm, 6cm, 8cm, 10cm, 12cm, 15cm, 20cm, 30cm, 40cm, 50cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	400
544	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ chế nhiệt	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ chế nhiệt - Chất liệu: nhựa - Dạng tay cầm được tích hợp điện sẵn, dùng cắt coils theo cơ chế nhiệt. - Tương thích "Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút phình mạch máu não, đường kính 2mm - 20mm" tại danh mục mời thầu Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100
545	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên, đường kính 1mm → 14mm	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên - Chất liệu Platinum - Vòng cắt coils cấu tạo bằng Polyimide Alcohol - Đường kính sợi coil có tối thiểu các cỡ 0.010", 0.012", 0.014" - Đường kính khoảng 1mm - 14mm, có tối thiểu các cỡ 1mm, 1.5mm, 2mm, 2.5mm, 3mm, 3.5mm, 4mm, 5mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 1cm, 2cm, 4cm, 6cm, 10cm, 15cm, 20cm, 30cm, 40cm, 50cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	350
546	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng bộ điều khiển	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng bộ điều khiển dùng nhận biết và chỉ ra điểm tách coil - Kim luồn khoảng 20G - 22G - Tương thích với "Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên, các cỡ" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	100

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
547	Vòng xoắn kim loại nút mạch não và ngoại biên có sợi siêu nhỏ, đường kính ≥ 0.010 "	Vòng xoắn kim loại dạng coils điều trị nút túi phình mạch máu não và ngoại biên - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil ≥ 0.010 ", có tối thiểu các cỡ 0.010", 0.0108", 0.015" - Tương thích với "Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học, dài ≥ 12 cm" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
548	Vòng xoắn kim loại tắc mạch não có gắn sợi siêu mảnh, đường kính sợi 0.0115" - 0.0145"	Vòng xoắn kim loại (coils) nút mạch não có gắn vi sợi siêu nhỏ, cắt bằng cơ học - Chất liệu Platinum - Có gắn vi sợi PGHA hoặc Nylon dọc chiều dài sợi coils, tăng tạo huyết khối. - Đường kính sợi coils khoảng 0.0115" - 0.0145" - Kích thước vòng xoắn từ 2mm - 18mm - Chiều dài từ 1cm - 40cm - Tương thích với "Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học, dài ≥ 12 cm" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
549	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học, dài ≥ 12 cm	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học - Chất liệu vỏ bằng nhựa dẻo - Chiều dài ≥ 12 cm - Dạng hình trụ - Tương thích với "Vòng xoắn kim loại nút mạch não và ngoại biên có sợi siêu nhỏ, đường kính ≥ 0.010 " hoặc "Vòng xoắn kim loại tắc mạch não có gắn sợi siêu mảnh, đường kính sợi 0.0115" - 0.0145" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
550	Vòng xoắn kim loại lớn dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên, đường kính 2mm $\rightarrow$ 32mm	Vòng xoắn kim loại lớn dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên cắt bằng cơ học - Chất liệu Platinum - Đường kính sợi coil 0.020" - Đường kính coil có tối thiểu các cỡ 2mm, 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm, 15mm, 16mm, 18mm, 20mm 22mm, 24mm, 28mm, 32mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 2cm, 3cm, 4cm, 5cm, 6cm, 8cm, 10cm, 15cm, 20cm, 25cm, 30cm, 35cm, 40cm, 45cm, 50cm, 57cm, 60cm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	200
551	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học, dài ≥ 15 cm	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học - Chất liệu vỏ bằng nhựa dẻo - Chiều dài ≥ 15 cm - Dạng hình trụ - Tương thích với "Vòng xoắn kim loại lớn dùng tắc mạch nội sọ và ngoại biên, đường kính 2 - 32mm" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
552	Ống thử hoặc thẻ thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ, phản ứng Silica, Kaolin, Phospholipid	Ống thử hoặc thẻ thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ - Chất phản ứng: Silica, Kaolin, Phospholipid - Mức heparin đáp ứng khoảng 1 - 6 đv/ml máu, số kênh thử: 1 - Lượng máu cần thiết: khoảng 1 - 2 giọt, dùng xilanh 1ml - Tương thích máy Hemochron Signature Elite của Bệnh viện Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuvette	2000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
553	Ống thử hoặc thẻ thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ, phản ứng Kaolin	Ống thử hoặc thẻ thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ - Chất phản ứng: Kaolin - Dài đo được từ 50 đến 1000 giây - Lượng mẫu yêu cầu từ 40µL - 60µL máu, số kênh thử: 01 kênh - Kiểm chuẩn 2 mức: mức 1 và mức 2 Đạt chứng nhận + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc Chứng nhận CE (Châu Âu)	Thẻ	2000
554	Ống thử hoặc thẻ thử chức năng đông máu dùng để xét nghiệm định lượng thời gian đông máu hoạt hoá, đánh giá khả năng chống đông máu bằng Heparin liều thấp đến trung bình	Ống thử hoặc thẻ thử chức năng đông máu dùng cho máy cầm tay tại chỗ dùng để xét nghiệm định lượng thời gian đông máu hoạt hoá, đánh giá khả năng chống đông máu bằng Heparin liều thấp đến trung bình 1. Thành phần - Celite, Potato Dextrin - Theo dõi liều Heparin thấp đến trung bình tới 2.5 U/mL máu 2. Cơ chế: phát hiện cục máu đông bao gồm một loạt các đầu dò quang học LED được căn chỉnh với kênh xét nghiệm của cuvette - Tương thích máy Hemochron Signature Elite của Bệnh viện Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cuvette	1000
555	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em và người lớn, diện tích màng lọc 0.25m², 0.68m²	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em và người lớn - Chất liệu màng Polyethersulfone hoặc tương đương - Lọc được các chất: Ure, Creatine, Phosphates, Vitamine B12 - Diện tích bề mặt: 0.25m² cho trẻ nhỏ và 0.68m² cho người lớn - Thể tích dịch mỗi: ≥ 45ml cho trẻ nhỏ và ≥ 137ml cho người lớn - Áp lực tối đa: ≤ 66kPa - Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	50
556	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em, diện tích màng lọc 0.3m², 0.7m²	Quả lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em - Vật liệu màng lọc Polysulfone hoặc Polyethersulfone - Diện tích bề mặt màng lọc 0.3m², 0.7m² - Dung tích mỗi khoảng 20ml - 50ml - Áp lực xuyên màn tối đa 500mmHg - Đường kính sợi lọc tối thiểu 200µm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	250
557	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em, diện tích màng lọc tối thiểu 0.3m²	Quả lọc cô đặc máu trẻ em 1. Màng lọc: - Chất liệu: Polyethersulfone - Diện tích màng lọc có tối thiểu cỡ 0.3m² - Đường kính trong sợi lọc tối thiểu 200µm - Độ dày sợi lọc tối thiểu 30µm - Thể tích dịch mỗi: ≤ 21 ml - Áp suất xuyên màng tối đa 600mmHg 2. Dây dẫn 3. Túi thải: thể tích tối thiểu 500ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	200
558	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn, diện tích màng lọc 0.9m²	Quả lọc cô đặc máu người lớn: 1. Màng lọc: - Vật liệu sợi rỗng: Polyethersulfone - Diện tích màng lọc có tối thiểu cỡ 0.9m² - Đường kính trong sợi lọc tối thiểu 200µm - Độ dày sợi lọc tối thiểu 30µm - Thể tích dịch mỗi: ≤ 57ml - Áp suất xuyên màng tối đa 600mmHg 2. Dây dẫn 3. Túi thải: thể tích tối thiểu 2000ml Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	270

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
559	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn, diện tích màng lọc tối thiểu $\geq 1.1\text{m}^2$	Quả lọc lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn - Chất liệu: Nipro Polyethersulfone - Tiết diện màng lọc tối thiểu $\geq 1.1\text{m}^2$ - Thể tích dịch mỗi $\leq 80\text{ml}$ - Tốc độ dòng máu: tối thiểu $\geq 100\text{ ml/phút}$, tối đa $\leq 500\text{ ml/phút}$ - Đường kính sợi lọc tối thiểu $200\mu\text{m}$ - Áp lực tối đa: 66 kPa Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Chứng nhận CE (Châu Âu)	Bộ	330
560	Đầu đốt đơn cực sử dụng sóng cao tần	Đầu đốt đơn cực sử dụng sóng cao tần kết hợp hệ thống tưới nước muối sinh lý điều trị rung nhĩ - Chất liệu tay cầm bằng nhựa, đầu đốt bằng hợp kim - Chiều dài $\geq 8\text{cm}$ cho phẫu thuật tim hở - Chiều dài $\geq 20\text{cm}$ cho phẫu thuật tim ít xâm lấn Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
561	Cannula động mạch chủ đầu cong dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch chủ đầu cong dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula đầu cong, đầu có đường đánh dấu, co nối có cổng thoát khí - Có tối thiểu các cỡ 20Fr, 22Fr, co nối 3/8", chiều dài cannula $\geq 25\text{cm}$ Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
562	Cannula động mạch chủ đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch chủ đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula đầu vát có gờ cố định, đầu có đường đánh dấu - Kích cỡ: 18Fr, 20Fr, co nối dây dẫn 3/8", chiều dài $> 17\text{cm}$ Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
563	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể, cỡ 15Fr $\rightarrow$ 21Fr	Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula đầu tip có vòng xoắn chống gập - Cỡ khoảng 15Fr - 21Fr, có tối thiểu các cỡ 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, với chiều dài đầu tip $\geq 18\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 31\text{cm}$, co nối dây dẫn 3/8" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
564	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, dài $\geq 22\text{cm}$	Cannula động mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gập, đầu cong 135°, có đầu định hướng, và vạch phân chia độ dài xác định vị trí - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 9Fr, 11Fr, 12Fr, đầu kết nối 3/16" hoặc 1/4", chiều dài cannula $\geq 22\text{cm}$ Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
565	Cannula động mạch dùng tuần hoàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em, cỡ 8Fr $\rightarrow$ 14Fr	Cannula động mạch dùng tuần hoàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em - Chất liệu PVC hoặc Silicone, không chứa DEHP - Cannula đầu tip có vòng xoắn chống gập - Cỡ khoảng 8Fr - 14Fr, có tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, với chiều dài đầu tip $\geq 10\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 22\text{cm}$, co nối dây dẫn 1/4" Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
566	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu bằng nhựa - Cannula có vòng xoắn chống gấp - Có tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, đầu nối dây dẫn 1/4" có cổng đuôi khí, chiều dài $\geq 22.5\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	42
567	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Có tối thiểu các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, 28Fr, 30Fr, 32Fr, co nối dây dẫn 1/4" - 3/8", chiều dài $\geq 30\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
568	Cannula tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, co nối 3/8" và 1/2", dài $\geq 60\text{cm}$	Cannula tĩnh mạch đùi 2 tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu Polymer - Cannula có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí, gồm 2 lỗ hút: ở đầu cannula và thân cannula - Kích thước: từ 22Fr đến 25Fr - Đường kính thân ống có 2 loại, co nối dây dẫn 3/8" và 1/2", chiều dài cannula $\geq 60\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
569	Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, đầu tip dài $\geq 48\text{cm}$, cỡ 15Fr $\rightarrow$ 25Fr	Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Cannula có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Cỡ khoảng 15Fr - 25Fr, có tối thiểu các cỡ 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr, chiều dài đầu tip $\geq 48\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 64\text{cm}$, đầu nối dây dẫn 3/8" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
570	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 1 tầng đầu cong, co nối 1/4" hoặc 3/8"	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 1 tầng đầu cong - Chất liệu PVC hoặc Silicone, đầu bằng thép không gỉ - Có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài - Có tối thiểu các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, 22Fr, 24Fr, 28Fr, 31Fr, co nối dây dẫn 1/4" hoặc 3/8", chiều dài $\geq 35\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
571	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 2 tầng nhĩ phải, vòng xoắn chống gấp	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, 2 tầng nhĩ phải - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Có vòng xoắn chống gấp, thân có vạch chia độ dài - Kích cỡ: (32Fr và 36Fr) hoặc (40Fr và 46Fr), đầu nối dây dẫn 1/2", chiều dài $\geq 38\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
572	Cannula tĩnh mạch dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em, cỡ 8Fr → 14Fr	Cannula tĩnh mạch dùng tuần hoàn ngoài cơ thể và ECMO trẻ em - Chất liệu PVC hoặc Silicone, không chứa DEHP - Cannula có vòng xoắn chống gập, thân có vạch chia độ dài xác định vị trí - Cỡ khoảng 8Fr - 14Fr, có tối thiểu các cỡ 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, chiều dài đầu tip $\geq 10\text{cm}$, chiều dài cannula $\geq 20\text{cm}$, đầu nối dây dẫn 1/4" Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
573	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng, cỡ 15Fr, dài $\geq 30\text{cm}$	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng trong phẫu thuật tim - Chất liệu PVC hoặc Silicone, - Thân cannula có lò xo chống gập có thể uốn cong, đuôi nối female Luer - lock, đầu cannula có bóng chèn và có đường đo áp lực bơm - Kích cỡ: 15Fr, chiều dài $\geq 30\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
574	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ, cỡ 12G, 14G cho phẫu thuật tim mổ soi	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim mổ soi hoặc ít xâm lấn - Chất liệu Cannula bằng PVC hoặc polyurethane, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng thẳng đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối female Luer - lock - Có tối thiểu các cỡ 12G, 14G, chiều dài $\geq 31\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
575	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ, cỡ 12G dài $\geq 30\text{cm}$	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu Cannula bằng PVC, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng thẳng đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối female Luer - lock - Kích cỡ 12G, chiều dài $\geq 30\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
576	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ, cỡ 5Fr → 9Fr	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ - Chất liệu: Cannula có nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng chữ Y có cổng đo áp lực bơm, đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối Female Luer - lock - Cỡ khoảng 5Fr - 9Fr, có tối thiểu các cỡ 5Fr, 7Fr, 9Fr, chiều dài tối thiểu 14cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	65
577	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành ở trẻ em	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành ở trẻ em - Chất liệu: bằng Polyurethane, cổng kết nối Female Luer - lock - Có tối thiểu các cỡ 2mm, 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, chiều dài tối thiểu 5.5cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
578	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành, dài $\geq 25\text{cm}$	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng trực tiếp vào lỗ vành - Cannula mềm đầu có bóng bằng Silicone, cổng kết nối Female Luer - lock - Có tối thiểu các cỡ 15Fr, 17Fr, chiều dài $\geq 25\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
579	Cannula truyền dung dịch liệt tim, đầu silicone, cỡ 12Fr, dài $\geq 19\text{cm}$	Cannula truyền dung dịch liệt tim trực tiếp xuôi dòng vào lỗ vành - Chất liệu bằng thép không gỉ, đầu Silicone mềm - Cannula dạng thẳng, đầu cong 45°, 90° có nút chặn và cố định, đuôi nối female Luer - lock - Kích cỡ: 12Fr, chiều dài $\geq 19\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
580	Chỉ khâu không tiêu bằng ePTFE số 2-0, kim dài 18mm, 1/2C và 3/8C	Chỉ khâu không tiêu dùng làm dây chằng nhân tạo trong phẫu thuật sửa van tim - Chỉ bằng ePTFE, số 2-0, cấu tạo gồm 2 đầu: + 1 đầu có 1 đôi chỉ có miếng đệm may vào cơ nhũ + 1 đầu có 3 đôi chỉ may vào lá van gồm 2 loại: loại không có vòng cột sẵn và loại có vòng cột sẵn, chiều dài vòng cột tối thiểu có cỡ: 12mm, 16mm, 20mm. - Các kim bằng thép không gỉ cong 3/8C và 1/2C, dài 18mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tép	50
581	Chỉ khâu không tiêu bằng ePTFE, từ số 2-0 tới 5-0, dài ≥ 75cm, 2 kim dài 13mm → 25mm, 3/8C hoặc 1/2C	Chỉ khâu không tiêu dùng làm dây chằng nhân tạo trong phẫu thuật sửa van tim - Chỉ bằng ePTFE, từ số 2-0 tới 5-0, chỉ dài ≥ 75cm - 2 kim tròn, nhọn bằng thép không gỉ, 3/8C hoặc 1/2C, dài khoảng 13mm - 25mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Tép	140
582	Clip kẹp tiêu nhĩ dùng bít tiêu nhĩ trái trong phẫu thuật tim hở	Clip kẹp tiêu nhĩ dùng bít tiêu nhĩ trái trong phẫu thuật tim hở - Chất liệu: clip bằng Titanium được phủ lớp vải Polyethylene Terephthalate. Lò xo chất liệu Nitinol - Chiều dài khoảng 30mm - 55mm, tối thiểu có các cỡ 35mm, 40mm, 45mm, 50mm - Dụng cụ mang clip chiều dài có tối thiểu 11cm, đầu trực đeo có thể điều chỉnh góc kẹp lên tới 45 độ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
583	Clip kẹp tiêu nhĩ dùng bít tiêu nhĩ trái trong phẫu thuật tim nội soi	Clip kẹp tiêu nhĩ dùng bít tiêu nhĩ trái trong phẫu thuật tim nội soi - Chất liệu: clip bằng Titanium được phủ lớp vải Polyethylene Terephthalate. Lò xo chất liệu Nitinol - Chiều dài khoảng 30mm - 55mm, tối thiểu có các cỡ 35mm, 40mm, 45mm, 50mm - Dụng cụ mang clip chiều dài có tối thiểu 25cm, đầu trực đeo điều chỉnh góc kẹp lên tới 30 độ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
584	Đầu đốt lạnh để giảm đau tạm thời	Đầu đốt lạnh điều trị giảm đau trong phẫu thuật tim - Chất liệu: bằng nhôm có thể uốn cong - Đường kính khoảng 5mm - 10mm - Chiều dài khoảng 25cm - 50cm - Có nhiệt kế kiểm soát nhiệt độ trong quá trình thực hiện thủ thuật Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
585	Đầu đốt lạnh điều trị rối loạn nhịp tim	Đầu đốt lạnh điều trị rung nhĩ bằng nhiệt độ lạnh âm dưới 40 độ C - Chất liệu: bằng nhôm có thể uốn cong - Đường kính khoảng 4mm - 5mm - Chiều dài ≥ 10cm - Có nhiệt kế kiểm soát nhiệt độ trong quá trình thực hiện thủ thuật Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
586	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc đơn cực	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc đơn cực, đặt vào cơ tim nhĩ hoặc thất phải - Chất liệu điện cực phủ Platinum - Có tối thiểu cỡ 4.5Fr, chiều dài khoảng 35cm - 50cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
587	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực	Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực, đặt vào cơ tim nhĩ hoặc thất phải - Chất liệu làm bằng Platinum/Iridium, dẫn làm bằng MP35N - Kích thước: khoảng 7Fr - 8Fr, chiều dài ≥ 35cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
588	Dụng cụ chốt cố định nút thắt chỉ dùng trong phẫu thuật van tim	Dụng cụ chốt cố định nút thắt chỉ dùng trong phẫu thuật van tim - Chốt có dạng nắm làm từ chất liệu titan, dây nối chỉ bằng kim loại mềm, khung giữ chỉ nối bằng nhựa Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	800
589	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành nội soi ít xâm lấn	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành nội soi ít xâm lấn - Giác hút bằng Silicon - Thanh định hình bằng thép không gỉ, tải trọng chống trượt tối thiểu 1.5 kg - Bộ phận cố định bằng nhựa có thể gắn với tất cả các loại banh xương ức Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
590	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành ít xâm lấn	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành ít xâm lấn - Giác hút bằng Silicon, áp lực hút tối đa (- 400mmHg) - Thanh đỡ bằng thép không gỉ, có thể tháo rời và kết nối dễ dàng với đầu giá hút, đầu giác hút có thể uốn cong linh hoạt. Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	1
591	Dụng cụ cố định mạch vành, khớp nối bằng Polycarbonate	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu đầu cố định/ thanh định hình bằng thép không gỉ, khớp nối bằng Polycarbonate, dây hút chân không bằng PVC - Giác hút mềm, dễ uốn, khớp xoay 360° linh động, có thể gắn với tất cả các loại banh xương ức Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12
592	Dụng cụ cố định mạch vành, khớp xoay bằng thép không gỉ	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: PVC, khớp xoay bằng thép không gỉ, giác hút bằng Silicone - Có đặc tính tự bung, giác hút có áp lực hút tối đa -400mmHg, dễ xoay được 360°, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150 ml có lọc bên trong Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8
593	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ	Dụng cụ đóng mạch máu bằng cách khâu chỉ - Chất liệu Monofilament Polypropylene - Đóng được sheath ≤ 8Fr Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	140

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
594	Dụng cụ đóng mạch máu bằng phương pháp kẹp, 14Fr và 18Fr	Dụng cụ đóng mạch máu bằng phương pháp kẹp - Chất liệu: lớp ngoài bằng Collagen và lớp trong bằng Poly Lactic-co-Glycolic Acid có khả năng hấp thụ sinh học - Kích thước 14Fr và 18Fr - Đặc điểm: đóng mạch cho lỗ cannula tuần hoàn ngoài cơ thể tới 25Fr, thời gian tự tiêu hoàn toàn sau 90 ngày - Gồm: + Dụng cụ đóng mạch + Dụng cụ mở đường + Thanh thăm dò Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	50
595	Dụng cụ hỗ trợ nối mạch máu trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	Dụng cụ hỗ trợ nối mạch máu trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành - Chất liệu: + Kim bằng thép không gỉ + Tay cầm bằng nhựa - Kích cỡ: + Kim 14G + Khoan động mạch chủ từ 3.5mm đến 4.0mm Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
596	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật van tim nội soi	Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại nhỏ trong phẫu thuật van tim nội soi - Chất liệu thân thép không gỉ - tay cầm nhựa - Kích cỡ: đường kính thân khoảng 5mm, chiều dài thân $\geq 30\text{cm}$ - Gồm 2 dụng cụ thắt - cắt chỉ kèm ít nhất 12 chốt cố định nút thắt chỉ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	15
597	Dụng cụ thổi khí CO2 trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	Dụng cụ thổi khí CO2 trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành - Chất liệu PVC hoặc Silicone, thân ống bằng thép không gỉ - Chiều dài tay cầm $\geq 15\text{cm}$, ống kim loại $\geq 15\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
598	Dụng cụ thổi khí CO2 trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành, phun sương	Dụng cụ thổi khí CO2, phun sương trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành - Chất liệu PVC hoặc Silicone, thân ống bằng thép không gỉ - Chiều dài tay cầm $\geq 15\text{cm}$, ống kim loại $\geq 15\text{cm}$ - Chiều dài dây dẫn $\geq 300\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	30
599	Kẹp đốt rung nhĩ lưỡng cực bằng sóng cao tần	Kẹp đốt rung nhĩ lưỡng cực bằng sóng cao tần với 2 cặp điện cực đối xứng nhau. - Chất liệu: Khung ngàm bằng thép không gỉ, điện cực bằng vàng - Chiều dài điện cực có tối thiểu các cỡ 54mm, 65mm - Chiều dài ngàm kẹp có tối thiểu các cỡ 67mm, 56mm - Độ mở kẹp khoảng 25mm - 30mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
600	Mạch máu nhân tạo 3 → 4 nhánh, kết hợp stent graft dùng phẫu thuật phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh kết hợp stent graft dùng phẫu thuật phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực 1. Khung (stent) bằng Nitinol, màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 120mm, 130mm, 180mm 2. Mạch máu bằng Polyester - Đường kính đoạn mạch có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, chiều dài ≥ 100mm - Dạng thẳng hoặc có nhánh, nhánh có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, chiều dài ≥ 100mm - Phần chuyển tiếp giữa phần mạch máu và stent graft có vòng định vị Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	10
601	Mạch máu nhân tạo 3 → 4 nhánh, kết hợp stent graft dùng tái tạo cung động mạch chủ	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh kết hợp stent graft dùng tái tạo cung động mạch chủ 1. Khung (stent) bằng Nitinol, màng (graft) bằng Polyester - Đường kính có tối thiểu các cỡ 30mm, 32mm, 34mm, 36mm, 38mm, 40mm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 100mm, 150mm 2. Mạch máu làm từ polyester tẩm gelatin - Đường kính có tối thiểu các cỡ 28mm, 30mm, 32mm, chiều dài ≥ 240mm. - Các nhánh mạch máu phụ đường kính có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, chiều dài nhánh phụ ≥ 150mm - Phần giữa phần mạch máu và stent graft có vòng định vị Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	8
602	Mạch máu nhân tạo 3 → 4 nhánh, tẩm Gelatin	Mạch máu nhân tạo 3 - 4 nhánh dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu sợi Polyester ngấm tẩm Gelatin - Nhánh chính: đường kính có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, chiều dài ≥ 40cm - Nhánh phụ: ba nhánh có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, chiều dài ≥ 15cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	8
603	Mạch máu nhân tạo chữ Y bằng Polyester, tẩm Gelatin, dài ≥ 40cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu Polyester loại dệt kim, tẩm Gelatin - Có tối thiểu các cỡ 12 x 6mm, 12 x 7mm, 14 x 7mm, 14 x 8mm, 16 x 8mm, 16 x 9mm, 18 x 9mm, 18 x 10mm, 20 x 10mm, 20 x 11mm, 22 x 11mm, 24 x 12mm, chiều dài ≥ 40cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
604	Mạch máu nhân tạo chữ Y bằng Polyester, tẩm Gelatin, dài ≥ 45cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y dùng trong phẫu thuật tim mạch - Cấu tạo: bằng Polyester, tẩm Gelatin - Có tối thiểu các cỡ: 14 x 7mm, 16 x 8mm, 18 x 9mm, 20 x 10mm, dài ≥ 45cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	80
605	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng Polyester, dài ≥ 40cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y điều trị bắc cầu động mạch chủ, ngoại biên - Chất liệu bằng Polyester - Đường kính 12 x 6 mm, 14 x 7 mm, 16 x 8 mm, 18 x 9 mm, 20 x 10 mm, 22 x 11 mm, 24 x 12 mm, chiều dài ≥ 40 cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
606	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van động mạch chủ cơ học dùng trong phẫu thuật tim	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van động mạch chủ cơ học dùng trong phẫu thuật tim - Mạch máu: chất liệu Polyester dệt sợi tẩm Gelatin - Van: Chất liệu van bằng Carbon nhiệt phân, vòng khâu bằng PTFE - Đường kính van khoảng 19mm - 29mm, có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, chiều dài mạch máu ≥ 10cm. Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	7

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
607	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van sinh học, cỡ 12mm → 20mm, dài 100mm → 120mm	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van sinh học cho phẫu thuật tim. - Chất liệu: được làm từ tĩnh mạch cánh của bò, có đánh dấu xác định vị trí van trong đoạn mạch máu - Kích cỡ 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm. Chiều dài khoảng 100mm - 120mm. Tiệt khuẩn. Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared)	Cái	12
608	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van sinh học, cỡ 13mm → 21mm, dài 100mm → 120mm	Mạch máu nhân tạo có gắn sẵn van sinh học cho phẫu thuật tim - Mạch máu làm từ màng ngoài tim bò, và có dạng xếp nếp. Van gắn trong đoạn mạch, các lá van được làm từ van tim của heo - Đường kính có tối thiểu các cỡ 13mm, 15mm, 17mm, 19mm, 21mm, chiều dài khoảng 100mm - 120mm - Đặc điểm: loe 2 đầu trên dưới Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	12
609	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polyester tẩm Gelatin, đường kính 8mm → 32mm, dài 20cm → 30cm	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polyester, tẩm Gelatin - Đường kính khoảng 8mm - 32mm, có tối thiểu các cỡ 8mm, 10mm, 12mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm - Chiều dài khoảng 20cm - 30cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) + Hoặc chứng nhận CE (Châu Âu)	Cái	80
610	Mạch máu nhân tạo thẳng bằng Polyester tẩm Collagen, đường kính 16mm → 20mm, dài ≥ 30cm	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Polyester được ngâm tẩm Collagen - Đường kính khoảng 16mm - 20mm, có tối thiểu các cỡ 16mm, 18mm, 20mm, chiều dài ≥ 30cm - Độ thấm nước ≤ 5 ml/min/cm² Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
611	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 6mm → 8mm, dài tối thiểu 50cm, có vòng xoắn ngoài bằng PTFE	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng trong phẫu thuật tim mạch - Chất liệu bằng Expanded olytetrafluoroethylene/ Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE), vòng xoắn ngoài bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Đường kính khoảng 6mm - 8mm, chiều dài tối thiểu 50cm - Sức chịu kéo chỉ khâu tối thiểu 300g Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
612	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng Polyester, có tráng bạc, kháng khuẩn, đường kính 6mm → 8mm, dài ≥ 60cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng Polyester có tráng bạc, kháng khuẩn - Đường kính 6mm, 7mm, 8mm, dài ≥ 60cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
613	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng Polyester, có tráng bạc, kháng khuẩn, đường kính 6mm → 8mm, dài ≥ 90 cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng Polyester có tráng bạc, kháng khuẩn - Đường kính 6mm, 7mm, 8mm, dài ≥ 90cm - Cấu tạo có vòng xoắn chống gập, dễ nén Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
614	Mạch máu nhân tạo có ngâm tẩm Gelatin cho phình gốc động mạch chủ	Mạch máu nhân tạo cho phẫu thuật thay động gốc động mạch chủ và động mạch chủ lên kèm bảo tồn hoặc thay van động mạch chủ - Mạch máu bằng Polyester ngâm tẩm Gelatin - Gồm 3 phần: phần gốc, phần phình tạo xoang, phần thân mạch máu - Đường kính phần gốc và thân có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm. Chiều dài thân $\geq 15\text{cm}$, chiều dài gốc $\geq 10\text{mm}$ - Đường kính đoạn phình có tối thiểu các cỡ 34mm, 36mm, 38mm, 42mm, chiều dài đoạn phình có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	3
615	Miếng dán chống dính tự tiêu dùng trong phẫu thuật 7.5cm x 13cm ($\pm 0.5\%$)	Miếng dán chống dính tự tiêu dùng trong phẫu thuật. - Thành phần: gồm Polysaccharides, Natri Hyaluronate (HA) và Carboxymethylcellulose - Kích thước 75mm x 130mm ($\pm 0.5\%$) - Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	40
616	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc, trọng lượng khoảng 18g - 22g	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc - Pin máy hoạt động ≥ 15 năm, tần số tạo nhịp cơ bản lên tới 200 lần/phút, trọng lượng khoảng 18g - 22g, dây 6mm - 8mm - Một dây dẫn tạo nhịp lưỡng cực dài $\geq 35\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	2
617	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc, trọng lượng khoảng 20g - 25g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng theo vận động, dùng dây thượng tâm mạc - Pin máy hoạt động ≥ 10 năm, tần số tạo nhịp cơ bản lên tới 200 lần/phút, trọng lượng khoảng 20g - 25g, dây khoảng 6mm - 8mm - Hai dây dẫn tạo nhịp lưỡng cực dài $\geq 35\text{cm}$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO 13485:2016 + Hoặc Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Bộ	4
618	Miếng đệm khâu phẫu thuật khoảng 152 x 25 x 1.65mm ($\pm 0.5\%$)	Miếng đệm khâu phẫu thuật bảo vệ các mô khỏi bị vỡ hoặc ma sát bởi chỉ khâu - Chất liệu Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Kích cỡ khoảng 152 x 25 x 1.65mm ($\pm 0.5\%$) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	400
619	Miếng và tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 10 x 15cm ($\pm 0.5\%$)	Miếng và tim nhân tạo sinh học dùng vá tim và tạo hình mạch máu - Chất liệu bằng màng ngoài tim bò - Kích cỡ 10 x 15cm ($\pm 0.5\%$), dày 0.5mm $\pm$ 0.25mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	30
620	Miếng và tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 4 x 6cm ($\pm 0.5\%$)	Miếng và tim nhân tạo sinh học dùng tạo hình mạch máu - Chất liệu màng ngoài tim bò - Kích cỡ: 4 x 6cm ($\pm 0.5\%$), dày 0.55mm $\pm$ 0.2mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	30

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
621	Miếng vá tim bằng màng ngoài tim bò, cỡ 4 x 4cm (± 05%)	Miếng vá tim nhân tạo sinh học dùng tạo hình mạch máu - Chất liệu màng ngoài tim bò - Kích cỡ: 4 x 4cm (± 05%), dày 0.55mm ± 0.2mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Miếng	30
622	Ống hút mềm trực tiếp trong tim, cỡ 10Fr → 20Fr	Ống hút mềm trực tiếp trong tim - Chất liệu PVC hoặc Silicone mềm - Cỡ khoảng 10Fr - 20Fr, có tối thiểu các cỡ 13Fr, 16Fr, 20Fr - Chiều dài > 30cm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	90
623	Ống hút mềm trực tiếp trong tim, cỡ 12Fr → 20Fr, dài 30cm → 40cm	Ống hút mềm trực tiếp trong tim - Chất liệu PVC hoặc Silicone - Đầu ống hút có nhiều lỗ, đầu tip kim loại giảm tổn thương mô - Cỡ khoảng 12Fr - 20Fr, có tối thiểu các cỡ 12Fr, 20Fr - Chiều dài ống hút khoảng 30cm - 40cm, co nối dây hút 1/4" (0.64cm) Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
624	Shunt mạch vành, cỡ 1.25mm → 2.0mm	Shunt trong mạch vành duy trì lưu lượng máu mạch vành khi phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: Silicone 100% - Cỡ khoảng 1.25mm - 2.0mm, có tối thiểu các cỡ 1.25mm, 1.5mm, 1.75mm, 2.0mm Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	60
625	Stent động mạch chủ điều trị bóc tách động mạch chủ	Stent dùng trong phẫu thuật điều trị bóc tách động mạch chủ - Chất liệu: Stent bằng Nitinol, đầu gắn gắn với vòng khâu bằng PTFE - Đường kính stent: khoảng 30mm - 55mm, đường kính vòng khâu tối thiểu có 2 cỡ: 24mm và 32mm - Chiều dài stent: khoảng 155mm - 235mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
626	Van động mạch chủ sinh học không khâu, van bằng màng ngoài tim bò, các cỡ	Van động mạch chủ sinh học không khâu - Chất liệu: lá van làm từ màng ngoài tim bò, khung van hợp kim - Chiều cao khoảng 30mm đến 37mm. - Đường kính van từ 19mm đến 27mm. Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + ISO13485:2016 + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	2
627	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, vòng khâu van bằng Silicone, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò, giá đỡ bằng hợp kim Cobalt - Chromium và được phủ bởi lớp Polyester - Vòng khâu van bằng Silicone - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
628	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học gồm ba lá riêng biệt từ màng tim bò, cỡ 19mm → 25mm	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu: lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò, giá đỡ bằng hợp kim Cobalt - Chromium và được phủ bởi lớp Polyester dệt - Vòng khâu van bằng Silicone được phủ bởi Polytetrafluoroetylen (PTFE) - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm - Van có thể nong rộng trong can thiệp van về sau Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
629	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, bằng màng tim heo, phủ Polyester, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu: lá van có cấu tạo từ màng tim heo, làm từ Polymer cao phân tử bọc bằng lớp vải Polyester - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	20
630	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, bằng van tim heo, phủ Polyester, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Van làm từ van tim heo, khung van làm từ Polymer cao phân tử bọc bằng lớp vải Polyester - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
631	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, khung van Polyetheretherketone, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu: Ba lá van có cấu tạo từ màng tim bò, khung van bằng chất liệu Polyetheretherketone được phủ Polyester - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	5
632	Van tim động mạch chủ cơ học, có khung bảo vệ, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van làm bằng sợi polyester - Đường kính vòng van từ 17mm đến 29mm - Đường kính trong vòng van 15mm - 27mm - Diện tích lỗ van hiệu quả trên 1.42cm² - Kèm theo một tay cầm/xoay van Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	15
633	Van tim động mạch chủ cơ học, trục xoay gờ nổi, giảm tiếng ồn, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, vòng van chứa lớp PTFE, bên trong polyester - Có tối thiểu các cỡ 18mm, 20mm, 22mm, 24mm - Kèm tay cầm van và dụng cụ hỗ trợ Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
634	Van tim động mạch chủ cơ học, vòng khâu mỏng PTFE, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, vòng van chứa PTFE, an toàn với ngưỡng INR dưới 2.0 - Đường kính van có tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm Tiết khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
635	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng Polytetrafluoroethylene	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng Polytetrafluoroethylene - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm - Diện tích mở van $\geq 2.1\text{cm}^2$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50
636	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng Polytetrafluoroetylen và Polyester	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng Polytetrafluoroetylen và Polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm - Diện tích mở van $\geq 2.5\text{cm}^2$ Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
637	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, vòng khâu van bằng sợi Polyester	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu van bằng carbon nhiệt phân, được gắn trên vòng khâu van bằng sợi Polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm - Đường kính lỗ van khoảng 18mm - 26mm - Diện tích mở van $\geq 2.5\text{cm}^2$ Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	40
638	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, bằng van tim heo, phủ Polyester	Van tim hai lá nhân tạo sinh học - Van làm từ van tim heo, khung van làm từ Polymer cao phân tử bọc bằng lớp vải Polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10
639	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, lá van bằng màng ngoài tim heo, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van màng ngoài tim heo, giá đỡ Polyester phủ màng ngoài tim bò, vòng khâu van từ Polyester, có vòng chỉ hướng dẫn vị trí đặt van - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm - Đường kính trong có tối thiểu các cỡ 23mm, 31mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	45
640	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, màng ngoài tim bò, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo sinh học - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - Chromium - Vòng khâu có vòng chỉ hướng dẫn vị trí đặt van - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	35
641	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, màng ngoài tim bò, vòng van bằng hợp kim Coban Chrom được phủ lớp Polyester	Van tim hai lá nhân tạo sinh học: - Chất liệu lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung van bằng Nitinol, vòng van bằng hợp kim Coban-Chrome được phủ lớp Polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	10

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
642	Vòng van tim hai lá hoặc ba lá nhân tạo loại bán cứng	Vòng van tim hai lá hoặc ba lá nhân tạo loại bán cứng - Chất liệu gồm lõi MP35N được phủ Silicone và bọc sợi Polyester - Có tối thiểu các cỡ 28mm, 30mm, 32mm, 34mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25
643	Vòng van tim hai lá nhân tạo hình yên ngựa, lõi cứng phần trước, mềm phần sau	Vòng van tim hai lá nhân tạo hình yên ngựa, lõi cứng phần trước, mềm phần sau - Chất liệu lõi từ Cobalt - Chromium, vòng khâu bằng Silicone phủ Polyester - Có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	70
644	Vòng van tim hai lá bán cứng linh hoạt theo chu chuyển tim	Vòng van tim hai lá nhân tạo bán cứng - Chất liệu gồm lõi Polyethylene và bọc sợi Polyester - Có tối thiểu các cỡ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25
645	Vòng van tim hai lá/ba lá nhân tạo loại mềm	Vòng van tim hai lá/ba lá nhân tạo loại mềm - Chất liệu gồm lõi Silicone và bọc sợi Polyester - Có tối thiểu các cỡ 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	25
646	Vòng van tim ba lá nhân tạo mềm dẻo có chọn lọc, hình dạng lượn sóng 3D, cỡ 28mm → 36mm	Vòng van tim ba lá nhân tạo, dạng lượn sóng 3D - Chất liệu lõi bằng titanium, vòng khâu bằng Silicone phủ polyester - Thiết kế: vòng van hở - Có tối thiểu các cỡ 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm Tiệt khuẩn Đạt chứng nhận: + Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc FDA 510(k) (FDA Cleared) + Hoặc Chứng nhận CE theo luật định EU được Tổ chức chứng nhận (Notified Body) cấp	Cái	50

CÔNG TY:

MÃ ĐỊNH DANH:

SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Danh mục mời chào giá		Hàng hóa chào giá										Chứng minh giá			
	Stt trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số đăng ký lưu hành	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tên cơ sở y tế	Số/ngày QĐ kết quả lựa chọn nhà thầu	Số Thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu (VND)

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

